

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2026**  
**nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 775/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 236/BC-BKTNS ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Nội dung điều chỉnh**

Phân bổ chi tiết số vốn dự phòng ngân sách địa phương tại Điều 4 Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố, là 18.400 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Bố trí vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP và dự án phục vụ dự án PPP là 6.994 tỷ đồng (*chi tiết theo Biểu số 1*).

- Bố trí vốn ngân sách Thành phố tập trung là 7.501,361 tỷ đồng (*chi tiết theo Biểu số 2.1, 2.2*).

- Bố trí số vốn để thực hiện Chương trình Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho cán bộ công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 172,5 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân sách các xã, phường, đặc khu là 3.732,139 tỷ đồng (*chi tiết theo Biểu số 3*).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết và chịu trách nhiệm:

- Toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân Thành phố, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về sự phù hợp, tính chính xác của nội dung, thông tin, số liệu trong danh mục dự án được đề cập tại các biểu phụ lục đính kèm Tờ trình và Nghị quyết.

- Tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định có liên quan; đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

- Chỉ đạo các Sở, ngành hướng dẫn các xã, phường, đặc khu tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn liên quan đến công tác phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, điều chỉnh quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng... đảm bảo dự án được thực hiện thông suốt, đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-LKieu).

**CHỦ TỊCH****Võ Văn Minh**

**Biểu số 1**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

Nguồn vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP và dự án phục vụ dự án PPP

*(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

*ĐVT: triệu đồng.*

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC-HT)					
	<b>Tổng cộng</b>				<b>11.323.000</b>		<b>29.000</b>	<b>20.000</b>	<b>6.994.000</b>	<b>7.014.000</b>	
<b>A</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>				<b>8.790.000</b>		<b>29.000</b>	<b>20.000</b>	<b>6.988.000</b>	<b>7.008.000</b>	
1	DATP 1-5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn từ ranh giới với tỉnh Tây Ninh đến Cảng Hiệp Phước, TP HCM)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Hiệp Phước	2248/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	1.740.000	2026-2029	6.000	10.000	1.508.000	1.518.000	
2	DATP 1-3 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn từ sông Sài Gòn đến kênh Thầy Cai)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Tân An Hội và xã Nhuận Đức	2237/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	7.050.000	2026-2029	23.000	10.000	5.480.000	5.490.000	
<b>B</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>				<b>2.533.000</b>				<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMBT	Thời gian (KC-HT)					
1	Dự án thành phần 1- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng cầu Cần Giờ thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Cần Giờ theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Nhà Bè, xã Bình Khánh		2.533.000	2025-2029			6.000	6.000	

**Biểu số 2.1**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**  
**Nguồn vốn ngân sách Thành phố tập trung**  
**Các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMBĐT	Thời gian (KC - HT)					
<b>Tổng cộng</b>					<b>92.924.304</b>		<b>18.513.137</b>	<b>6.976.101</b>	<b>6.993.756</b>	<b>13.969.857</b>	
<b>A</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				<b>81.490.608</b>		<b>18.484.566</b>	<b>6.813.553</b>	<b>2.203.086</b>	<b>9.016.639</b>	
<b>I</b>	<b>Bố trí vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành</b>				<b>17.101.063</b>		<b>13.057.379</b>	<b>18.969</b>	<b>308.283</b>	<b>327.252</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chợ Quán,	319/QĐ-SCT ngày 02/8/2024	79.107	2024-2025	68.855		90	90	
2	Đầu tư lắp đặt hệ thống CNTT Bệnh viện Nhân Ái	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Tỉnh Đồng Nai	400/QĐ-STTT ngày 05/11/2024	6.000	2024-2025	4.847		3	3	
3	Đầu tư xây dựng bổ sung một số hạng mục Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thạnh Lộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Thới An	1319/QĐ-SXD-TĐDA ngày 14/11/2024	11.894	2023-2025	10.240		76	76	
4	Bờ kè bảo vệ rạch Cà Cầm khu vực trường mầm non Nam Sài Gòn, quận 7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	1368/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2024	36.391	2024-2025	29.301	-	172	172	
5	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	1088/QĐ-SXD-TĐDA ngày 01/10/2024	70.132	2023-2025	57.374		2.238	2.238	
6	Cải tạo đường Cộng Hòa từ hẻm số 2 đường Trần Quốc Hoàn đến đường Thăng Long	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Quận Tân Bình	1223/QĐ-SGTVT ngày 17/10/2022	167.854	2016 - 2023	147.980		583	583	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
7	GPMB công trình NC, MR đường ĐT 743 (đoạn từ ngã tư miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Khánh, An Phú, Tân Đông Hiệp, Dĩ An	718a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016, 2523/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 và 3277/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1.051.659	2016 - 2025	837.320	500	452	952	
8	Nạo vét chính trị tuyến rạch Bà Chiêm-Bà Chùa-Lấp Dầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Huyện Nhà Bè	488/QĐ-SGTVT ngày 10/04/2024	53.847	2015 - 2025	41.521		5.000	5.000	
9	Xây dựng kè bảo vệ khu dân cư Tắc Sông Chà thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Huyện Cần Giuộc	308/QĐ-SGTVT ngày 22/03/2022	158.860	2015 - 2020	104.495		380	380	
10	Xây dựng kè chống sạt lở rạch Dơi - sông Kinh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Huyện Nhà Bè	455/QĐ-SGTVT ngày 25/04/2022	104.007	2016 - 2021	32.975		2.100	2.100	
11	Chống sạt lở bờ phải rạch Tra - khu vực nhà máy thực phẩm Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Huyện Hóc Môn	6155/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2018	116.899	2018 - 2021	78.813		24	24	
12	Nạo vét rạch Cầu Sa (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bình Tân, xã Bà Điểm, xã Vĩnh Lộc	671/QĐ-SNN ngày 27/12/2024	62.483	2019 - 2025	36.864		1.287	1.287	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước đường 8, phường Phước Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	1579/QĐ-SXD-HTKT ngày 18/10/2019	119.564	2018 - 2023	49.916	451	39	490	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
14	Xây dựng công viên Tân Thạnh Tây (khu 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phú Hòa Đông	1444/QĐ-SXD-HTKT ngày 16/12/2024	21.888	2023 - 2025	15.004	610	823	1.433	
15	Xây dựng mới trường Mầm non Nguyệt Quế	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Bình Hưng Hòa	6974/QĐ-UBND ngày 28/09/2018	65.963	2018 - 2024	52.050		550	550	
16	Xây dựng mới trường tiểu học Bình Trị Đông A quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Bình Trị Đông,	1162/QĐ-SXD-TĐDA ngày 21/07/2022	109.530	2016 - 2024	104.300		535	535	
17	Xây dựng mới Trường Tiểu Học Trần Cao Vân quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Tân Tạo,	783/QĐ-SXD-TĐDA ngày 31/05/2022	164.465	2022 - 2024	155.009		750	750	
18	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Cơ, phường An Lạc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Quận Bình Tân	317/QĐ-SGTVT ngày 24/03/2022	160.764	2016 - 2023	68.344		877	877	
19	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa	5315/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 (điều chỉnh tại 4782/QĐ-UBND ngày 28/08/2021)	44.874	2021-2025	37.706		567	567	
20	Công viên đường Võ Thị Sáu, phường Long Tâm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Tam Long	8852/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 (điều chỉnh tại 2298/QĐ-UBND ngày 05/07/2024)	2.600	2025-2025	2.017		391	391	
21	Đường Phạm Phú Thứ, phường Phước Hưng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa	5816/QĐ-UBND ngày 07/09/2021	23.665	2023-2025	21.810		172	172	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
22	Nâng cấp, duy tu các tuyến đường trên địa bàn thành phố Bà Rịa năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương, Phường Tam Long	6230/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	14.999	2025-2025	10.230		306	306	
23	Lắp đặt, thay thế đèn chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương, Phường Tam Long	79/NQ-HĐND ngày 01/11/2024	6.500	2025-2025	2.633		543	543	
24	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã Hòa Long	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Tam Long	6243/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	8.000	2025-2025	5.698		168	168	
25	Sửa chữa trụ sở các phòng ban trực thuộc UBND thành phố năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương, Phường Tam Long	6227/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	3.600	2023-2025	135		81	81	
26	Đường Nguyễn Chánh Sắt, phường Phước Hưng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa	5817/QĐ-UBND ngày 07/09/2021	14.700	2023-2025	5.509		113	113	
27	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu TĐC Hòa Long	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Tam Long	5744/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	575	2021-2025	267		308	308	
28	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1 /500 Kè hai bờ sông Dinh từ cầu Long Hương đến cầu Nhà máy nước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương	1648/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	687	2026-2027	-		10	10	
29	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phường Phước Hưng giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa	2441/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	1.250	2026-2027	-		200	200	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
30	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ ĐT741 quán com bà Hương đến giáp ranh giới xã Tân Bình, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Cát	Phường Chánh Phú Hòa	2483/QĐ-UBND; 11/09/2023	7.138	27/11/2023-21/10/2024	5.883		426	426	
31	Cải tạo nâng cấp BTNN tuyến đường từ Lộ 7B (công văn hóa khu phố 5) đến giáp đường ĐH605 (nhà bà 4 Cục) và nhánh rẽ giáp ngã 3 đất Út Trâm, khu phố 5, phường Chánh Phú Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Cát	Phường Chánh Phú Hòa	1755/QĐ-UBND; 07/07/2023	8.948	27/11/2023-24/06/2024	8.286		71	71	
32	Nâng cấp BTNN tuyến đường Quốc lộ 13 (Chùa Tô) - 5 Nhon Khu phố 4, phường Tân Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Cát	P. Hòa Lợi	4266/QĐ-UBND; 29/12/2023	8.114	19/11/2024-18/05/2025	7.445		78	78	
33	Cải tạo nâng cấp BTNN tuyến đường liên khu phố 2 - 8 từ Lộ 7B ruộng làng đến giáp đường NE 4 và nhánh rẽ giáp nhà bà 2 Cảnh, khu phố 2 - 8, phường Chánh Phú Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Cát	Phường Chánh Phú Hòa	4265/QĐ-UBND; 29/12/2023	11.161	19/11/2024-17/06/2025	9.316		553	553	
34	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại giao lộ đường Ngô Quyền với đường vào Đình Bến Tranh và giao lộ đường Cầu Đò mới với đường Cầu đường 76	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Cát	P. Bến Cát	2583/QĐ-UBND; 28/10/2024	1.676	08/01/2025-08/04/2025	1.502		13	13	
35	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo an ninh mạng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Thành	Phường Bến Thành	1253/QĐ-UBND ngày 03/06/2020	4.498	2024 - 2025	4.353		9	9	
36	Nâng cấp bờ bao rạch Cầu Cống Tô 24 Khu phố 2 (đoạn từ tiếp giáp công trình bờ bao năm 2017 đến công trình cừ nhựa uPVC Tô 24)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	9591/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	5.265	2023 - 2025	4.588		6	6	
37	Nâng cấp bờ bao rạch Cầu Cống Tô 18 - 20 -24 Khu phố 2 (đoạn từ quán cá Phú Lộc đến thượng lưu rạch)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	9592/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	7.965	2023 - 2025	6.131		23	23	
38	Xây dựng mới Trường tiểu học Thạnh Mỹ Lợi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	Phường Cát Lái	11/QĐ-SXD-TĐDA	47.077	2007-2014	44.516		2.484	2.484	
39	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà thiếu nhi Quận 8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Chánh Hưng	Phường Chánh Hưng,	686/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	42.905	2023 - 2025	39.683		419	419	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
40	Xây dựng Trường tiểu học phường 12 quận Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Hạnh Thông	Phường An Hội Tây	1283/QĐ-SXD-TĐDA ngày 07/7/2023	61.052	2024 - 2025	51.986	2.000	567	2.567	
41	Nâng cấp, cải tạo mặt hẻm phường 1,3,4,5,7, quận Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Hạnh Thông	Phường Hạnh Thông, An Nhơn	3375/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	9.590	2024 - 2025	8.020	500	101	601	
42	Nâng cấp, cải tạo mặt hẻm phường 6,8,9,11,12, quận Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Hạnh Thông	Phường An Nhơn, Thông Tây Hội, An Hội Tây	3374/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	11.980	2024 - 2025	8.279	1.500	470	1.970	
43	Nâng cấp, cải tạo mặt hẻm phường 16, quận Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Hạnh Thông	Phường An Hội Đông	3373/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	9.675	2024 - 2025	6.270	500	898	1.398	
44	Nâng cấp, cải tạo mặt hẻm phường 10,13,14,15,17, quận Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Hạnh Thông	Phường Gò Vấp, An Nhơn, An Hội Tây	3378/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	10.963	2024 - 2025	8.890	500	391	891	
45	Nâng cấp, Cải tạo đường Nguyễn Chí Thanh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lái Thiêu	Phường Lái Thiêu	8975/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	116.305	2021 - 2024	72.298		446	446	
46	Xây dựng mới đường D4, N4 (Đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lái Thiêu	Phường Thuận Giao	5511/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	36.824	2020 - 2025	32.768		400	400	
47	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THCS Nguyễn Trung Trực	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lái Thiêu	Thuận An	1737/QĐ-UBND ngày 21/07/2022	87.689	2023-2025	80.703	-	1.125	1.125	
48	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THCS Nguyễn Trường Tộ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lái Thiêu	Lái Thiêu	1738/QĐ-UBND ngày 21/07/2022	121.592	2023-2025	106.296	-	3.000	3.000	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
49	Trường TH An Phú 3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lái Thiêu	An Phú	3294/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	105.771	2023-2025	97.568	-	2.318	2.318	
50	Sửa chữa trường Tiểu học Mỹ Xuân và trường THCS Phan Bội Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	Phường Phú Mỹ	6054/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	18.847	04/08/2025 04/10/2025	12.757		6.090	6.090	
51	Sân vận động Tân Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	Phường Tân Hải	4739/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	77.270	02/02/2024 20/6/2025	71.796		3.613	3.613	
52	Sửa chữa trường Mầm non Tân Phước, trường Tiểu học Nguyễn Thị Định, trường THCS Tân Phước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	Phường Tân Phước	6025/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	10.613	04/06/2025 02/9/2025	7.131		1.200	1.200	
53	Đường D5 Khu dân cư số 9, thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Hải	3100/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	65.010	2024-2026	49.293		2.000	2.000	
54	Đường quy hoạch 46 nối dài Khu đô thị mới Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Phú Mỹ	2366/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; 300/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	250.189	2020-2024	206.164		7.490	7.490	
55	Đường H nối dài, phường Hắc Dịch thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	2371/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 2508/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	124.693	2021-2025	113.182		2.105	2.105	
56	Đường nối tiếp đường quy hoạch 81, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Phú Mỹ	2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 2542/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	45.082	2021-2024	34.670		1.898	1.898	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
57	Đường quy hoạch S song song QL51, khu đô thị mới Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Phú Mỹ	3035/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	420.704	2019-2024	406.574		8.000	8.000	
58	Đường số 16, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	xã Châu Pha	3102/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	67.191	2024-2025	49.397		1.518	1.518	
59	Đường tổ 7 ấp Sông Xoài 2, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5813/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	791	2025-2025	682		100	100	
60	Đường quy hoạch D22 khu dân cư 3B, đô thị mới Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Phú Mỹ	3103/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	149.638	2024-2025	136.414		3.500	3.500	
61	Xây dựng hệ thống mương khu vực chợ Mỹ Thạnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Phú Mỹ	5700/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1.017	2025-2025	846		122	122	
62	Đường nội đồng tổ 6 - tổ 8 ấp Cầu Mới (gd2), xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5800/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	2.344	2025-2025	1.284		553	553	
63	Đường miếu Quan âm đi ấp Cầu Ry, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5801/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.961	2025-2025	2.642		1.319	1.319	
64	Đường tổ 7 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5802/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.677	2025-2025	1.269		249	249	
65	Đường tổ 1 - tổ 2 ấp Sông Xoài 2, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5803/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.792	2025-2025	1.209		583	583	
66	Đường tổ 4, tổ 5 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5804/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.988	2025-2025	1.425		178	178	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
67	Đường số 2 trong quy hoạch khu dân cư xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5806/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.013	2025-2025	851		116	116	
68	Đường tổ 4 - tổ 7 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5807/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.199	2025-2025	1.007		136	136	
69	Đường tổ 5 ấp Phước Bình, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5808/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.589	2025-2025	1.301		212	212	
70	Đường tổ 8, tổ 9 ấp Sông Xoài 2, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5810/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.564	2025-2025	1.193		235	235	
71	Đường tổ 4 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5811/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.293	2025-2025	916		179	179	
72	Đường tổ 8 ấp Sông Xoài 2, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5812/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.412	2025-2025	432		980	980	
73	Đường tổ 2 - tổ 3 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5814/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.489	2025-2025	1.003		197	197	
74	Đường tổ 5 - tổ 6 ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5815/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	899	2025-2025	699		200	200	
75	Đường tổ 1 - tổ 2 ấp Phước Bình, xã Sông Xoài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Mỹ	phường Tân Thành	5816/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	2.398	2025-2025	1.609		316	316	
76	XD nhà tang lễ thành phố Vũng tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Phước Thắng	3644/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	130.277	2022 - 2025	122.622	400	5.900	6.300	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
77	Cải tạo, sửa chữa trường TH Chí Linh; TH Thắng Tam; THCS Võ Trường Toản; TH Lưu Chí Hiếu.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Rạch Dừa	QĐ 1833/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	2.923	2024 - 2025	2.453		346	346	
78	Cải tạo, sửa chữa trường TH Lý Tự Trọng; MN Trúc Xanh; TH Nguyễn Viết Xuân; THCS Vũng Tàu.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	1836/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	912	2024 - 2025	712		153	153	
79	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Châu Thành; TH Thắng Nhất; MG Phường 8; MN Châu Thành.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	1849/QĐ-UBND ngày 20/03/2025	2.301	2024 - 2025	1.665		225	225	
80	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thắng Nhì	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	8411/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	33.110	2024 - 2025	27.761		2.615	2.615	
81	Trung tâm VH học tập cộng đồng Phường Thắng Nhất	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Rạch Dừa	1601/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	56.817	2023 - 2025	48.861		2.428	2.428	
82	Mở rộng trường THCS Trần Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Tam Thăng	13804/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	29.162	2023 - 2025	22.345		1.469	1.469	
83	Trường mầm non Hàng Điều Phường 11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Phước Thắng	2408/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	80.315	2021 - 2025	69.390		7.618	7.618	
84	Trường THCS Hàn Thuyên TPVT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Rạch Dừa	2492/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	178.311	2024 - 2025	139.089		14.120	14.120	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
85	Đường Hàng Điều (đoạn từ 30/4 đến 51C)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường phước Thắng	2864/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	467.237	2021 - 2024	391.999		27.269	27.269	
86	Hầm đi bộ qua đường Thủy Vân (tại vị trí ngã ba đường Phó Đức Chính và đường Thủy Vân), thành phố Vũng tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Tam Thắng	3869/QĐ-UBND ngày 10/05/2024	32.393	2024 - 2025	25.733		3.800	3.800	
87	Xây dựng tuyến ống thoát nước thải đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Thủy Vân đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), thành phố Vũng Tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Tam Thắng	7815/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	13.393	2024 - 2025	10.629		1.100	1.100	
88	Cải tạo, nâng cấp đường Đồ Chiểu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	6602/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	81.024	2019 - 2024	71.545		61	61	
89	Cải tạo các tuyến đường khu đồi Ngọc Tước, phường Thắng Tam	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	QĐ 7689/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	15.065	2024 - 2025	9.906		1.500	1.500	
90	Cải tạo nâng cấp hẻm 06, hẻm 12, hẻm 34 đường Bắc Sơn, phường 11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường phước Thắng	3859/QĐ-UBND ngày 10/05/2024	2.695	2023 - 2025	2.134		300	300	
91	Cải tạo cảnh quan cây xanh, mảng xanh đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Vũng Tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	3708/QĐ-UBND ngày 15/05/2025	18.633	2024 - 2025	14.805		2.310	2.310	
92	Nâng cấp cải tạo đường Lê Lai (đoạn từ đường Thống Nhất - TCD)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	12608/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	54.999	2022 - 2025	42.623		2.230	2.230	
93	Đường Cầu Cháy TPVT (đoạn từ đường 30/4 đến đường 3/2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường phước Thắng	3764/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	527.247	2021 - 2024	469.285		20.022	20.022	
94	Đường quy hoạch AIII, phường 12, thành phố Vũng Tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường phước Thắng	2296/QĐ-UBND ngày 18/09/2023	467.906	2022 - 2025	373.495		11.403	11.403	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
95	Đường Thống Nhất (nối dài) TPVT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	2497/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	850.309	2021 - 2024	819.290		18.855	18.855	
96	Đường Hồ Quý Ly (đoạn từ HHT đi Phan Văn Trị)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	5050/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	74.883	2025 - 2025	60.827	6.557	7.043	13.600	
97	Nâng cấp hệ thống thoát nước mưa đường Nguyễn An Ninh (Đoạn từ đường Thủy Vân đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), thành phố Vũng Tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Tam Thăng	3684/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	36.554	2024 - 2025	19.855		10.000	10.000	
98	HTKT Khu tái định cư 10ha trong 58ha phường 10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường rạch dừa	1174/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	326.980	2019 - 2023	280.584		24	24	
99	Cải tạo, nâng cấp các tuyến hẻm địa bàn phường 1, 2, 5, Thăng Tam	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	898/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	1.732	2024 - 2025	1.043		340	340	
100	Cải tạo, nâng cấp hẻm 1686 đường Võ Nguyên Giáp (đường vào trường TH Võ Nguyên Giáp), Phường 12	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường phước Thăng	2250 QĐ-UBND ngày 11/05/2023	28.424	2023 - 2025	17.491		10.932	10.932	
101	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, P.Thắng Nhì	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	5752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	115.364	2021 - 2024	13.914		2.000	2.000	
102	Đường Bình Giã (đoạn từ đường 30/4 đến nối đường 2/9), thành phố Vũng Tàu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường rạch dừa	QĐ 2855/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	421.856	2022 - 2025	329.179		20.700	20.700	
103	Cải tạo sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng tại tuyến đường Vi Ba và đường Hải Đăng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Vũng Tàu	Quyết định số 3401 QĐ-UBND ngày 02/05/2025	6.980	04/07/2025-13/01/2026	4.625		850	850	
104	Đường quy hoạch A4 (đường vào trường THCS phường 11) TPVT	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường phước Thăng	QĐ 2293/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	198.871	11/07/2022 31/12/2024	190.602		2.053	2.053	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
105	Đường Lê Thánh Tông Thành phố Vũng Tàu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Rạch Dừa	Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	36.473	2020-2023	32.530		200	200	
106	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Mạnh Trinh (đoạn từ Lê Phụng Hiểu đến Lê Hồng Phong), phường 8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Tam Thắng	Quyết định số 948 QĐ-UBND ngày 22/01/2024	250.546	2025-2025	220.981		850	850	
107	Sửa chữa, cải tạo Trường trung học cơ sở Quang Trung, Phường 3, Quận 4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Xóm Chiếu	Phường Vĩnh Hội,	1353/QĐ-UBND-TH ngày 03/10/2024	14.913	2024 - 2026	14.418		250	250	
108	Trường THCS Lạc An (Xây dựng bổ sung 06 phòng học)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Bắc Tân Uyên	Xã Thường Tân	4855/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	14.889	2023-2025	6.184	100	297	397	
109	Tuyến mương từ đường ống dẫn khí đến TL44A giai đoạn 2 đến đường QH số 14 (khu Thái Thiết - Charm), khu phố Hải Tân, Hải Sơn, Hải Trung, thị trấn Long Hải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đất Đỏ	Thành phố HCM	6117/QĐ-UBND	14.198	2023 - 2025	7.963		1.026	1.026	
110	Đường quy hoạch số 20 thị trấn Long Điền huyện Long Điền	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đất Đỏ	Thành phố HCM	2764/QĐ-UBND	207.248	2021 - 2024	203.803		220	220	
111	Đường từ Bưu Điện đến nhà ông Lê Thu giáp đường ven biển, xã Lộc An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đất Đỏ	Xã Lộc An	5542/QĐ-UBND	31.903	2020 - 2022	27.228		660	660	
112	Xây dựng tuyến mương Đồng Thủy, thị trấn Đất Đỏ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đất Đỏ	Xã Đất Đỏ	3704/QĐ-UBND	5.256	2024 - 2025	4.469		459	459	
113	Nạo vét và xây mới kênh mương Cầu Dài, Đồng Chà - Xóm Rẫy - Đồng Chùa - Gò Cát, xã Phước Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	Xã Hồ Tràm	1790/QĐ-UBND ngày 12/03/2025	8.860	2024-2025	2.451	-	6.409	6.409	
114	Xây dựng cầu bắc qua suối tại tổ 11 ấp Phú Vinh, xã Hòa Hiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	Xã Hoà Hiệp	3311/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	3.838	2024-2025	3.138	-	700	700	
115	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng dọc Tuyến đường liên xã Hòa Hiệp – Bình Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	Xã Hoà Hiệp - Bình Châu	10688/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	12.000	2024-2025	8.808	-	3.192	3.192	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
116	Đường Khu dân cư Láng Hàng, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	Xã Bình Châu	287/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	34.136	2021-2023	15.810	-	1.420	1.420	
117	Lập dự án nâng cấp mở rộng đường Long Thới - Nhơn Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Nhà Bè	Xã Hiệp Phước	297/QĐ-SGTVT ngày 21/3/2022	88.235	2016 - 2022	64.910	232	14	246	
118	Xây dựng kè chống sạt lở bờ phải rạch Bàu Le, tổ 2, ấp 3, xã Hiệp Phước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Nhà Bè	Xã Hiệp Phước	956/QĐ-UBND 11/7/2022	71.637	2022 - 2023	59.575	100	368	468	
119	Xây mới Văn phòng ấp Phú Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2284/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	3.000	2024-2025	2.270	-	1	1	
120	Sửa chữa, cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy, chống sét trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện Củ Chi	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Tân An Hội	4971/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	13.663	2024-2025	12.352	-	67	67	
121	Sửa chữa trụ sở chính Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Tân An Hội	1997/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	8.637	2024-2025	7.945	-	37	37	
122	Xây mới Văn phòng ấp Xóm Chùa	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2282/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	3.000	2024-2025	2.792	-	1	1	
123	Xây mới Văn phòng ấp Xóm Thuốc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2283/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	3.300	2024-2025	2.081	-	1	1	
124	Xây mới Văn phòng ấp An Hòa	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2286/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	3.000	2024-2025	2.782	-	1	1	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
125	Xây mới Văn phòng ấp An Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Bình Mỹ	2021/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	4.000	2024-2025	3.303	-	19	19	
126	Xây mới văn phòng ấp Ngã Tư	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Nhuận Đức	2011/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	2.500	2024-2025	2.068	-	1	1	
127	Xây mới văn phòng ấp 3 (ấp 3, xã Phạm Văn Cội)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Nhuận Đức	2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	6.000	2024-2025	4.727	-	1	1	
128	Xây mới Văn phòng ấp An Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2287/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	3.000	2024-2025	2.781	-	1	1	
129	Xây dựng mới Văn Phòng ấp Trung Hưng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Thái Mỹ	2274/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	2.000	2024-2025	1.691	-	1	1	
130	Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện Bệnh viện Nhân Ái	Bệnh viện Nhân Ái	Tỉnh Đồng Nai	QĐ số 256/QĐ-SCT ngày 23/07/2021	67.504	2019 - 2021	51.174		223	223	
131	Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Võ Thị Sáu	796/QĐ-SXD-ĐTDA ngày 03/6/2022	49.502	2017-2022	47.893	-	86	86	
132	Di dời lưới điện trung hạ thế trên xa lộ Hà Nội thuộc tỉnh Bình Dương (do Điện lực Bình Dương quản lý)	Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố	Thành phố HCM	387/QĐ-SCT ngày 14/8/2014	10.977	2014 - 2015	-		1.000	1.000	
133	Kiểm định Lô E chung cư số 518 Võ Văn Kiệt	Công ty TNHH 1 Thành viên Dịch vụ công ích Quận 1	Phường Cầu Ông Lãnh	5691/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	499	2019 - 2021	163		336	336	
134	Kiểm định Lô A, B, C chung cư 518 Võ Văn Kiệt	Công ty TNHH 1 Thành viên Dịch vụ công ích Quận 1	Phường Cầu Ông Lãnh	2316/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	338	2019 - 2020	304		34	34	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
135	Kiểm định chung cư 27 Ngô Đức Kế	Công ty TNHH 1 Thành viên Dịch vụ công ích Quận 1	Phường Sài Gòn	2290/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	84	2019 - 2020	75		9	9	
136	Sửa chữa chung cư 158 Pasteur	Công ty TNHH 1 Thành viên Dịch vụ công ích Quận 1	Phường Sài Gòn	2399A/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.243	2019 - 2020	680		94	94	
137	Trồng cây phủ xanh tại công viên Sài Gòn Safari (giai đoạn 2), huyện Củ Chi	Công ty TNHH 1 Thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn	Thành phố HCM	3091/QĐ-SGTVT ngày 09/10/2012	28.455	2011 - 2016	22.767		582	582	
138	Nâng cấp, mở rộng Bến phà Bình Khánh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích thanh niên xung phong	Huyện Cần Giờ	813/QĐ-SGTVT ngày 08/02/2018	34.526	2018 - 2020	14.686		1.618	1.618	
139	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Hoàng Hoa Thám- Vạn Kiếp	Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị Thành phố	Quận Bình Thạnh	591/QĐ-UB ngày 01/2/2001	159.490	2003 - 2010	138.106		838	838	
140	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Tô Hiến Thành- Cống Bà Xếp	Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị Thành phố	TP.HCM	630/QĐ-UB ngày 13/02/2007	70.504	2005 - 2009	64.140		967	967	
141	Dự án "Đầu tư bổ sung thiết bị tiền kỳ, hậu kỳ sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình mở sóng (giai đoạn 2)	Đài Phát thanh và Truyền hình BRVT	Thành phố HCM	294/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	79.371	2024 - 2025	73.637	3.981	6	3.987	
142	Xây dựng mới Học viện Cán bộ Thành phố (giai đoạn 3)	Học viện cán bộ thành phố	Phường Bình Thạnh,	278/SXD-TĐDA ngày 02/03/2023	336.079	2016 - 2023	287.125		4.500	4.500	
143	Xây dựng đường vào trung tâm hành chính Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (phía Xa lộ Xuyên Á), giai đoạn 2	Khu Công nghệ phần mềm Đại học quốc gia Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Thủ Đức,	721/QĐ-SGTVT ngày 17/06/2022	13.477	2008 - 2022	3.443		1.455	1.455	
144	Cải tạo hệ thống đón trả khách xe buýt phục vụ kết nối bến xe Miền Đông cũ – bến xe Miền Đông mới.	Trung tâm Quản lý giao thông công cộng	Bình Thạnh, Quận 2, Quận 9, Thủ Đức	QĐ số 1674/QĐ-SGTVT ngày 20/10/2020	12.322	2019-2022	12.137		185	185	
145	Cải tạo, nâng cấp các điểm dừng xe buýt trên địa bàn huyện củ chi, Hóc môn	Trung tâm Quản lý giao thông công cộng	Huyện Củ Chi	1304/QĐ-SGTVT ngày 8/9/2020	8.942	2020-2022	7.561		17	17	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
146	Xây dựng bến xe buýt Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	Trung tâm Quản lý giao thông công cộng	Huyện Bình Chánh	5588/QĐ-SGTVT ngày 27/10/2017	69.958	2017-2025	55.765		517	517	
147	Xây dựng phòng thí nghiệm, đầu tư thiết bị hỗ trợ dạy học, hệ thống màn hình LED và hệ thống camera quan sát tại trường Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Chợ Quán,	374/QĐ-STTTT ngày 31/10/2019	76.887	2018 - 2022	70.066		342	342	
148	Xây dựng Trường Trung học thực hành Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Chợ Quán,	365/QĐ-SXD-TĐDA ngày 24/03/2016	95.000	2016 - 2020	84.800		517	517	
149	Kiên cố hoá các tuyến mương thu gom nước của khu dân cư số 03, huyện Côn Đảo	Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo	đặc khu Côn Đảo	2968/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	47.973	2020-2022	46.736		117	117	
150	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo	Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo	đặc khu Côn Đảo	- 3104/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; - 2517/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	39.195	2020-2023	32.294		3.050	3.050	
151	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT từ đất ông Phàng đến nhà ông Phúc ấp Hồ Đá, xã Long Tân (Vòng Thành họ Võ)	Ủy ban nhân dân xã Long Hòa	Xã Long Hòa	1093/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	4.299	2025 - 2026	3.997		70	70	
152	Kiên cố hóa kê đá kết hợp đường giao thông Mương sau Lô B (từ Đặng Công Bình đến Kênh Trung ương)	Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn	Xã Xuân Thới Sơn	4379/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 1750/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 4414/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	13.954	2020-2024	12.280	-	450	450	
153	Đầu tư hệ thống thoát nước Đường Nguyễn Thị Đàm (từ đường Dương Công Khi đến khu dân cư tổ 13, ấp 6)	Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn	Xã Xuân Thới Sơn	4485/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	10.628	2020-2024	8.904	-	667	667	
154	Xây dựng mở rộng Trường THPT Nam Sài Gòn	Trường THPT Nam Sài Gòn	Phường Tân Mỹ	221/QĐ-SXD-TĐDA ngày 8/3/2019	144.776	2012-2019	141.605		1.602	1.602	
155	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương, quận 10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Vườn Lài	Phường Hòa Hưng	5976/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	16.938	2024-2025	12.014	-	660	660	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
156	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Măng Non III (Phường 2, quận 10)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Vườn Lài	Phường Vườn Lài	5980/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	11.999	2024-2025	8.953	-	1.075	1.075	
157	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế các phường 5, 11, 12, Thắng Tam	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thắng	Phường Phước Thắng	QĐ 9814/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	449	09/04/2025-08/07/2025	329	-	78	78	
158	Sửa chữa, cải tạo hoàn chỉnh trường THCS Châu Đức, tiểu học Bình Ba cơ sở 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Ngãi Giao	Xã Ngãi Giao	2327/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	16.405	12/2023 - 5/2024	16.245	101	59	160	
159	Đầu tư xây dựng Đường giao thông D2 Khu Công nghệ cao - Giai đoạn II	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM	Phường Tăng Nhơn Phú	289/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	552.701	2012-2017	436.876	-	1.533	1.533	
160	San nền Lô E3	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM	Phường Tăng Nhơn Phú	188/QĐ-KCNC ngày 26/9/2013	76.905	2013-2015	902	-	76	76	
161	Hệ thống chiếu sáng công cộng Khu Công nghệ cao – giai đoạn 1	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM	Phường Tăng Nhơn Phú	145/QĐ-KCNC ngày 16/7/2013	25.084	2011-2015	962	-	8	8	
162	Trường THCS Hoàng Diệu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Phú	Phường Tân Phú	1029/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	76.978	2022-2024	73.850	185	96	281	
163	Cải tạo và nâng cấp Trường Mầm non trên địa bàn quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Phú	Phường Tân Phú, Phường Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thạnh, Phường Tân Sơn Nhì	5415/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	22.268	2024-2026	19.050	500	650	1.150	
164	Xây dựng mới Trường Mầm non Sơn Ca quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	2380/QĐ-SXD-TĐDA ngày 08/11/2023	122.392	2019-2025	96.052	-	793	793	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
165	Xây dựng mới Trường Tiểu học Hùng Vương quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	2398/QĐ-SXD-TĐDA ngày 10/11/2023	147.568	2019-2025	110.990	-	1.454	1.454	
166	Xây dựng mới Trường THCS Mạc Đĩnh Chi quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	2397/QĐ-SXD-TĐDA ngày 10/11/2023	196.896	2019-2025	169.672	-	976	976	
167	Xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ để thực hiện đầu tư xây dựng cụm trường học công lập theo tiêu chuẩn quốc gia tại khu đất công trình công cộng phường 6, quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	1203/QĐ-SGTVT ngày 03/11/2023	690.082	2019-2025	621.399	-	100	100	
168	Cải tạo, sửa chữa các trường THCS trên địa bàn quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	43/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	39.500	2023-2025	38.232	-	300	300	
169	Bồi thường dự án mở rộng TTYT huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD xã Bắc Tân Uyên	Xã Thường Tân	3428/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	230	2022-2024	183	10	4	14	
170	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	Ban QLDA ĐTXD xã Bắc Tân Uyên	Xã Thường Tân	3639/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	1.004	2021-2025	786	10	66	76	
171	Sửa chữa, cải tạo các trường Tiểu học trên địa bàn quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Hòa	52/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	44.000	2023-2025	41.887	-	350	350	
172	Tuyến D9 (từ Lê Văn Mắm đến Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Dĩ An	Phường Dĩ An	1007/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	87.246	2021-2025	61.840		638	638	
173	Duy tu sửa chữa đường Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Dĩ An	Phường Dĩ An	6007/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	13.759	2024-2026	12.305		812	812	
174	Di dời mồ mã, cải tạo nghĩa địa Tổ 2 Kp Tây A, phường Đông Hòa thành công viên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Dĩ An	Phường Đông Hòa	2293/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	13.218	2021-2025	5.742		300	300	
175	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư phường Long Hương, thành phố Bà Rịa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Long Hương		700	2026-2027			10	10	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
176	Sửa chữa trụ sở UBND và Trung tâm văn hoá học tập cộng đồng các phường xã năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương, Phường Tam Long	6225/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	12.300	2.024	263		195	195	
177	Chống xuống cấp trường Tiểu học Trần Văn Quan năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Long Hương	90/NQ-HĐND ngày 01/11/2024	9.750	2024-2026	6.390	-	1.546	1.546	
178	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bà Rịa	Phường Bà Rịa, Phường Long Hương, Phường Tam Long	6218/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	12.700	2025	11.157	-	332	332	
179	Xây dựng Trường Tiểu học khu tái định cư 38ha, Quận 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Thới An	Phường Đông Hưng Thuận	203/QĐ-UBND-ĐT ngày 18/01/2021	51.190	2016-2021	35	-	60	60	
180	Nâng cấp hẻm 31 Nguyễn Văn Lạc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Thạnh Mỹ Tây	phường Thạnh Mỹ Tây	8655/QĐ-UBND ngày 06/10/2016; 9642/QĐ-UBND ngày 06/12/2018; 6712/QĐ-UBND ngày 12/10/2020.	546	2016-2021	46		500	500	
181	Sửa chữa Nhà truyền thống và hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại bia tưởng niệm Tàu Không số	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	Xã Hồ Tràm	8039/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	8.785	2024-2026	7.214		467	467	
182	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương - Dự án 2: Nhà luyện tập TDTT đa năng	Sở Văn hoá và Thể thao	phường Hòa Phú	2246/QĐ-UBND 11/8/2020	38.399	2020-2024	36.065		100	100	
183	Sửa chữa nâng cấp đường Phạm Văn Cội	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Cù Chi, Xã Nhuận Đức	5115/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	242.548	2016-2023	123.719	-	500	500	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
184	SCNC Đường Bến Than	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hòa Đông, Xã Bình Mỹ	5625/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	147.146	2017-2024	120.214	-	500	500	
185	SC, NC Đường Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Tân Quy đến Tỉnh lộ 9)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hoà Đông, Xã Bình Mỹ	725/QĐ-SGTVT ngày 18/06/2022	807.970	2008-2024	495.974	-	500	500	
186	SC, NC Đường Huỳnh Minh Mương (đoạn từ TL15 đến TL8)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Bình Mỹ, Xã Phú Hòa Đông	6105/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2018	163.548	2018-2024	88.330	-	300	300	
187	Nâng cấp mở rộng đường TL15 vào hợp tác xã Một thoáng Việt Nam	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	9446/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	47.988	2016-2020	37.290	-	200	200	
188	SCNC Đường Nguyễn Thị Lăng (từ Tỉnh lộ 8 đến Quốc lộ 22)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Củ Chi	5605/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	90.000	2016-2024	64.071	-	500	500	
189	Sửa chữa nâng cấp đường vào Trung tâm giáo dục dạy nghề thanh thiếu niên 2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Nhuận Đức	4946/QĐ-UBND ngày 22/05/2019	31.978	2015-2022	21.321	-	162	162	
190	SCNC Đường Nguyễn Kim Cương (từ TL15 đến TL8)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hòa Đông	5955/QĐ-SGTVT ngày 22/10/2018	134.933	2017-2023	83.418	-	50	50	
191	SCNC Tỉnh lộ 7	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây, Xã Nhuận Đức và Xã Thái Mỹ	7726/QĐ-UBND ngày 13/09/2024	479.108	2017-2025	449.244	-	1.000	1.000	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
192	SC,NC Đường Nguyễn Thị Nê (đoạn từ đường Nguyễn Văn Kha đến Tinh lộ 15)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hoà Đông	5246/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	235.995	2018-2024	96.897	-	100	100	
193	SC,NC Đường Nguyễn Văn Kha (đoạn từ Tinh lộ 15 đến cầu Bến Mương)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hoà Đông	5245/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2019	254.983	2019-2024	89.431	-	100	100	
194	Sửa chữa nâng cấp đường 173 (điểm đầu đường Hà Duy Phiến điểm cuối đê bao sông Sài Gòn), ấp 4A xã Bình Mỹ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Bình Mỹ	9348/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	7.561	2021-2025	5.401	-	52	52	
195	Sửa chữa nâng cấp đường 174 (điểm đầu đường Hà Duy Phiến điểm cuối thửa đất số 212, tờ 29), ấp 4A xã Bình Mỹ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Bình Mỹ	9349/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	11.994	2021-2025	9.865	-	1.170	1.170	
196	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Thị Phia (Đường Nguyễn Thị Lăng - Rạch Láng The, Ấp 4)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Cù Chi	9346/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	7.795	2021-2025	7.379	-	46	46	
197	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thị Ớt	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Cù Chi	2047/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	24.322	2024-2025	21.057	-	50	50	
198	Sửa chữa nâng cấp Hẻm 816, Tinh Lộ 15, (điểm đầu: Tinh Lộ 15 - điểm cuối :đường 128) ẤP 12	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hoà Đông	9347/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	9.798	2021-2025	5.171	-	40	40	
199	Sửa chữa nâng cấp đường Võ Thị Bụng và Lê Thị Thanh (điểm đầu Đường Tinh lộ 7, qua 1 đoạn đường Cây Gõ điểm cuối đường Lê Thị Thanh), ấp Chợ Cù	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	1943/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	5.711	2024-2025	4.062	-	13	13	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
200	Nâng cấp đường Cao Thị Dậu (điểm đầu: Đường Phú Thuận và điểm cuối: Giáp Nông trường Bò Sữa)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã An Nhơn Tây	2232/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	13.255	2024-2025	12.247	-	70	70	
201	Sửa chữa nâng cấp Đường Hẻm 126 (Đường 93-Đường 92) (Bên Đò 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Cù Chi	2006/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	2.042	2024-2025	1.887	-	15	15	
202	Sửa chữa nâng cấp đường số 89 (Đường Tinh lộ 2- Hết tuyến); Ấp Cây Đa	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Cù Chi	2254/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	29.449	2024-2025	23.108	-	91	91	
203	Nâng cấp đường 494 (điểm đầu giáp nhà số 20, điểm cuối giáp đường vào Công ty Phước Long)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Nhuận Đức	2213/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	7.666	2024-2025	6.774	-	35	35	
204	Hẻm số 126 (điểm đầu: Hẻm 144 - điểm cuối :nhà dân số nhà 126/44H) ẤP 4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Phú Hòa Đông	2262/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	5.007	2024-2025	4.064	-	25	25	
205	Sửa chữa nâng cấp đường Phạm Thị Nguyệt (Điểm đầu đường Huỳnh Thị Mua - Điểm cuối đường Phan Thị Sên, giáp kênh đống) ấp Bàu Điều	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Thái Mỹ	2181/QĐ-UBND ngày 05/03/2024	2.423	2024-2025	2.238	-	1	1	
206	Sửa chữa, nâng cấp đường kênh T38 (Hương lộ 10 - Nhà Thủy lợi), ấp Bình Hạ Tây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Thái Mỹ	1926/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	8.747	2024-2025	7.579	-	37	37	
207	Sửa chữa nâng cấp đường 662 (Điểm đầu đường Trần Thị Thêm - điểm cuối đường Võ Văn Điều) ấp Mít Nài - Bàu Trâu)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Thái Mỹ	1927/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	8.157	2024-2025	6.774	-	35	35	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
208	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Thị Ty. (Điểm đầu đường Phú Thuận đến cuối tuyến), ấp Sa nhỏ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Thái Mỹ	1938/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	3.318	2024-2025	2.741	-	1	1	
209	SCNC đường Nguyễn Văn Khạ (Đoạn từ Quốc lộ 22 đến căn cứ Đồng Dù)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Tân An Hội	5982/QĐ-UBND ngày 05/11/2013	44.739	2014-2020	32.467	-	50	50	
210	Nâng cấp mở rộng đường Long Thới - Nhơn Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Nhà Bè	Xã Nhà Bè	297/QĐ-SGTVT ngày 21/3/2022	88.235	2016-2022	246	232	14	246	
211	Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	TPHCM	3529/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	284.669	2020-2025	258.752		502	502	
212	Di dời các tuyến ống cấp nước sạch nông thôn trên đường DT746 đoạn từ cầu Gò đến bến đò Hiếu Liêm	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	TPHCM	3281/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	8.100	2021-2025	7.697		3	3	
213	Lập dự án Xây dựng đường dọc kênh 5	Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố	TPHCM	36/QĐ-BQL ngày 18/9/2007	155.601	2.007	637		4	4	
214	Dự án đường nội bộ nối kênh 5 và kênh 7	Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố	TPHCM	37/QĐ-BQL ngày 18/9/2008	129.915	2.007	572		4	4	
215	Xây dựng đường dọc kênh 7	Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố	TPHCM	38/QĐ-BQL ngày 18/9/2008	179.582	2.007	611		4	4	
216	Nâng cấp hẻm 2127, đường Tinh lộ 15	UBND xã An Nhơn Tây	xã An Nhơn Tây	9391/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	303	2024-2025	281		1	1	
217	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường hẻm trên địa bàn xã Phú Mỹ Hưng	UBND xã An Nhơn Tây	xã An Nhơn Tây	9427/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.989	2024-2025	2.822		1	1	
<b>II</b>	<b>Bố trí vốn thực hiện theo tiến độ dự án được duyệt</b>				<b>64.389.545</b>		<b>5.427.186</b>	<b>6.794.584</b>	<b>1.894.803</b>	<b>8.689.387</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Cải tạo kênh A41 (kênh từ sân bay Tân Sơn Nhất ra đường Cộng Hòa), Phường 4, Quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Quận Tân Bình	1400 ngày 10/12/2024	139.646	2017 - 2020	68.589		1.000	1.000	
2	Xây dựng trung tâm triển lãm quy hoạch thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Khánh	937/QĐ-UBND ngày 17/03/2023	863.534	2014 - 2026	457.498		50.000	50.000	
3	Xây dựng mở rộng đường vành đai và ram dốc Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Long Bình	1275/QĐ-SXD-HTKT ngày 04/11/2024	205.163	2023 - 2026	60.063		142.000	142.000	
4	Xây dựng cầu Kênh Ngang số 1 (trên đường Hoài Thanh), quận 8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Phú Định	1850/QĐ-SGTCC ngày 30/04/2025	85.998	2017 - 2026	16.754		38.900	38.900	
5	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km 32+000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tây Nam	1793/QĐ-UBND ngày 25/03/2025	1.020.878	2010 - 2026	11.749	20.000	118.000	138.000	
6	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, giảm thiểu ô nhiễm các tuyến kênh, rạch huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Tân Nhựt, xã Vĩnh Lộc, xã Tân Vĩnh Lộc, Xã Bà Điểm	635/QĐ-SNN ngày 29/12/2023 của Sở NN và PTNT	189.836	2017 - 2025	98.267	4.000	13.400	17.400	
7	Xây dựng tuyến đê bao rạch Tra từ Cầu Xáng (Tỉnh lộ 15) đến cầu An Hạ (Quốc lộ 22)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã đông Thạnh, xã Củ Chi	249/QĐ-SNN ngày 17/6/2024	579.799	2023 - 2026	249.011	140.000	64.500	204.500	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Xây dựng các hồ chứa nước và tuyến ống tiếp nước cho các hồ chứa nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu để phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Bình Châu, xã Hòa Hội	1178/QĐ-UBND ngày 29/04/2025	68.217	2020 - 2025	45.246		22.971	22.971	
9	Đầu tư kiên cố hóa tuyến kênh từ đầu cống mương Bông (cầu Đất Đỏ) đến đập Ngã Hai, huyện Đất Đỏ và Long Điền	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Đất Đỏ, xã Long Điền	số 923/QĐ-UBND 08/04/2024	181.159	2022 - 2025	135.531		13.000	13.000	
10	Cải tạo rạch Bà Tiếng Quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc, An Lạc A, Bình Trị Đông B	1683/QĐ-SXD-HTKT ngày 31/10/2019	880.525	2019 - 2024	686.271	20.000	70.000	90.000	
11	Xây dựng mới Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Bình Hưng Hòa	11475/QĐ-SXD-TĐDA ngày 27/12/2024	156.491	2023 - 2025	101.045	850	14.000	14.850	
12	Nâng cấp các tuyến đường phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	7633/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	36.989	2024 - 2026	29.375	1.650	4.000	5.650	
13	Nâng cấp đường số 1 và đường số 3, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Bình Tân	7631/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	79.339	2024 - 2026	60.450	3.300	5.000	8.300	
14	Nâng cấp đường 1A, 1B, 1C, 2C, 2D, 2E, 2F, 1 phường An Lạc, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	7595/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	77.409	2024 - 2026	37.436	2.560	14.000	16.560	
15	Nâng cấp đường số 3, 2A, 2B, 2, 4, 6, lô D, 1A phường An Lạc, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	7572/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	67.902	2024 - 2026	15.460	2.265	25.000	27.265	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
16	Nâng cấp đường 2D nối dài, 3,3A,3C,2B,2C nối dài, 2D phường An Lạc, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	7594/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	48.187	2024 - 2026	28.739	1.542	2.500	4.042	
17	Nâng cấp đường Lê Cơ phường An Lạc quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	7596/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	79.325	2024 - 2026	43.620	3.000	18.000	21.000	
18	Xây dựng đường Lê Văn Quới nối dài (đoạn từ đường Mã Lò ra đường quốc lộ 1A)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Quận Bình Tân	5231/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2019	839.110	2019 - 2026	421.210	30.000	20.000	50.000	
19	Trung tâm Lưu trữ Thành phố (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	1520/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 11/11/2025	389.326	2025-2028	49.422		40.000	40.000	
20	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân Phường Võ Thị Sáu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bàn Cờ	Phường Xuân Hòa	189/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 28/01/2026	27.735	Đến hết quý II/2026	15.013	2.000	5.500	7.500	
21	Cải tạo, nâng cấp đường Bình Giã, Phường 8, TPVT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Tam Thăng	1032/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	273.953	2016 - 2019	99.477		61	61	
22	Tuyến đường giáp ranh khu tái định cư 10ha trong khu 58ha phường 10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường Rạch Dừa	QĐ số 5775/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	59.386	2022 - 2024	56.984	718	982	1.700	
23	Đường vào Trụ Sở UBND Phường 10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường rạch dừa	2560/QĐ-UBND ngày 13/10/2010	14.480	2014 - 2021	12.918		300	300	
24	Đường vào trường THCS phường 12, TPVT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thăng	Phường phước Thăng	"1069/QĐ-UBND ngày 28/05/2014"	81.974	2016 - 2019	71.892		500	500	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
25	Đường Trương Công Định (Đoạn từ đường Trần Đồng đến đường Quang Trung)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thẳng	Phường Vũng Tàu	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	60.329	2017 - 2019	54.317		207	207	
26	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bảo, phường Thảng Nhi	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tam Thẳng	Phường Vũng Tàu	QĐ 5751/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	91.743	2021 - 2024	70.685	40	135	175	
27	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 1 Phước Hưng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đất Đỏ	Xã Long Hải và Xã Long Điền	3888/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	622.059	2024 - 2027	245.595		30.000	30.000	
28	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu du lịch lòng hồ Dầu Tiếng	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng xã Dầu Tiếng	Xã Dầu Tiếng	3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	274.359	2025 - 2026	148.220	26.000	81.000	107.000	
29	Nhiệm vụ quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ban Quản lý dự án quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	TP.HCM	3665/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	173.468		125.987		6.665	6.665	
30	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành - Tham Lương	Ban quản lý đường sắt đô thị	Thành phố HCM	3639/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	55.179.414	2010 - 2032	1.233.441	6.500.000	1.000.000	7.500.000	
31	Di dời tái lập tuyến ống cấp nước thuộc Công ty TNHH cấp nước Bình An	Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố	Thành phố HCM	2997/QĐ-SGTVT	218.740	2010 - 2011	140.439		5.000	5.000	
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại đội Thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	Lực lượng thanh niên xung phong	Xã Phước Thành	2376/QĐ-UBND ngày 25/9/2014	67.273	2014 - 2015	-		1.500	1.500	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
33	Xây dựng mở rộng khối phòng học và sửa chữa cải tạo hội trường Trung tâm chính trị huyện	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân An Hội	Xã Tân An Hội	9434/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	14.000	2024-2025	11.109	-	2.500	2.500	
34	Xây dựng trường Tiểu học Phú Hữu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	phường Long Trường	388/QĐ-SXD-TĐDA ngày 04/5/2024	111.600	2008-2025	74.286	4.659	13.000	17.659	
35	Xây dựng trường THPT Tăng Nhơn Phú A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	phường Tăng Nhơn Phú	919/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 15/9/2025	123.659	2016-2025	98.901	3.500	7.000	10.500	
36	Xây dựng trường Tiểu học Hiệp Phú 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	phường Tăng Nhơn Phú	729/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	85.116	2019-2025	41.255	2.000	23.000	25.000	
37	Xây dựng trường Tiểu học Hiệp Phú 2, Quận 9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	phường Tăng Nhơn Phú	1894/QĐ-SXD-TĐDA ngày 18/9/2023	67.854	2018-2025	41.748	1.500	13.500	15.000	
38	Xây mới 10 phòng học Trường tiểu học Nguyễn Minh Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	phường Long Bình	193/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 28/01/2026	22.954	2023-2027	1.381	10.000	6.000	16.000	
39	Nâng cấp, mở rộng đường Lò Lu, phường Trường Thạnh, quận 9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Cát Lái	Phường Long Phước	625/QĐ-SGTVT ngày 13/5/2024	755.674	2018-2025	206.994	15.000	8.000	23.000	
40	Nâng cấp, sửa chữa cải tạo các hạng mục Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Bình Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	xã Bình Châu	939/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	13.000	2025-2026	7.175		5.825	5.825	
41	Sửa chữa, cải tạo Đèn thờ liệt sỹ liên xã Phước Thuận - thị trấn Phước Bửu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	xã Hồ Tràm	2254/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	12.000	2023-2026	9.072		2.476	2.476	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
42	Công viên bãi tắm công cộng Hồ Tràm, xã Phước Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hồ Tràm	xã Hồ Tràm	3280/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	49.942	2022-2026	44.561		5.381	5.381	
<b>B</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>				<b>11.433.696</b>		<b>28.571</b>	<b>162.548</b>	<b>4.790.670</b>	<b>4.953.218</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ trí vốn khởi công dự án theo quyết định đầu tư được duyệt</b>				<b>11.433.696</b>		<b>28.571</b>	<b>162.548</b>	<b>4.790.670</b>	<b>4.953.218</b>	
1	Khởi giáo dục đào tạo - Khởi ký túc xá học viên, thân nhân người bệnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chánh Hiệp	91/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	422.009	2026 - 2029	1.778	50.000	30.000	80.000	
2	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa Bà Rịa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tam Long	07/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 05/01/2026	779.448	2026 - 2028	200	500	171.500	172.000	
3	Mua sắm Trang thiết bị chuyên môn của Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Đông	1855/QĐ-SYT ngày 17/4/2026	259.348	2023 - 2026	233	200	179.800	180.000	
4	Mua sắm trang thiết bị chuyên môn khối nhà A1 - Bệnh viện Phục hồi chức năng&Điều trị Bệnh nghề nghiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chánh Hưng	759/QĐ-SYT ngày 26/02/2026	250.000	2023 - 2026	287	200	171.000	171.200	
5	Hoàn thiện hệ thống kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị cho khối điều trị nội trú Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Gia Định	1414/QĐ-SYT ngày 25/3/2026	784.680	2023 - 2026	309	500	399.500	400.000	
6	Mua sắm trang thiết bị chuyên ngành y tế Bệnh viện Quận 8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chánh Hưng	761/QĐ-SYT ngày 27/02/2026	202.701	2023 - 2026	258	200	151.000	151.200	
7	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Khối Ngoại Bệnh viện Nguyễn Trãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Đông	462/QĐ-STC ngày 12/9/2025	160.680	2023 - 2026	2.032	99.198	30.802	130.000	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài và các dự án công ích khác tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Nhuận Đức	20/QĐ-SXD-HTKT ngày 09/01/2026; 1452/QĐ-SXD-HTKT ngày 08/5/2026	330.179	2026 - 2026	1.195	500	230.000	230.500	
9	DATP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời HTKT dự án Xây dựng cầu đường Bình Tiên (đoạn từ đường Phạm Văn Chí đến đường Nguyễn Văn Linh)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Bình Hưng	1471/QĐ-UBND ngày 14/3/2026	3.369.466	2025 - 2028	129	500	2.463.180	2.463.680	
10	Dự án thành phần 1: Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Văn Thánh, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Thạnh Mỹ Tây	568/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	1.743.498	2025 - 2030	4.631	6.450	200.000	206.450	
11	Xây dựng hồ bơi tại Trung tâm văn hóa thể dục thể thao quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường An Lạc	920/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 15/9/2025	121.350	2025 - 2026	3.672		55.000	55.000	
12	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Phường Bình Trị Đông	514/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 09/6/2025	399.000	2023 - 2026	7.912		128.788	128.788	
13	Xây dựng trường Mầm non Hòa Mi 3 Quận 5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Chợ Quán	Phường Chợ Quán	59/QĐ-SXD-QLCTXD ngày 14/01/2026	120.000	2025 - 2027	545	100	15.000	15.100	
14	Xây dựng mới Trường Mầm non Quận, quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Sơn Nhất	31/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 12/01/2026	55.428	2023 - 2026	1.038		900	900	
15	Xây dựng nhà tang lễ kết hợp với lò hỏa thiêu và khu lưu tro cốt huyện Côn Đảo	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất đặc khu Côn Đảo	Đặc khu Côn Đảo	số 233/QĐ-UBND ngày 20/3/2026	47.163	2026 - 2027	-	100	25.000	25.100	
16	Đường kết nối Quốc lộ 56 và Tỉnh lộ 765 huyện Châu Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Bình Giã	Xã Kim Long và xã Bình Giã	969/QĐ-SXD-XDCTĐB ngày 20/3/2026	352.228	2026 - 2026	-	150	100.000	100.150	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
17	Nâng cấp, mở rộng đường Bà Xán	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Bình Khánh	Xã Bình Khánh	90/QĐ-SXD-XDCTĐB ngày 16/01/2026	280.000	2025 - 2028	676	500	85.000	85.500	
18	Nâng cấp, mở rộng đường Tam Thôn Hiệp (từ Km1+200 đến cầu Tắc Tây Đen)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Bình Khánh	Xã Bình Khánh	91/QĐ-SXD-XDCTĐB ngày 16/01/2026	696.239	2025 - 2028	1.751	500	205.000	205.500	
19	Đầu tư thiết bị giáo dục các trường trên địa bàn huyện	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giò	Liên xã	318/QĐ-SGDĐT	7.000	2025 - 2026	-	100	6.000	6.100	
20	Nâng cấp tuyến kè khu vực công viên Cần Thạnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giò	Xã Cần Giò	số 140/QĐ-SNNMT-QLĐT ngày 14/01/2026	3.500	2025 - 2026	-	100	3.100	3.200	
21	Nạo vét tuyến rạch Vàm Long Thạnh (đoạn từ cầu Xà Lan đến cống giáp đường Nguyễn Văn Mạnh - TTVH xã Long Hòa)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giò	Xã Cần Giò	số 151/QĐ-SNNMT-QLĐT ngày 14/01/2026	7.000	2025 - 2026	-	100	6.500	6.600	
22	Nạo vét tuyến rạch từ Cầu Nò Thạnh Thới đến sông Hà Thanh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giò	Xã Cần Giò	số 486/QĐ-SNNMT-QLĐT ngày 30/01/2026	5.000	2025 - 2026	-	100	4.400	4.500	
23	Đường Trần Hưng Đạo giai đoạn 3, huyện Châu Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Ngãi Giao	Xã Ngãi Giao và xã Kim Long	42/QĐ-SXD-XDCTĐB ngày 10/01/2026	290.000	2026 - 2026	-	150	100.000	100.150	
24	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Lê Thành Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Nhà Bè	Xã Nhà Bè	170/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 27/01/2026	35.000	2024 - 2026	104	200	6.000	6.200	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
25	Trung tâm sinh viên và sinh hoạt đa năng Trường Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Chợ Quán	81/QĐ-SXD-QLXDCT ngày 15/01/2026	470.000	2023 - 2026	1.109	2.000	2.000	4.000	
26	Xây dựng mới Nhà Thiếu Nhi Quận 5	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	Phường Chợ Lớn	203/QĐ-SXD-QLCTXD ngày 28/01/2026	199.243	2025 - 2027	712	100	20.000	20.100	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc – nghệ thuật Trường THCS Hồng Bàng, Quận 5	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	Phường Chợ Lớn	2896/QĐ-SVHTT ngày 11/3/2026	43.536	2026-2027	-	100	1.200	1.300	

**Biểu số 2.2**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**  
**Nguồn vốn ngân sách Thành phố tập trung**  
**Các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBBT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>Tổng cộng</b>					<b>537.584.306</b>		<b>6.913</b>	<b>26.070</b>	<b>507.605</b>	<b>533.675</b>	
<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>					<b>537.584.306</b>		<b>6.913</b>	<b>26.070</b>	<b>507.605</b>	<b>533.675</b>	
<b>I</b>	<b>Bố trí vốn thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư</b>				<b>537.584.306</b>		<b>6.913</b>	<b>26.070</b>	<b>507.605</b>	<b>533.675</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Xuân Hòa		60.000	2026 - 2029	77		1.400	1.400	
2	Cải tạo mở rộng Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Hội Đông		90.497	2026 - 2029	338		1.000	1.000	
3	Cải tạo, xây dựng nâng cấp (giai đoạn 1) trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Vườn Lài		88.005	2026 - 2029	350		1.300	1.300	
4	Xây dựng mở rộng và cải tạo Trường THPT Nguyễn Du	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Hòa Hưng		152.460	2026 - 2029	-		1.900	1.900	
5	Nâng cấp Trường THPT Đa Phước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Hưng Long		208.036	2026 - 2029	-		2.400	2.400	
6	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Diên Hồng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Diên Hồng		162.361	2026 - 2029	-		1.800	1.800	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
7	Cải tạo mở rộng Trường THPT Nguyễn Trãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Xóm Chiếu		235.117	2026 - 2029	-	2.500	2.500		
8	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tân Hòa		155.620	2026 - 2029	-	2.100	2.100		
9	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chánh Phú Hòa		434.370	2026 - 2029	-	3.300	3.300		
10	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai		124.364	2026 - 2029	-	2.500	2.500		
11	Sửa chữa cải tạo trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai		164.234	2026 - 2029	-	3.500	3.500		
12	Mua sắm thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Ung Bướu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tăng Nhơn Phú, phường Bình Thạnh		879.193	2026 - 2029	-	1.000	1.000		
13	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa thực hành 500 giường thuộc Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Tân Nhựt		4.784.102	2026 - 2030	-	13.500	13.500		
14	Xây dựng mới Khu khám bệnh và điều trị ban ngày (Khối 1), mua sắm thiết bị chuyên môn của Bệnh viện Nhi đồng 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Vườn Lài		979.381	2026 - 2029	-	3.600	3.600		

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
15	Xây dựng mới Bệnh viện Chấn Thương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Tân Nhựt		4.207.485	2026 - 2030	-	12.600	12.600		
16	Xây dựng, cải tạo Khu hồi sức cấp cứu và điều trị tim mạch của Viện Tim	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Hòa Hưng		338.000	2026 - 2029	-	2.400	2.400		
17	Cải tạo khối nhà khoa khám và khoa cấp cứu Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Gia Định		95.950	2026 - 2028	-	500	500		
18	Xây dựng mới khối nhà A của Bệnh viện Nguyễn Trãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Đông		553.000	2026 - 2029	-	2.900	2.900		
19	Xây dựng Khu điều trị bệnh phổi của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chợ Lớn		501.090	2026 - 2029	-	1.700	1.700		
20	Xây dựng khu khám, điều trị kỹ thuật cao và mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Bình Trưng		585.000	2026 - 2029	-	3.000	3.000		
21	Xây dựng cải tạo Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Đông		68.000	2026 - 2028	-	500	500		
22	Xây dựng khối nhà F của bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường An Đông		346.000	2026 - 2029	-	2.100	2.100		

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
23	Xây dựng mới Khu điều trị nội trú và khu cận lâm sàng của Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Chợ Quán		1.581.829	2027 - 2030	-	4.500	4.500		
24	Xây dựng bổ sung Nhà công vụ Bệnh viện Nhân Ái	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Tỉnh Đồng Nai		64.277	2026 - 2028	-	2.000	2.000		
25	Xây dựng mới Khu phụ trợ phục vụ cho bệnh nhân của Bệnh viện Ung Bướu (Cơ sở 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tăng Nhơn Phú		525.064	2026 - 2029	-	2.400	2.400		
26	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Cù Chi (cơ sở 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã An Nhơn Tây		140.191	2026-2029		1.200	1.200		
27	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Thị Diêu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Xuân Hòa		257.484	2026 - 2030		2.000	2.000		
28	Xây dựng thay thế và cải tạo, nâng cấp Trường THPT Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Tân Sơn Nhì		196.424	2026 - 2030		1.300	1.300		
29	Xây dựng thay thế và cải tạo, nâng cấp Trường THPT Gò Vấp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Hạnh Thông		218.491	2026-2029		500	500		
30	Xây dựng, mở rộng, cải tạo trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Số 845 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông		93.822	2026-2029		500	500		

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
31	Xây dựng thay thế và cải tạo, nâng cấp Trường THPT Hàn Thuyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Phú Nhuận		319.617	2026-2029			500	500	
32	Xây dựng khối Khoa Khám bệnh của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	764 Võ Văn Kiệt, phường Chợ Quán		793.556	2026-2029			1.000	1.000	
33	Tu bổ, phục hồi các khối công trình di tích của Bệnh viện Nhi đồng 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Số 14 Đường Lý Tự Trọng Phường Sài Gòn		360.000	2026-2029			2.000	2.000	
34	Xây dựng mới Khối nhà B của Bệnh viện Nguyễn Trãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	314 Nguyễn Trãi, phường An Đông		1.167.331	2027-2030			1.000	1.000	
35	Xây dựng mới Khối nhà A3, A4 của Bệnh viện Phục hồi chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	313 Âu Dương Lân, Phường Chánh Hưng		2.475.233	2026-2030			2.000	2.000	
36	Xây dựng mới Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức (Khu F, 300 giường)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	29 Phú Châu, Phường Tam Bình		1.482.020	2026-2030			500	500	
37	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741C (trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Bàu Bàng, Chánh Phú Hòa		5.400.000	2027-2032			100	100	
38	Đầu tư xây dựng đường ĐT.746E kết nối cầu Tân Hiệp đến đường Vành đai 4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Bàu Bàng, xã An Long		1.800.000	2026-2030			100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
39	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT.748C (trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bến Cát, xã Bàu Bàng, xã Trừ Văn Thố		6.800.000	2026-2030			100	100	
40	Mở rộng đường Ung Văn Khiêm, phường Thanh Mỹ Tây	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thanh Mỹ Tây		4.500.000	2026 - 2030	-		500	500	
41	Dự án kết nối đường dự phóng Nam Khu chế xuất Linh Trung 2, thành phố Thủ Đức và đường Vĩnh Phú 32, thành phố Thuận An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tam Bình		369.869	2026 - 2028	-		500	500	
42	Xây dựng, mở rộng cầu Kênh xáng và đường Nguyễn Thị Tần nối dài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Chánh Hưng, Xã Bình Hưng		701.000	2026 - 2030	-		500	500	
43	Xây dựng đường Vĩnh Phước - Cây Khô (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến rạch bà Thanh), xã Nhà Bè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Phước Kiển, Xã Bình Hưng		641.021	2026 - 2030	-		1.000	1.000	
44	Xây dựng cầu vượt nút giao đường Nguyễn Văn Linh - Phạm Hùng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bình Lợi Trung		601.000	2026 - 2029	-		500	500	
45	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Rành	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Tân An Hội, xã Nhuận Đức		2.552.000	2026 - 2029	-		200	200	
46	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Văn Khương (đoạn từ QL1 đến đường Đặng Thúc Vịnh)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thới An, phường Tân Thới Hiệp, xã Đông Thạnh		3.200.811	2026 - 2029	-		500	500	
47	Hương lộ 2 (đoạn từ Quốc lộ 22 đến Tỉnh lộ 8)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Cù Chi		2.795.000	2026 - 2029	-		200	200	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
48	Hoàn chỉnh kết nối trục đường Nguyễn Khoái - D1 và đường Nguyễn Văn Linh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Hưng		668.891	2026 - 2029	-	500	500		
49	Xây dựng đường nối từ nút giao Gò công đến cầu Long Hưng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Phước		2.500.000	2026 - 2027	-	650	650		
50	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường Tỉnh lộ 10 (đoạn từ đường Võ Văn Vân đến đường An Dương Vương - Ngã 4 Cây Đa Sà)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Tạo, Phường Bình Tân, Phường An Lạc, Phường Bình Trị Đông		5.481.000	2026 - 2029	-	200	200		
51	Xây dựng đường song hành cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (phía trái tuyến từ nút giao An Phú đến đường Võ Chí Công)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bình Trưng, phường Phước Long, phường Long Trường		2.773.600	2026 - 2028	-	500	500		
52	Mở rộng đường nối cao tốc TPHCM - Trung Lương (đoạn từ nút giao thông Bình Thuận đến nút giao Chợ Đệm và đoạn từ nút giao Tân Tạo đến nút giao Chợ Đệm)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Chánh Hưng và Phường Phú Định		5.899.027	2026 - 2030	-	2.000	2.000		

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
53	Dự án thành phần 2: Xây dựng tuyến đường liên cảng Cát Lái - Phú Hữu - nút giao cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Trường, phường Cát Lái		7.382.000	2026 - 2028	-	10.000	10.000		
54	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư và di dời hạ tầng kỹ thuật dự án Xây dựng tuyến đường liên cảng Cát Lái - Phú Hữu - nút giao cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Trường, phường Cát Lái		1.400.000	2026 - 2028	-	500	500		
55	Dự án thành phần 2: dự án xây dựng cầu Thủ Thiêm 4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Thuận, Phường An Khánh		3.678.600	2026 - 2028	-	20.000	20.000		

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
56	Dự án thành phần 1: bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng cầu Thủ Thiêm 4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Thuận, Phường An Khánh		1.385.000	2026 - 2028	-		5.000	5.000	
57	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ cầu Xây dựng đến nút giao Vành đai 2, kể cả hạng mục cầu Xây dựng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Trường, phường Bình Trưng		366.000	2026 - 2030	214		100	100	
58	Cải tạo, mở rộng nút giao thông cầu vượt Linh Xuân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Linh Xuân		1.000.000	2026 - 2030	300		1.000	1.000	
59	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ nút giao Mỹ Thủy đến phà Cát Lái)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Cát Lái		1.145.450	2026 - 2030	350		856	856	
60	Xây dựng cầu vượt bằng thép tại ngã sáu công trường Dân Chủ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Hòa Hưng, phường Vườn Lài, phường Xuân Hòa		281.400	2026 - 2030	242		100	100	
61	Xây dựng mới đường Dương quang Hàm (từ đường Nguyễn Văn Lượng đến đường Thống Nhất)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường An Nhơn		6.400.000	2026 - 2030	-		500	500	
62	Mở rộng, nâng cấp đường Phan Văn Trị (đoạn từ đường Lê Quang Định đến đường Phạm Văn Đồng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bình Lợi Trung		3.950.000	2026 - 2030	-		500	500	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
63	Mở rộng, nâng cấp đường Đỗ Văn Dậy và Tinh lộ 15 (đoạn từ Ngã 3 Ông Trác đến nút giao đường Vĩnh đai 3)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Hóc Môn		1.222.217	2026 - 2030	-		500	500	
64	Nâng cấp, mở rộng đường Võ Chí Công (đoạn từ nút giao Mỹ Thủy tới cầu Phú Hữu)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Gò Vấp, phường An Nhơn, phường An Hội Đông		2.977.748	2026 - 2030	-		500	500	
65	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn (từ cầu Ba Son đến cầu Sài Gòn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Sài Gòn, phường Thạnh Mỹ Tây		1.162.233	2026 - 2030	-		500	500	
66	Xây dựng hoàn thiện đoạn tuyến vành đai phía Đông (đường Võ Chí Công) từ cầu Phú Mỹ đến nút giao Mỹ Thủy)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Cát Lái		1.125.882	2026 - 2030	-		3.000	3.000	
67	Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Đinh Bộ Lĩnh (đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến nút giao Phạm Văn Đồng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Gia Định, phường Bình Thạnh, phường Hiệp Bình		1.700.000	2026 - 2030	-		2.000	2.000	
68	Xây dựng tuyến đường ven sông Sài Gòn (từ rạch Vĩnh Bình đến rạch Thủ Đức)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thủ Đức, phường Hiệp Bình		7.616.000	2026 - 2030	-		1.550	1.550	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
69	Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái rạch Giồng - sông Kinh Lộ (đoạn từ kè Trâm Bầu đến kè phòng chống sạt lở)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Hiệp Phước		375.840	2026 - 2028	-		136	136	
70	Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái sông Sài Gòn khu vực từ hầm Thủ Thiêm về hạ lưu 2,6 km	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường An Khánh		520.000	2026 - 2030	-		286	286	
71	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn thị trấn Dầu Tiếng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Dầu Tiếng		1.500.000	2026 - 2030	-		100	100	
72	Xây dựng đường ven sông Thị Tính (N1, N2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Dầu Tiếng		1.500.000	2026 - 2030	-		100	100	
73	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.750 (đoạn từ Nông trường cao su Đoàn Văn Tiếp đến Cầu Thị Tính)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã dầu Tiếng, xã Thanh An, HCM		1.157.731	2026 - 2030	-		100	100	
74	Mở mới đường ĐT743A nối dài (từ Quốc lộ 1K đến đường Bình Thung)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Đông Hòa		1.000.000	2027 - 2030	-		100	100	
75	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (từ Quốc lộ 1K đến đường Mỹ Phước - Tân Vạn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Đông Hòa		1.500.000	2027 - 2030	-		100	100	
76	Xây dựng mới đường từ ĐT.749A đến giáp khu công nghiệp Rạch Bắp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Nguyên		2.337.141	2027 - 2030	-		100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
77	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.749A (đoạn từ qua trung tâm xã Long Tân)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Long Hòa		1.500.000	2027 - 2030	-		100	100	
78	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.748 (đoạn từ ngã 4 An Lập đến An Điền)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Long Nguyên, Tây Nam		4.198.955	2027 - 2030	-		100	100	
79	Cầu Tân An (ĐT.741) kết nối phường Phú An với xã Bình Mỹ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Phú An, xã Bình Mỹ		3.000.000	2027 - 2030	-		100	100	
80	Nâng cấp cải tạo đường 22 tháng 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thuận An, HCM		2.000.000	2027 - 2030	-		100	100	
81	Tuyến đường kết nối từ khu công nghiệp Bàu Bàng đến đường ĐT.749A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Trừ Văn Thố		1.569.229	2027 - 2030	-		100	100	
82	Xây dựng cầu Vĩnh Bình (trên Quốc lộ 13)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Hiệp Bình, phường. Bình Hòa, phường Lái Thiêu, HCM		327.000	2027 - 2030	-		100	100	
83	Xây dựng cầu Hiếu Liêm 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Thường Tân, TP. Hồ Chí Minh và xã Trị An, tỉnh Đồng Nai		1.121.000	2027 - 2030	-		100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
84	Xây dựng Quốc Lộ 56B (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương cũ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Phước Thành, Phước Hòa, An Long, Bàu Bàng, Long Hòa, Thanh An		9.514.000	2026 - 2030	-		1.100	1.100	
85	Đường nối Vành đai 3 TP.HCM với Sân bay Biên Hòa (đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phạm Văn Diêu)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Đông Hiệp		2.179.646	2027 - 2030	678		3.800	3.800	
86	Đường từ ngã 3 chợ Tân Ba (ĐT.747A, Tân Uyên) kết nối đường D21 (phường Tân Hạnh, Biên Hòa)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tân Đông Hiệp, HCM		1.021.000	2027 - 2030	667		5.000	5.000	
87	Quốc lộ 13C đoạn qua tỉnh Bình Dương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Bắc Tân Uyên, Xã Thường Tân		6.000.000	2027 - 2030	-		500	500	
88	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bà lưa đến cảng An Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thuận An		1.264.414	2026 - 2030	-		200	200	
89	Dự án thành phần 2: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.742	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bình Dương, Phường Vĩnh Tân, Phường Bình Cơ		1.486.523	2027 - 2030	1.500		8.000	8.000	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
90	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường ĐT.742	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Bình Dương, Phường Vĩnh Tân, Phường Bình Cơ		6.281.149	2027 - 2030	-		100	100	
91	Tuyến đường dọc sông Bé, huyện Phú Giáo	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Phú Giáo		500.000	2026 - 2029	-		100	100	
92	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường ĐT748C (Đoạn từ ranh xã Trừ Văn Thố với phường Chơn Thành tỉnh Đồng Nai qua kênh Phước Hòa đến đường ĐT.750	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Trừ Văn Thố, phường Chơn Thành		2.600.000	2027 - 2030	-	500	100	600	
93	Đường Quốc lộ 56 - Cù Bị	Ủy ban nhân dân xã Châu Đức	xã Châu Đức		390.000	2026-2028		-	100	100	
94	Xây dựng mới tuyến đường song hành Lê Văn Lương (đoạn từ nút giao với đường Lê Văn Lương hiện hữu tới cầu Rạch Dơi 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	xã Hiệp Phước		1.463.892	2027-2030		-	100	100	
95	Xây dựng đường kho C nối dài	Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè	xã Nhà Bè		1.463.806	2027-2030		-	100	100	
95	Đường Xã Bang-Láng Lớn	Ủy ban nhân dân xã Châu Đức	Xã Kim Long và xã Châu Đức		1.300.000	2027-2030		100	-	100	
96	Đầu tư xây dựng đường giao thông kết nối từ đường Vành đai 2 đến đường Hiệp Bình, phường Tam Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tam Bình, phường Hiệp Bình		1.292.963	2027-2030		-	100	100	
97	Đầu tư xây dựng đường giao thông kết nối từ đường số 10 – Khu dân cư Lan Phương đến Depot đường sắt Hiệp Bình Phước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Tam Bình, phường Hiệp Bình		440.808	2027-2030		-	100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
98	Nâng cấp, mở rộng đường Quốc lộ 1K (từ cầu vượt Linh Xuân đến ranh Đồng Nai)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	P. Đông Hòa, P. Linh Xuân		3.000.000	2027-2030		-	100	100	
99	Xây dựng Trung tâm xử lý bùn thải cho các nhà máy xử lý nước thải khu vực Thủ Đức và khu vực lân cận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Cát Lái		350.000	2026 - 2030		-	100	1.000	1.100
100	Dự án Cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thích ứng với biến đổi khí hậu tại khu vực Song Tân, phường Tân Hưng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Hưng		8.094.036	2026 - 2030		-	100	1.000	1.100
101	Nạo vét, Kiên cố hóa, xây dựng Hạ tầng chính trang đô thị Ông Lớn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hưng		3.500.000	2026 - 2030		-	50	245	295
102	Cải tạo rạch Thủ Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Thủ Đức		5.084.000	2026 - 2030		-	50	1.000	1.050
103	Cải tạo rạch Bình Thái, phường Thủ Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Thủ Đức		2.300.000	2026 - 2030		-	50	1.000	1.050
104	Xây dựng hệ thống thoát nước suối Linh Tây	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Thủ Đức, Phường Linh Xuân		2.470.000	2026 - 2030		-	50	1.000	1.050
105	Chỉnh trang đô thị và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bờ Nam Kênh Đồi (từ cầu Bà Tăng đến hết bờ Nam Kênh Đồi)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bình Đông		15.514.018	2026 - 2030		-	100	500	600

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
106	Chỉnh trang đô thị và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bờ Nam Kênh Đồi (từ cầu Hiệp Ân đến cầu Bà Tăng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bình Đông		9.094.557	2026 - 2030	-	100	500	600	
107	Chỉnh trang đô thị khu vực bờ Nam Kênh Đồi (từ cầu Mật đến cầu Hiệp Ân)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hưng		12.427.381	2026 - 2030	-	100	450	550	
108	Chỉnh trang đô thị khu vực bờ Nam Kênh Đồi (từ cầu rạch Ông đến cầu Mật)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hưng		5.232.648	2026 - 2030	-	100	250	350	
109	Cải tạo, chuyển đổi đèn chiếu sáng dân lập thành đèn chiếu sáng đô thị trên các tuyến hẻm tại thuộc các phường: Tân Sơn Hòa; Tân Sơn Nhất; Tân Hòa; Bảy Hiền; Tân Bình; Tân Sơn; Gia Định; Bình Thạnh; Bình Lợi Trung; Thạnh Mỹ Tây; Bình Quới.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Sơn Hòa; phường Tân Sơn Nhất; phường Tân Hòa; phường Bảy Hiền; phường Tân Bình; phường Tân Sơn; phường Gia Định; phường Bình Thạnh; phường Bình Lợi Trung; phường Thạnh Mỹ Tây; phường Bình Quới.		45.000	2026 - 2030	-	300	435	735	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
110	Cải tạo chuyển đổi đèn chiếu sáng dân lập thành đèn chiếu sáng đô thị trên các tuyến hẻm tại Phường Diên Hồng, Hòa Hưng, Vườn Lài, Minh Phụng, Bình Thới, Phú Thọ, Hòa Bình, Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Tân Phú	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Diên Hồng, Hòa Hưng, Vườn Lài, Minh Phụng, Bình Thới, Phú Thọ, Hòa Bình, Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Tân Phú		56.000	2026 - 2030	-	50	400	450	
111	Lắp đặt hệ thống thoát nước tưới tự động, tạo mảng xanh cho một số phường: Bến Thành, Sài Gòn, Cầu Ông Lãnh, Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tiên, Bình Phú, Phú Định, Trung Mỹ Tây, An Lạc và các xã: Bà Điểm, Xuân Thới Sơn, Hóc Môn, Củ Chi, Tân An Hội trên địa bàn thành phố	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bến Thành, Sài Gòn, Cầu Ông Lãnh, Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tiên, Bình Phú, Phú Định, Trung Mỹ Tây, An Lạc, xã Bà Điểm, Xuân Thới Sơn, Hóc Môn, Củ Chi, Tân An Hội		127.384	2026 - 2030	-	50	400	450	
112	Dự án Nạo vét, cải tạo môi trường kết hợp chỉnh trang đô thị trực thoát nước rạch Thầy Tiêu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Hưng, phường Tân Mỹ		3.553.075	2026 - 2030	-	100	1.000	1.100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
113	Nạo vét, cải tạo môi trường kết hợp chỉnh trang đô thị trục thoát nước rạch Bà Lớn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hưng, xã Bình Hưng		9.228.238	2026 - 2030	-	1.000	14.200	15.200	
114	Nạo vét, cải tạo môi trường kết hợp chỉnh trang đô thị trục thoát nước rạch Ông Bé và rạch nhánh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Bình Đông, xã Bình Hưng		7.785.695	2026 - 2030	-	1.000	15.800	16.800	
115	Nâng cấp, cải tạo kênh Trần Quang Cơ - Rạch Dừa - rạch Bến Đá	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Đông Thạnh, phường Thới An, phường Tân Thới Hiệp		4.960.702	2026 - 2030	-	50	950	1.000	
116	Cải tạo rạch Cây Liềm (từ Đông Hưng Thuận 02 đến kênh Tham Lương)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đông Hưng Thuận		537.172	2026 - 2030	100	100	2.900	3.000	
117	Xây dựng công kiểm soát triều Rạch Tra	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Bình Mỹ, Xã Đông Thạnh		1.236.000	2026 - 2030	-	3.000	17.000	20.000	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
118	Nâng cấp hệ thống thủy lợi kênh Đông Cù Chi (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	xã An Nhơn Tây, xã Thái Mỹ, xã Nhuận Đức, xã Tân An Hội, xã Cù Chi		2.259.000	2025 - 2028	-	6.100	16.000	22.100	
119	Nâng cấp đê Chu Hải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Tân Hải, phường Long Hương		729.209	2026 - 2029	363		114	114	
120	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Lộc An (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Hải		695.332	2026 - 2029	-		50	50	
121	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Bến Lội - Bình Châu (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Xã Bình Châu		250.000	2026 - 2029	-		50	50	
122	Xây dựng công viên khu vực nghĩa địa Cây mít nài	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	phường Linh Xuân		86.000	2027-2029			50	50	
123	Hồ điều tiết, phường An Lạc, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Lạc	Quận Bình Tân		745.037	2026 - 2029	200		1.000	1.000	
124	Xây dựng mới Trường Trung học phổ thông D4 Trần Văn Giàu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo		667.243	2026 - 2029	-		1.000	1.000	
124	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình đoạn từ tỉnh lộ 765 đến cầu Sông Ray	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Xuân Sơn	Xã Bình Giã và Xuân Sơn		952.625	2026-2029		100	-	100	
125	Tuyến 6: Vành đai trong (Phú Hữu - Bà Quẹo - Vòng xoay Phú Lâm - Phú Hữu)	Ban quản lý đường sắt đô thị	Thành phố Hồ Chí Minh		86.529.000	2027 - 2030	-	10.000	90.000	100.000	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
126	Xây dựng hệ thống quan trắc phục vụ khai thác, vận hành công trình tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên	Ban quản lý đường sắt đô thị	Thành phố Hồ Chí Minh		238.000	2026 - 2028	-		500	500	
127	Tuyến số 3: kết nối Vũng Tàu - Bà Rịa - Phú Mỹ	Ban quản lý đường sắt đô thị	Thành phố Hồ Chí Minh		127.645.000	2026 - 2035	-		130.000	130.000	
128	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường sắt Bến Thành - Cần Giờ	Ban quản lý đường sắt đô thị	Phường Bến Thành, Khánh Hội, Xóm Chiếu, Tân Thuận, Tân Mỹ, xã Nhà Bè, Bình Khánh, An Thới Đông, Cần Giờ		12.784.000	2026 - 2028	-		20.000	20.000	
129	Cải tạo, sửa chữa Cơ sở 2 - Trường Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Sài Gòn		64.782	2026 - 2028	-		2.000	2.000	
130	Xây dựng mới Tòa nhà giảng dạy và đào tạo chất lượng cao Trường Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Chợ Quán		331.335	2025 - 2029	-	1.500	1.000	2.500	
131	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường Trung học Thực hành Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	Phường Chợ Quán		78.987	2026 - 2028	-	1.200	800	2.000	
132	Dự án Mua sắm trang thiết bị phục vụ Cải cách thủ tục hành chính trong kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu cảng biển của Ban Chỉ huy BDBP Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng TP.HCM	TP.HCM		349.970	2025-2027	-		2.500	2.500	
133	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân phường 7, quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Sơn Nhất		3.500	2024 - 2025	115		100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
134	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất	Phường Tân Sơn Nhất		5.000	2024 - 2025	153		100	100	
135	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài	UBND phường Phú An	Phường Phú An		404.200	2026-2029	1.266		2.000	2.000	
136	Xây dựng công viên xã Phú An (khu vực ngã tư Phú Thứ)	UBND phường Phú An	Phường Phú An		36.541	2024-2026			500	500	
137	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông theo quy hoạch khu 9A	Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo	Đặc khu Côn Đảo		46.282	2026 - 2027	-	100	933	1.033	
138	Xây dựng cầu, đường Tạ Quang Bửu 2 phường Bình Đông	Ủy ban nhân dân phường Bình Đông	Phường Bình Đông		3.324.243	2026 - 2030	-		100	100	
139	Dự án thành phần 2: nâng cấp, mở rộng đường Vĩnh Lộc (đoạn từ đường Trần Văn Giàu đến đường số 2A - Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân Nhựt	Xã Bình Lợi, xã Vĩnh Lộc, xã Tân Vĩnh Lộc và Phường Bình Tân		1.043.562	2026-2028			1.000	1.000	
140	Dự án thành phần 1: bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng đường Vĩnh Lộc (đoạn từ đường Trần Văn Giàu đến đường số 2A - Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân Nhựt	Xã Bình Lợi, xã Vĩnh Lộc, xã Tân Vĩnh Lộc và Phường Bình Tân		5.807.364	2026-2028			1.000	1.000	
141	Đầu tư xây dựng đường giao thông kết nối từ đường Đỗ Mười đến đường Tô Ngọc Vân, phường Tam Bình	Ủy ban nhân dân phường Tam Bình	Phường Tam Bình		637.320	2027-2030			50	50	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
142	Đầu tư xây dựng đường giao thông kết nối từ đường Tỉnh lộ 43 qua đường Ngô Chí Quốc, phường Tam Bình	Ủy ban nhân dân phường Tam Bình	Phường Tam Bình		875.986	2027-2030			50	50	
143	Xây dựng mới công viên tại nghĩa địa Gò Cây Kén, phường Tam Bình	Ủy ban nhân dân phường Tam Bình	Phường Tam Bình		188.626	2027-2030			50	50	
144	Xây dựng mới công viên tại hẻm 80 đường Ngô Chí Quốc, phường Tam Bình	Ủy ban nhân dân phường Tam Bình	Phường Tam Bình		410.129	2027-2030			50	50	
144	Xây dựng công viên chuyên đề Phước Hải 1, xã Phước Hải	Ủy ban nhân dân xã Phước Hải	Xã Phước Hải		188.000	2027-2030		20	-	20	
145	Đường ven biển Vũng Tàu – Bình Thuận (đoạn vòng quanh núi Nứa) và đường Thoại Ngọc Hầu (đoạn nối từ đường ven biển ra đường Nguyễn Phong Sắc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Long Sơn		2.200.000	2027-2030			100	100	
146	Đường quy hoạch N17	Ủy ban nhân dân phường Tân Hải	Phường Tân Hải		1.500.000	2027-2030			1.000	1.000	
147	Đường quy hoạch N20	Ủy ban nhân dân phường Tân Hải	Phường Tân Hải		1.457.000	2027-2030			1.000	1.000	
148	Xây dựng mới Thư viện Thành phố khu vực 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Thủ Dầu Một		120.000	2026-2028			500	500	
149	Xây dựng Trường THPT Thường Tân, xã Thường Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Xã Thường Tân		226.712	2027- 2029			1.000	1.000	

STT	Tên công trình, dự án	Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ CBDT/Chủ đầu tư (dự kiến)	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
				Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
150	Sửa chữa, nâng cấp và cải tạo lòng hồ Sông Hóa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	xã Xuyên Mộc		350.000	2026-2029			100	100	
151	Mở rộng tuyến đường Hoàng Quốc Việt, phường Dĩ An	Ủy ban nhân dân phường Dĩ An	Phường Dĩ An		231.000	2027-2030			100	100	
152	Xây dựng đường và cầu Tàu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thuận An, xã Đông Thạnh		1.990.000	2027-2030			1.000	1.000	
153	Đường tỉnh ĐT.750E	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Phước Thành		2.200.000	2026-2028			1.000	1.000	
154	Đường tỉnh ĐT.750F	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Xã Phước Thành		2.200.000	2026-2028			1.000	1.000	
155	Nâng cấp mở rộng trục đường Huỳnh Văn Cù - nút giao Tỉnh lộ 9 (bao gồm cầu Phú Cường)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thủ Dầu Một		3.381.000	2027-2032			1.000	1.000	
156	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Phường Thủ Dầu Một		1.783.365	2025-2030			1.000	1.000	
157	Cầu kết nối đường 3/2 phường Lái Thiêu với đường Hà Huy Giáp phường An Đông Phú (khôi phục cầu Phú Long cũ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	phường Lái Thiêu, Phường An Phú Đông		1.500.000	2026-2030			1.000	1.000	
158	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương - Dự án 6: Nhà dạy văn hóa và lý thuyết (500HS)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Phường Bình Dương		54.600	2026-2029			1.000	1.000	
159	Đường nối từ cao tốc HLD đến đường Long Phước	Ủy ban nhân dân phường Long Phước	Phường Long Phước		1.250.000	2027-2030			1.000	1.000	

**Biểu số 3**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

**Nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường, đặc khu**

*(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
	<b>Tổng cộng</b>		<b>19.353.210</b>		<b>585.611</b>	<b>72.493</b>	<b>3.732.139</b>	<b>3.804.632</b>	
<b>1</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bà Rịa</b>		<b>40.000</b>		-	<b>400</b>	<b>37.300</b>	<b>37.700</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>40.000</b>		-	<b>400</b>	<b>37.300</b>	<b>37.700</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường, hẻm giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I	1316/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	20.000	2.026	-	200	19.500	19.700	
2	Cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước và công trình hạ tầng xã hội năm 2026	1436/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	20.000	2026-2027	-	200	17.800	18.000	
<b>2</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm</b>		<b>67.000</b>		-	<b>200</b>	<b>35.800</b>	<b>36.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>67.000</b>		-	<b>200</b>	<b>35.800</b>	<b>36.000</b>	
1	Đầu tư, nâng cấp mở rộng tuyến mương thoát nước khu trung tâm và các ấp 1; 2 Tây; 2 Đông; ấp 2B; ấp 3, ấp 3B xã Bàu Lâm	224/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	46.000	2026-2028	-	100	19.900	20.000	
2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng các ấp trên địa bàn xã	223/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	21.000	2026-2028	-	100	15.900	16.000	
<b>3</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bình Châu</b>		<b>109.800</b>		-	<b>400</b>	<b>81.600</b>	<b>82.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>109.800</b>		-	<b>400</b>	<b>81.600</b>	<b>82.000</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa, gia cố kè Suối Đá từ ấp Bình Tiến đến Ấp Láng găng; Đập Suối Bang 1; Đập Suối Bang 2	276/QĐ-UBND ngày 10/03/2026	12.000	2026-2029	-	100	8.900	9.000	
2	Dự án Điện hạ thế, TBA phục vụ sản xuất sinh hoạt và Điện chiếu sáng giao thông nông thôn ấp các ấp trên địa bàn xã Bình Châu	275/QĐ-UBND ngày 10/03/2026	44.800	2026-2029	-	100	31.900	32.000	
3	Xây mới Mương thoát nước các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Bình Châu.	270/QĐ-UBND ngày 09/03/2026	35.000	2026-2029	-	100	26.900	27.000	
4	Bê tông hóa các ngõ hẻm trên địa bàn xã Bình Châu	274/QĐ-UBND ngày 10/03/2026	18.000	2026-2029	-	100	13.900	14.000	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>4</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Châu Đức</b>		<b>312.157</b>		-	<b>500</b>	<b>142.000</b>	<b>142.500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>312.157</b>		-	<b>500</b>	<b>142.000</b>	<b>142.500</b>	
1	Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Châu Đức	189/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	21.157	2026-2027	-	100	10.000	10.100	
2	Đường trung tâm xã Châu Đức (khu vực xã Xà Bang cũ) giai đoạn 1	187/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	200.000	2026-2028	-	100	90.000	90.100	
3	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Châu Đức (khu vực xã Xà Bang cũ) năm 2026	188/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	46.000	2026-2028	-	100	26.000	26.100	
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Châu Đức (Khu vực xã Cù Bị cũ) năm 2026	190/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	23.000	2026-2028	-	100	8.000	8.100	
5	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường khu dân cư trên địa bàn xã	186/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	22.000	2026-2028	-	100	8.000	8.100	
					-				
<b>5</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Châu Pha</b>		<b>336.367</b>		-	<b>300</b>	<b>30.500</b>	<b>30.800</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>120.757</b>		-	<b>300</b>	<b>29.700</b>	<b>30.000</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa các trường học trên địa bàn xã Châu Pha	1359/QĐ-UBND ngày 04/06/2026	45.000	2026-2028		100	10.700	10.800	
2	Nâng cấp, sửa chữa cải tạo một số tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Châu Pha giai đoạn 1	1370/QĐ-UBND ngày 08/06/2026	42.383	2026-2028		100	10.900	11.000	
3	Đầu tư mới một số tuyến chiếu sáng trên địa bàn xã Châu Pha	1371/QĐ-UBND ngày 08/06/2026	33.374	2026-2028		100	8.100	8.200	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>215.610</b>		-	-	<b>800</b>	<b>800</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và Trung tâm văn hóa xã Tóc Tiên (cũ)	441 /QĐ-UBND ngày 09/02/2026	30.000	2027-2029		-	100	100	
2	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa khuôn viên và Trung tâm Văn hóa xã Châu Pha	442 /QĐ-UBND ngày 09/02/2026	39.804	2027-2029		-	100	100	
3	Nâng cấp, cải tạo trạm Y tế xã Châu Pha	443 /QĐ-UBND ngày 09/02/2026	14.000	2026-2028		-	100	100	
4	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa các trụ sở các Ấp tại xã Châu Pha giai đoạn 2	444 /QĐ-UBND ngày 09/02/2026	19.900	2027-2029		-	100	100	
5	Nâng cấp, cải tạo sân vận động xã Châu Pha	445 /QĐ-UBND ngày 09/02/2026	19.994	2026-2028		-	100	100	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
6	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa chợ Châu Pha	446/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	35.000	2026-2028		-	100	100	
7	Đầu tư hệ thống thoát nước các tuyến đường giao thông hiện hữu trên địa bàn xã Châu Pha	447/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	19.912	2026-2028		-	100	100	
8	Đầu tư xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã châu Pha	448/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	37.000	2027-2029		-	100	100	
<b>6</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Đất Đỏ</b>		<b>199.506</b>			-	<b>600</b>	<b>23.150</b>	<b>23.750</b>
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>123.436</b>			-	<b>300</b>	<b>21.900</b>	<b>22.200</b>
1	Cải tạo vỉa hè QL55 đoạn qua xã Đất Đỏ	1594/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	30.000	2026-2028		-	100	5.400	5.500
2	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã Đất Đỏ	1598/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	75.000	2026-2028		-	100	13.500	13.600
3	Bê tông tuyến mương Lá khu vực cánh đồng Láng, xã Đất Đỏ	1584/QĐ-UBND ngày 09/6/2026	18.436	2026-2028		-	100	3.000	3.100
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>76.070</b>			-	<b>300</b>	<b>1.250</b>	<b>1.550</b>
1	Bê tông các tuyến mương trên địa bàn xã Đất Đỏ		35.300	2026-2028		-	100	500	600
2	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Đất Đỏ (giai đoạn 1)		15.770	2026-2028		-	100	300	400
3	Sửa chữa các trụ sở và lắp đặt hệ thống PCCC trên địa bàn xã Đất Đỏ		25.000	2026-2028		-	100	450	550
<b>7</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Hồ Tràm</b>		<b>156.072</b>			-	<b>600</b>	<b>49.000</b>	<b>49.600</b>
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>156.072</b>			-	<b>600</b>	<b>49.000</b>	<b>49.600</b>
1	Nâng cấp, sửa chữa các Trạm y tế, Trung tâm văn hóa - HTCD, trụ sở sinh hoạt các ấp trên địa bàn xã Hồ Tràm	459/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	10.072	2026-2027		-	100	3.000	3.100
2	Lắp đặt hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Hồ Tràm	609/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	15.000	2026-2027		-	100	10.000	10.100
3	Nâng cấp các tuyến đường hẻm và mương thoát nước thuộc các ấp Phước Tiên, Láng Sim, Phước Lộc, Phước An, Phước Hòa, Phước Bửu xã Hồ Tràm; Xây dựng 02 cầu qua suối Việt Kiền - Tân Trung xã Hồ Tràm	608/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	32.000	2026-2028		-	100	10.000	10.100
4	Nâng cấp các tuyến đường GTNT, mương thoát nước các ấp Việt Kiền, Bà Tô, Tân Trung, Bà Rịa xã Hồ Tràm	464/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	19.500	2026-2027		-	100	7.000	7.100

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
5	Nâng cấp các tuyến đường GTNT, mương thoát nước các ấp Xóm Rầy, Hồ Tràm, Xuyên Phước Cơ, Ông Tô xã Hồ Tràm	514/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	19.500	2026-2027	-	100	7.000	7.100	
6	Hệ thống mương tưới, tiêu nước trên địa bàn xã Hồ Tràm	516/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	60.000	2026-2028	-	100	12.000	12.100	
<b>8</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp</b>		<b>205.000</b>		-	<b>1.900</b>	<b>82.000</b>	<b>83.900</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>205.000</b>		-	<b>1.900</b>	<b>82.000</b>	<b>83.900</b>	
1	Đầu tư XD đường giao thông nông thôn: ấp Phú Quý - Phú Tài - Phú Lộc - Phú Thọ - Phú Hoà - Phú Bình xã Hoà Hiệp	297/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	50.000	2026-2027	-	500	20.000	20.500	
2	Đầu tư XD đường giao thông nông thôn Ấp Phú Sơn - Phú Lâm – Phú Tâm - Phú Thiện - Phú Vinh Xã Hoà Hiệp	302/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	40.000	2026-2027	-	500	16.000	16.500	
3	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Hoà Hiệp	339/QĐ-UBND ngày 36/3/2026	60.000	2026-2027	-	500	24.000	24.500	
4	Xây dựng mới trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Hòa Hiệp; Nhà sinh hoạt ấp Phú Hòa, ấp Phú Bình, ấp Phú Tâm; xây dựng các công viên cho hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, điểm vui chơi, giải trí trên địa bàn xã	338/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	55.000	2026-2027	-	400	22.000	22.400	
<b>9</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội</b>		<b>256.846</b>		-	<b>600</b>	<b>119.877</b>	<b>120.477</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>256.846</b>		-	<b>600</b>	<b>119.877</b>	<b>120.477</b>	
1	Nâng cấp đường nhựa và đường BTXM 3-6m đã xuống cấp thành đường BT nhựa và mương thoát nước ấp 2,3,5,11 xã Hoà Hội	557/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	40.000	2026-2028	-	100	20.000	20.100	
2	Nâng cấp đường đất 3-5m thành đường bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa ấp 1,3,4,8,9,12,14 xã Hoà Hội	440/QĐ-UBND ngày 23/03/2026	19.000	2026-2028	-	100	15.100	15.200	
3	Lắp mới tấm đan mương thoát nước ấp 1,2,10 xã Hoà Hội (đã có mương)	464/QĐ-UBND ngày 27/03/2026	5.846	2026-2028	-	100	4.577	4.677	
4	Nâng cấp đường nhựa và đường BTXM 3-6m đã xuống cấp thành đường BT nhựa và mương thoát nước ấp 13,14,15,16,17,18 xã Hoà Hội	556/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	76.000	2026-2028	-	100	40.000	40.100	
5	Xây mới mương thoát nước ấp 1,2,3,4,5,6,7,10,11 xã Hoà Hội	485/QĐ-UBND ngày 27/03/2026	40.000	2026-2028	-	100	20.000	20.100	
6	Nâng cấp đường đất 3-6m thành đường bê tông nhựa và mương thoát nước ấp 2,4,6,8,16,17 xã Hoà Hội	627/QĐ-UBND ngày 06/05/2026	76.000	2026-2028		100	20.200	20.300	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>10</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Kim Long</b>		<b>59.892</b>			<b>30</b>	<b>20.097</b>	<b>20.127</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>59.892</b>			<b>30</b>	<b>20.097</b>	<b>20.127</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn và mương thoát nước khu vực Đông Nam xã Kim Long	1233/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	19.960	2026-2028		10	6.644	6.654	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn và mương thoát nước khu vực Tây Nam xã Kim Long	1231/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	19.950	2026-2028		10	6.640	6.650	
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông kết nối vùng sản xuất, chế biến nông sản kết hợp du lịch trên địa bàn xã Kim Long	1232/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	19.982	2026-2028		10	6.813	6.823	
<b>11</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Long Điền</b>		<b>368.431</b>		-	<b>600</b>	<b>66.791</b>	<b>67.391</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>174.866</b>	-	-	<b>600</b>	<b>66.291</b>	<b>66.891</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo các tuyến hẻm trên địa bàn xã	1527/QĐ-UBND ngày 06/5/2026	36.279	2026-2027		100	10.942	11.042	
2	Đầu tư hệ thống loa truyền thanh kỹ thuật số không dây trên địa bàn xã	1544/QĐ-UBND ngày 08/5/2026	9.470	2026-2027		100	4.806	4.906	
3	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	1553/QĐ-UBND ngày 11/5/2026	30.996	2026-2028		100	8.784	8.884	
4	Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn xã	1552/QĐ-UBND ngày 11/5/2026	14.838	2026-2027		100	7.749	7.849	
5	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư cây xăng Bàu Thành đến vòng xoay công Bà Sáu	1533/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	71.799	2026-2028		100	28.168	28.268	
6	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền trên địa bàn xã	1576/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	11.484	2026-2027		100	5.842	5.942	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>193.565</b>		-	-	<b>500</b>	<b>500</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa chợ và các điểm thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã		35.000	2026-2029		-	100	100	
2	Nâng cấp, cải tạo các khu di tích và đền thờ liệt sỹ		29.992	2026-2029		-	100	100	
3	Cải tạo các công viên công cộng trên địa bàn xã		39.808	2026-2029		-	100	100	
4	Cải tạo, nâng cấp các khu chức năng, trung tâm văn hóa - thể thao trên địa bàn xã		29.995	2026-2029		-	100	100	
5	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã		58.770	2026-2028		-	100	100	
<b>12</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Long Hải</b>		<b>150.137</b>		-	<b>500</b>	<b>84.700</b>	<b>85.200</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>150.137</b>		-	<b>500</b>	<b>84.700</b>	<b>85.200</b>	
1	Sửa chữa Hèm nhà bà Trang Tổ 12 (Từ đường Trần Hưng Đạo đến nhà bà Nguyệt); Hèm giáp đường số 2 tổ 17-15 (Từ trại cá ông Tiến - đến đất ông Nguyễn Trí Phước 240m); Hèm giáp hèm Sinh Thái (Từ đường Sinh Thái đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Tú 150m); Hèm bên hông quảng cáo Anh Hòa (Từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Nguyễn Nhật Khai dài 103m); Hèm giáp hèm Thùy Nhiên tổ 6 (từ nhà ông Ngô Đình Hiệp đến đất nhà bà Hoàng Chánh); Sửa chữa Đường tổ 4-9 ấp Phước Lợi; Đường tổ 3 ấp Phước Tân dài 40m; Đường tổ 11 ấp Phước Tân dài 35m; Đường tổ 4 ấp Phước Thái dài 150m; Đường tổ 12 ấp Phước Bình dài 65m; Đường tổ 8 Phước Bình; Đường tổ 2 ấp Phước Bình dài 60m; Đường tổ 13 ấp Phước Thắng dài 35m; Đường tổ 14 ấp Phước Thắng dài 51m; Đường tổ 6 ấp Tân Phước dài 40m; cải tạo, nâng cấp các tuyến hèm bị hư hỏng trên địa bàn ấp Phước Lợi; Phước Bình; Phước Tân; Tân Phước; Phước Hiệp; Phước Hương; Phước Thắng; Phước Thái	2272/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	18.139	2026-2027	-	100	12.000	12.100	
2	Đèn chiếu sáng tổ 1, 2, 6, 8, 9, 10, 11, 12 ấp Phước Lợi; Tổ 3, 4, 5, 11, 12, 13, 14 ấp Phước Tân; Tổ 1, 3, 5, 7, 9, 10, 12, 13 ấp Phước Thiện; Tổ 4, 7,9 ấp Phước Thái; Tổ 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 13, 14, 15 ấp Phước Thắng; Liên ấp Phước Thắng, Phước Bình; Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,10, 11, 12, 13 ấp Tân Phước; Tổ 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 11, 12, 13 ấp Phước Hiệp; Tổ 2, 3, 4, 5, 9, 10 ấp Phước Hương	2273/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	17.729	2026-2027	-	100	15.200	15.300	
3	Đèn chiếu sáng tổ 7,9,19,12 ấp Lò Vôi, Chiếu sáng đường Huỳnh Khương An, Chiếu sáng đường Huỳnh Mẫn Đạt, Chiếu sáng đường tổ 3,7,8,9,10,11 Phước Lâm, Chiếu sáng các tuyến hèm ấp Hải Bình, Hải An, Hải Lộc, Hải Điền, Hải Hoà, Hải Tân, Hải Sơn, Hải Lâm, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Thọ, Lò Vôi	2274/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	19.934	2026-2027	-	100	17.000	17.100	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Đường EC (từ đường Nguyễn Tất Thành đến Đường số 3 dài 480m), Hèm gần trại gỗ Út Loan (từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường số 11 dài 230m), Hèm nhà ông Hiền Cụt dài 200m, Tuyến đường tổ 3 ấp Phước Lâm dài 110m, Hèm giáp nhà ông ba Bàng (từ nhà ông Bàng đến nhà bà Nguyễn Thị Hai dài 66m), Đường vào Tịnh xá Thường Hạnh (từ ống dẫn khí đến nhà ông Bình Mai dài 550m), Liên tổ 5&8, tổ 4-6-7-9 ấp Phước Hưng, Hèm tổ 6 ấp Hải Lâm, Hèm tổ 2 ấp Phước Thọ, Hèm tổ 4-7-8-9-10-12-15 Phước Lộc, Hèm tổ 13 ấp Lò Vôi, Hèm tổ 4-5-6-11-14-15 ấp Hải Bình, Hèm tổ 3-6 Hải Lộc, Hèm ấp Hải Sơn, Hèm ấp Phước Lâm, Hèm ấp Hải Điền, Hèm ấp Hải Hoà, Hèm ấp Hải Tân	2371/QĐ-UBND ngày 04/5/2026	25.059	2026-2027	-	100	20.500	20.600	
5	Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn xã	2752/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	69.276	2026-2027		100	20.000	20.100	
<b>13</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Long Hương</b>		<b>88.342</b>			<b>1.600</b>	<b>26.900</b>	<b>28.500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>88.342</b>		-	<b>1.600</b>	<b>26.900</b>	<b>28.500</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phường Long Hương giai đoạn 2026 -2030	1132/QĐ-UBND ngày 27/05/2026	48.800	2026 -2028	-	500	13.500	14.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở cơ quan, trụ sở khu phố và chợ trên địa bàn phường Long Hương	1133/QĐ-UBND ngày 27/05/2026	7.169	2026 -2028	-	500	3.500	4.000	
3	Cải tạo, sửa chữa các khu di tích, đền thờ liệt sĩ và trung tâm văn hoá, sân bóng đá trên địa phương Long Hương	1134/QĐ-UBND ngày 27/05/2026	29.373	2026 -2028	-	500	7.500	8.000	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống camera trên địa bàn phường Long Hương	1135/QĐ-UBND ngày 27/05/2026	3.000	2026 -2028	-	100	2.400	2.500	
<b>14</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Long Sơn</b>		<b>525.788</b>		-	<b>1.500</b>	<b>4.478</b>	<b>5.978</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>525.788</b>		-	<b>1.500</b>	<b>4.478</b>	<b>5.978</b>	
1	Đường Ngô Lợi nối từ đường Trường Sa kết nối đường Nguyễn Phong Sắc (sau chợ Long Sơn)	120/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	346.790	2026-2028		1.000	1.795	2.795	
2	Đường Quy hoạch nối từ đường 28/4 kết nối đường Nguyễn Phong Sắc bên hông Trạm y tế xã Long Sơn	122/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	40.393	2026-2028		100	702	802	
3	Đường Quy hoạch nối từ đường 28/4 kết nối đường Nguyễn Phong Sắc qua trường Tiểu Long Sơn 2	123/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	41.869	2026-2028		100	781	881	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND và UBMTTQVN xã Long Sơn	125/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	77.645	2026-2028		100	900	1.000	
5	Cải tạo các trụ sở Thôn trên địa bàn xã	127/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	4.011	2026-2028		100	100	200	
6	Đầu tư cải tạo sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn xã	121/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	15.080	2026-2028		100	200	300	
<b>15</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Ngãi Giao</b>		<b>59.974</b>		-	<b>500</b>	<b>29.500</b>	<b>30.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>59.974</b>		-	<b>500</b>	<b>29.500</b>	<b>30.000</b>	
1	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường GTNT hư hỏng nặng trên địa bàn xã Ngãi Giao năm 2026	467/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	29.976	2026-2027	-	300	17.700	18.000	
2	Cải tạo, sửa chữa TTTM Ngãi Giao, chợ Bình Ba và công viên chợ Suối Nghệ cũ	479/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	29.998	2026-2027	-	200	11.800	12.000	
<b>16</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành</b>		<b>102.101</b>		-	<b>600</b>	<b>64.418</b>	<b>65.018</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>102.101</b>		-	<b>600</b>	<b>64.418</b>	<b>65.018</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn thôn Lò Ổ, thôn Bình Sơn xã Nghĩa Thành (Xã Đá Bạc cũ)	375/QĐ-UBND ngày 20/03/2026	18.000	2026-2027		100	11.400	11.500	
2	Tuyến đường tổ 7, thôn Sông Cầu, xã Nghĩa Thành và Xây dựng mương thoát nước tại các tuyến đường trung tâm xã	372/QĐ-UBND ngày 20/03/2026	19.982	2026-2027		100	12.400	12.500	
3	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên, trụ sở làm việc UBND xã và xây dựng trung tâm hành chính công	1023/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	19.619	2026-2027		100	10.900	11.000	
4	Sửa chữa, thay thế hệ thống cọc tiêu, biển báo, biển chỉ dẫn, sơn gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	371/QĐ-UBND ngày 20/03/2026	4.518	2026-2026		100	4.418	4.518	
5	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn xã Nghĩa Thành (xã Nghĩa Thành cũ)	373/QĐ-UBND ngày 20/03/2026	19.982	2026-2027		100	12.400	12.500	
6	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn xã (xã Đá Bạc cũ)	374/QĐ-UBND ngày 20/03/2026	20.000	2026-2027		100	12.900	13.000	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>17</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ</b>		<b>279.933</b>		-	<b>1.200</b>	<b>60.180</b>	<b>61.380</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>198.453</b>		-	<b>1.200</b>	<b>58.680</b>	<b>59.880</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc các khu phố Phước Lập; Phước Hưng; Mỹ Tân; Bến Đình; Phú Hà	2046/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	34.000	2026 - 2028	-	200	10.387	10.587	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường, mương thoát nước thuộc các khu phố Thị Vải; Phú Thạnh, Mỹ Thạnh	2049/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	40.000	2026 - 2028	-	200	12.104	12.304	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc các khu phố Vạn Hạnh; Tân Hạnh; Tân Phú; Ngọc Hà; Quảng Phú; Tân Ngọc	2048/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	38.501	2026 - 2028	-	200	10.795	10.995	
4	Cải tạo suối Ngọc Hà, khu phố Mỹ Thạnh	2051/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	19.999	2026 - 2028	-	200	5.810	6.010	
5	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Dương Bạch Mai và các tuyến đường nối Quốc lộ 51, KP Ngọc Hà	2045/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	46.313	2026 - 2028	-	200	14.053	14.253	
6	Trang bị camera an ninh trên địa bàn phường	2052/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	19.639	2026 - 2028	-	200	5.531	5.731	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>81.480</b>		-	-	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	
1	Sửa chữa trụ sở UBND phường; Trung tâm chính trị; các khu phố		22.000	2026 - 2028	-	-	500	500	
2	Cải tạo sửa chữa các tuyến đường bị hư hỏng trên địa bàn phường Phú Mỹ năm 2027		41.480	2027 - 2029		-	500	500	
3	Cải tạo sửa chữa các tuyến đường, hệ thống đèn chiếu sáng bị hư hỏng trên địa bàn		18.000	2027 - 2029		-	500	500	
<b>18</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Phước Hải</b>		<b>324.769</b>		-	<b>800</b>	<b>24.479</b>	<b>25.279</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>70.854</b>		-	<b>400</b>	<b>23.679</b>	<b>24.079</b>	
1	Nâng cấp hệ thống thoát nước cống ông Sur, xã Phước Hải	1222/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	16.991	2026-2027	-	100	7.224	7.324	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Công khu di tích Minh Đạm, xã Phước Hải đến giáp đường 994	1223/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	9.143	2026-2028	-	100	4.511	4.611	
3	Nâng cấp tuyến đường phục vụ sản xuất nông nghiệp cánh đồng Long Phù, xã Phước Hải	1221/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	7.814	2026-2027	-	100	3.853	3.953	
4	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến mương trên địa bàn xã Phước Hải	1388/QĐ-UBND ngày 25/5/2026	36.906	2026-2028		100	8.091	8.191	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>253.915</b>		-	<b>400</b>	<b>800</b>	<b>1.200</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Đường từ đường ven biển 994 đến đường Nguyễn Văn Linh, xã Phước Hải		158.371	2026-2028	-	100	200	300	
2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn xã Phước Hải giai đoạn 2026-2027		38.500	2026-2028	-	100	200	300	
3	Sửa chữa các công sở trên địa bàn xã Phước Hải giai đoạn 2026-2027		37.064	2026-2028	-	100	200	300	
4	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường khu phố Hải Sơn, thị trấn Phước Hải		19.980	2026-2028	-	100	200	300	
<b>19</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phước Thắng</b>		<b>209.897</b>		-	<b>700</b>	<b>4.030</b>	<b>4.730</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>1.818</b>		-	<b>100</b>	<b>1.650</b>	<b>1.750</b>	
1	Tu bổ, tôn tạo Đài tưởng niệm liệt sĩ Cầu Cỏ May và Bia ghi công trận đánh Phước Thành	1146/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	1.818	2026-2027		100	1.650	1.750	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>208.079</b>		-	<b>600</b>	<b>2.380</b>	<b>2.980</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa các trung tâm văn hóa học tập cộng đồng trên địa bàn Phường Phước Thắng		7.942	2026-2028	-	100	200	300	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng Ủy Phường Phước Thắng		29.321	2026-2028	-	100	500	600	
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND Phường Phước Thắng		33.508	2026-2028	-	100	500	600	
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở các khu phố trên địa bàn Phường Phước Thắng		7.149	2026-2028	-	100	190	290	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường, các tuyến hẻm trên địa bàn Phường Phước Thắng năm 2026		31.785	2026-2028	-	100	360	460	
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Trạm y tế phường Phước Thắng		7.678	2026-2028	-	100	80	180	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Sơn, phường Phước Thắng		90.696	2026-2028	-	-	550	550	
<b>20</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Rạch Dừa</b>		<b>433.000</b>		-	<b>1.200</b>	<b>4.850</b>	<b>6.050</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>433.000</b>		-	<b>1.200</b>	<b>4.850</b>	<b>6.050</b>	
1	Cải tạo các công viên và các điểm thể dục thể thao trên địa bàn phường Rạch Dừa		10.432	2026-2027	-	100	400	500	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBMTTQ phường Rạch Dừa		9.649	2026-2027	-	100	300	400	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND Phường Rạch Dừa		19.693	2026-2028	-	100	600	700	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Lắp đặt hệ thống thoát nước đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ đường 3/2 đến đường Nguyễn Đình Tú		13.706	2026-2028	-	100	650	750	
5	Cải tạo, sửa chữa các trung tâm văn hoá học tập cộng đồng, Nhà thi đấu thể dục thể thao trên địa bàn Phường Rạch Dừa, Nhà tập luyện thi đấu thể thao phường 10 (cũ)		12.862	2026-2027	-	100	500	600	
6	Cải tạo, sửa chữa các trạm y tế trên địa bàn phường Rạch Dừa		7.000	2026-2027	-	100	300	400	
7	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, hẻm cấp 1, cấp 2 trên địa bàn phường Rạch Dừa		233.065	2026-2029	-	100	700	800	
8	Đầu tư xây dựng đoạn nối đường Tiền Cảng và đường 2-9		89.472	2027-2030	-	100	400	500	
9	Đầu tư xây dựng đường N7 (thuộc khu vực Chí Linh - Cửa Lấp)		26.121	2027-2030	-	100	400	500	
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở các trụ sở khu phố trên địa bàn phường Rạch Dừa		3.000	2026-2028	-	100	200	300	
11	Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số tại UBND Phường Rạch Dừa, lắp đặt hệ thống Camera giám sát phục vụ xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn phường Rạch Dừa		3.000	2026-2028	-	100	200	300	
12	Xử lý các điểm ngập úng trên địa bàn Phường Rạch Dừa		5.000	2026-2028	-	100	200	300	
<b>21</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tam Thắng</b>		<b>56.448</b>		-	<b>1.500</b>	<b>34.000</b>	<b>35.500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>56.448</b>	-	-	<b>1.500</b>	<b>34.000</b>	<b>35.500</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa các Trường mầm non trên địa bàn phường Tam Thắng	1076/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	19.999	2026-2028	-	500	12.000	12.500	
2	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học trên địa bàn phường Tam Thắng	1060/QĐ-UBND ngày 8/6/2026	19.871	2026-2028	-	500	12.000	12.500	
3	Cải tạo, sửa chữa các trường trung học cơ sở trên địa bàn phường Tam Thắng	1075/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	16.578	2026-2028	-	500	10.000	10.500	
<b>22</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Thành</b>		<b>506.704</b>		-	<b>500</b>	<b>165.600</b>	<b>166.100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>14.991</b>		-	<b>-</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa các chợ trên địa bàn phường	274/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	14.991	2028-2029			100	100	
	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>491.713</b>	-	-	<b>500</b>	<b>165.500</b>	<b>166.000</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường và hệ thống chiếu sáng trên địa bàn phường Tân Thành	1059/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	159.911	2026-2027		100	38.000	38.100	
2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà công vụ giáo viên Hắc Dịch	1089/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	15.976	2026-2027		100	3.800	3.900	
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Đảng ủy phường; Ban chỉ huy quân sự và các khu phố trên địa bàn	1090/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	13.835	2026-2027		100	3.500	3.600	
4	Nâng cấp, sửa chữa các vỉa hè; sửa chữa đập Nhà Bè và mương thoát nước trên địa bàn phường	1060/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	45.680	2026-2027		100	10.800	10.900	
5	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế, Điểm y tế và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Thành	1094/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	11.252	2026-2027		-	5.500	5.500	
6	Trang bị camera an ninh trên địa bàn phường	1062/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	19.749	2026-2027		100	5.000	5.100	
7	Đường Hồ Thị Khuyên	1093/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	114.919	2027-2028		-	42.400	42.400	
8	Đường Bùi Công Minh	1092/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	27.936	2027-2028		-	14.200	14.200	
9	Đường Nguyễn Thiện Thuật	1091/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	82.455	2027-2028		-	42.300	42.300	
<b>23</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu</b>		<b>440.862</b>			<b>-</b>	<b>2.400</b>	<b>6.200</b>	<b>8.600</b>
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>440.862</b>			<b>-</b>	<b>2.400</b>	<b>6.200</b>	<b>8.600</b>
1	Đầu tư, cải tạo, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường băng cản lửa trên núi năm 2026		26.246	2026-2027		-	200	700	900
2	Đầu tư, cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn phường năm 2026		18.898	2026-2027		-	200	700	900
3	Chỉnh trang đô thị năm 2026		33.960	2026-2027		-	200	800	1.000
4	Đầu tư, cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn phường năm 2027		19.818	2027-2028		-	200	100	300
5	Chỉnh trang đô thị năm 2027		78.615	2027-2029		-	200	200	400
6	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường khu vực Bãi Sau trên địa bàn phường Vũng Tàu		19.091	2026-2027		-	200	600	800
7	Cải tạo, chỉnh trang đường Bà Triệu, Huỳnh Khương An, Nguyễn Hữu Cầu, Phan Đăng Lưu, Huỳnh Khương Ninh, Nguyễn Văn Trỗi phường Vũng Tàu.		13.380	2026-2027		-	200	300	500

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Cải tạo chỉnh trang Tượng đài liệt sỹ		16.390	2026-2027	-	200	500	700	
9	Cải tạo, chỉnh trang đường Nguyễn Du, Lý Thường Kiệt, Hẻm 221 đường Trương Công Định, phường Vũng Tàu		19.788	2026-2027	-	200	500	700	
10	Cải tạo, chỉnh trang đường Ba Cu, phường Vũng Tàu		32.689	2026-2028	-	200	800	1.000	
11	Cải tạo, chỉnh trang đường Trương Vĩnh ký, Thủ Khoa Huân, Hoàng Diệu, Đồng Khởi, Tô Hiến Thành, phường Vũng Tàu		16.279	2026-2027	-	200	400	600	
12	Nâng cấp, mở rộng hẻm 220 đường Phan Chu Trinh phường Vũng Tàu		145.708	2026-2028	-	200	600	800	
<b>24</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn</b>		<b>274.601</b>		-	<b>200</b>	<b>45.000</b>	<b>45.200</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>219.925</b>		-	-	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	
1	Đường kết nối các ấp trên địa bàn xã Xuân Sơn		20.000	2027-2028	-		300	300	
2	Đường kết nối theo quy hoạch trung tâm xã Xuân Sơn		65.000	2029-2030	-		300	300	
3	Xây dựng đường nối ven hồ Sông Ray 2		105.000	2027-2029	-		300	300	
4	Xây dựng đường ven hồ suối Giàu		10.000	2030	-		300	300	
5	Cải tạo, nâng cấp Bia tưởng niệm chiến thắng Bình Giả và Hạ tầng kỹ thuật các nghĩa trang xã Xuân Sơn		19.925	2027-2029	-		300	300	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>54.676</b>	-	-	<b>200</b>	<b>43.500</b>	<b>43.700</b>	
1	Cải tạo nâng cấp các đường GTNT xã Xuân Sơn	301/QĐ-UBND ngày 25/02/2026	39.676	2026-2027	-	100	30.000	30.100	
2	Hệ thống điện chiếu sáng và hạ thế phục vụ sản xuất trên địa bàn xã Xuân Sơn	302/QĐ-UBND ngày 25/02/2026	15.000	2026-2026	-	100	13.500	13.600	
<b>25</b>	<b>Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo</b>		<b>65.494</b>		-	<b>30</b>	<b>32.870</b>	<b>32.900</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>65.494</b>		-	<b>30</b>	<b>32.870</b>	<b>32.900</b>	
1	Nâng cấp sân vận động 30/4	242/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	19.086	2026-2027	-	10	10.990	11.000	
2	Sửa chữa Trung tâm VHNTTTT và các nhà văn hoá, Trung tâm VHHTCD	338/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	29.706	2026-2027	-	10	14.990	15.000	
3	Sửa chữa kè hồ Quang Trung II	337/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	16.702	2026-2027	-	10	6.890	6.900	
<b>26</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã An Long</b>		<b>313.594</b>		-	-	<b>400</b>	<b>400</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>313.594</b>		-	-	<b>400</b>	<b>400</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Nâng cấp, mở rộng BTNN các tuyến đường giao thông địa bàn An Linh, xã An Long.	164/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	58.952	2026-2028	-	-	100	100	
2	Nâng cấp, mở rộng BTNN các tuyến đường giao thông địa bàn xã An Long.	165/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	153.676	2026-2028	-	-	100	100	
3	Nâng cấp, mở rộng BTNN các tuyến đường giao thông địa bàn Tân Long, xã An Long.	166/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	74.959	2026-2028	-	-	100	100	
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã An Long	167/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	26.007	2026-2028	-	-	100	100	
<b>27</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường An Phú</b>		<b>17.724</b>		<b>2.498</b>	<b>11.269</b>	<b>3.787</b>	<b>15.056</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>17.724</b>		<b>2.498</b>	<b>11.269</b>	<b>3.787</b>	<b>15.056</b>	
1	Xây dựng hoa viên khu phố 1A	1502/QĐ-UBND 16/12/2025	11.441	2022-2026	1.275	7.568	2.505	10.073	
2	Xây dựng hoa viên khu phố 2	1501/QĐ-UBND 16/12/2025	6.283	2022-2026	1.223	3.701	1.282	4.983	
<b>28</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bắc Tân Uyên</b>		<b>549.134</b>		-	<b>200</b>	<b>3.400</b>	<b>3.600</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>549.134</b>	-		<b>200</b>	<b>3.400</b>	<b>3.600</b>	
1	Nâng cấp BTN đường Tân Định 01, Tân Định 02, BTXM đường Tân Định 75 (giai đoạn 1), Tân Định 52 nhánh 2, nhánh 3	173/QĐ-UBND ngày 27/2/2026	133.449	2026-2028		100	900	1.000	
2	Nâng cấp, mở rộng BTN từ đường Tân Thành 43 đến Tân Thành 65, Nâng cấp BTN Tân Thành 64, Tân Thành 65	174/QĐ-UBND ngày 27/2/2026	46.917	2026-2028		100	400	500	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Định 46, Tân Định 54 (giai đoạn 3), Tân Định 66	765/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	156.912	2026-2028		-	1.000	1.000	
4	Đầu tư hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Bắc Tân Uyên	766/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	15.000	2026-2028		-	100	100	
5	Xây dựng trạm bơm Tân Định 01, Tân Định 02, Tân Định 03, Tân Định 04	767/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	196.856	2027-2030		-	1.000	1.000	
<b>29</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bàu Bàng</b>		<b>124.576</b>		-	<b>1.000</b>	<b>60.000</b>	<b>61.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>124.576</b>		-	<b>1.000</b>	<b>60.000</b>	<b>61.000</b>	
1	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường Lai Uyên 18, 21, 48, 49, 53, 67, 76, 95, 105, 109, 111	500/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	29.994	2026-2028		200	14.000	14.200	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường trên địa bàn các ấp Đồng Sỏ, Bàu Bàng, Cây Sắn	501/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	28.397	2026-2028		200	16.000	16.200	
3	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 61, 71, 75, 77, 96, 106	502/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	29.933	2026-2028		200	13.000	13.200	
4	Lắp đặt, nâng cấp hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Bàu Bàng	498/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	17.356	2026-2028		200	7.000	7.200	
5	Xây dựng cầu Đồng Chèo; Hệ thống thoát nước các tuyến đường trên địa bàn các ấp Bàu Hốt, Xà Mách, Bến Lớn, Đồng Chèo	499/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	18.896	2026-2028		200	10.000	10.200	
<b>30</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Dương</b>		<b>17.860</b>		<b>13.072</b>	<b>3.700</b>	<b>832</b>	<b>4.532</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>17.860</b>		<b>13.072</b>	<b>3.700</b>	<b>832</b>	<b>4.532</b>	
1	Xây dựng mương thoát nước và nâng cấp BTNN tuyến đường Phú Chánh 25, phường Phú Chánh	1315/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	13.730	2024-2026	9.572	3.700	429	4.129	
2	Nâng cấp BTNN và lắp đặt mương thoát nước tuyến đường Phú Chánh 36-38, phường Phú Chánh.	4258/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	4.130	2025-2027	3.500	-	403	403	
<b>31</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa</b>		<b>140.152</b>		<b>44.213</b>	<b>200</b>	<b>51.025</b>	<b>51.225</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>48.902</b>		<b>44.213</b>	<b>-</b>	<b>725</b>	<b>725</b>	
1	Chỉnh trang đường Vĩnh Phú 05	3944/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	1.171	2025	1.098	-	15	15	
2	Chỉnh trang đường Tô 1 khu phố Phú Hội	3951/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	645	2025	615	-	26	26	
3	Chỉnh trang đường Vĩnh Phú 04	3953/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	705	2025	653	-	28	28	
4	Chỉnh trang đường Vĩnh Phú 11	3956/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	998	2025	962	-	25	25	
5	Chỉnh trang hẻm 01, đường Vĩnh Phú 27	3947/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	742	2025	685	-	24	24	
6	Xây dựng cầu tạm trên đường Vĩnh Phú 32	9705/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	7.655	2025	7.111	-	84	84	
7	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Vĩnh Phú 01, 04, 05, 32	3943/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	587	2025	564	-	8	8	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Chỉnh trang đường BH04	5304/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	6.680	2025	5.487	-	74	74	
9	Chỉnh trang đường Bình Hòa 01	3679/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	914	2025	858	-	12	12	
10	Chỉnh trang đường Bình Hòa 03	3672/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	999	2025	977	-	14	14	
11	Chỉnh trang đường Bình Hòa 05	3671/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	999	2025	967	-	13	13	
12	Chỉnh trang đường Bình Hòa 09 và hẻm 09	3670/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.154	2025	1.080	-	15	15	
13	Chỉnh trang đường Bình Hòa 11 (đoạn tiếp giáp QL13 đến công ty sữa cô gái Hà Lan)	3677/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	720	2025	671	-	9	9	
14	Chỉnh trang đường Bình Hòa 14	3669/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	681	2025	645	-	9	9	
15	Chỉnh trang đường Bình Hòa 19	3668/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	557	2025	520	-	7	7	
16	Chỉnh trang đường Bình Hòa 24	3673/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	996	2025	953	-	13	13	
17	Chỉnh trang đường Bờ (rạch Cùg) từ đường Bình Hòa 04 đến Kênh Tiêu	3674/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.178	2025	1.103	-	15	15	
18	Chỉnh trang Đường hẻm 01 Vĩnh Phú 10	3955/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	295	2025	270	-	12	12	
19	Chỉnh trang đường Hẻm 5 Bình Đức 1	3667/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.222	2025	860	-	15	15	
20	Chỉnh trang đường nhánh đường Vĩnh Phú 04 qua Vĩnh Phú 06	3946/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	433	2025	410	-	14	14	
21	Chỉnh trang đường tổ 5 khu phố Phú Hội	3952/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	562	2025	518	-	24	24	
22	Chỉnh trang đường Vĩnh Phú 20	3954/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	980	2025	953	-	13	13	
23	Chỉnh trang đường Vĩnh Phú 21	3958/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	539	2025	516	-	7	7	
24	Chỉnh trang hẻm 01 đường Vĩnh Phú 17	4005/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	372	2025	349	-	5	5	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
25	Chỉnh trang Hẻm 02 đường Vĩnh Phú 14	4006/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	521	2025	488	-	7	7	
26	Chỉnh trang tuyến đường số 1 khu dân cư 434	3666/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.060	2025	1.034	-	14	14	
27	Chỉnh trang tuyến đường số 2 và đầu tuyến đường tổ 17 khu dân cư 434	3665/QĐ-UBND 19/5/2025	1.091	2025	1.064	-	14	14	
28	Chỉnh trang tuyến vuông góc số 1 khu 434 (đầu tuyến giáp đường số 1 cuối tuyến giáp đường số 3)	3676/QĐ-UBND ngày 19/5/2024	552	2025	509	-	7	7	
29	Chỉnh trang tuyến vuông góc số 2 khu 434 (đầu tuyến giáp đường số 1 cuối tuyến giáp đường số 3)	3675/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	612	2025	566	-	8	8	
30	Cải tạo hệ thống chiếu sáng sử dụng công nghệ Led trên các tuyến đường Vĩnh Phú 02, 06, 10, 20, 24, 40, 38	3948/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	1.173	2025	1.140	-	16	16	
31	Công viên khu phố Bình Đáng	5874/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	7.709	2025	6.461	-	87	87	
32	Chỉnh trang hệ thống chiếu sáng (thay thế đèn Sodium thành đèn LED) trên tuyến đường Đồng An	3546/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	150	2025	147	-	1	1	
33	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong khu dân cư 434	3664/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.138	2025	1.062	-	15	15	
34	Thay thế đèn led một số tuyến đường BH07, BH08, BH09, BH10, BH11	3663/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	969	2025	904	-	13	13	
35	Thay thế đèn led một số tuyến đường BH25, BH26, BH27, BH28, BH29, BH30, BH31, BH32, BH33 và các tuyến đường thuộc KDC Areco	3678/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	931	2025	895	-	13	13	
36	Thay thế đèn led tuyến đường BH24	3662/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	505	2025	471	-	7	7	
37	Chỉnh trang hẻm 04, đường Vĩnh Phú 27	3957/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	707	2025	645	-	42	42	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>91.250</b>		<b>-</b>	<b>200</b>	<b>50.300</b>	<b>50.500</b>	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước, chỉnh trang đường Bình Hòa 20	2553/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	4.274	2026-2027	-	50	3.650	3.700	
2	Chỉnh trang đường Bình Hòa 11 và đường Đồng An	2554/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	34.963	2026-2027	-	50	18.450	18.500	
3	Kè kiên cố bờ rạch Cầu Hăng và rạch Cùg	2558/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	21.413	2026-2027	-	50	12.750	12.800	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Chỉnh trang đường ven kênh Ba Bò	2552/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	30.600	2026-2027	-	50	15.450	15.500	
<b>32</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp</b>		<b>442.715</b>		<b>8.639</b>	<b>900</b>	<b>2.116</b>	<b>3.016</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>9.215</b>		<b>8.639</b>	<b>-</b>	<b>106</b>	<b>106</b>	
1	Nâng cấp BTNN và xây dựng hệ thống thoát nước đường tổ 11, khu 2	310/QĐ-UBND 06/06/2025	4.116	2025	3.776	-	57	57	
2	Nâng cấp BTNN và xây dựng hệ thống thoát nước đường tổ 63, khu 5	275/QĐ-UBND 19/05/2025	648	2025	595	-	27	27	
3	Nâng cấp nhựa và xây dựng hệ thống thoát nước GL BNT (ĐX 107)	101/QĐUBND 26/04/2025	4.451	2025	4.268	-	22	22	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>433.500</b>		<b>-</b>	<b>900</b>	<b>2.010</b>	<b>2.910</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy phường Chánh Hiệp		2.000	2026	-	50	30	80	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp		1.500	2026	-	50	20	70	
3	Nâng cấp, mở rộng trạm trung chuyển rác phường Chánh Hiệp		8.000	2026-2027	-	50	210	260	
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở và xây dựng mới đường Pítch, Trung tâm văn hóa phường Chánh Hiệp		5.000	2026	-	50	140	190	
6	Nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường Tương Bình Hiệp (cũ)		83.000	2026-2027	-	100	120	220	
7	Nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường Chánh Mỹ (cũ)		33.000	2026-2028	-	100	120	220	
8	Nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn khu phố 1,2,3,4 phường Định Hòa (cũ)		85.000	2026-2028	-	100	510	610	
9	Nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường Hiệp An (cũ)		45.000	2026-2028	-	100	130	230	
10	Xây dựng các công viên trên địa bàn phường Chánh Hiệp		14.000	2026-2027	-	50	50	100	
11	Xây dựng bê tông nhựa các tuyến đường trên địa bàn phường Chánh Hiệp		11.000	2026-2027	-	50	250	300	
12	Kiên cố, chỉnh trang các tuyến Suối, kênh, rạch trên địa bàn phường Chánh Hiệp		35.000	2026-2027	-	50	150	200	
13	Nâng cấp đường Trường Bồng Bồng		33.000	2026-2028	-	50	150	200	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
14	Nâng cấp các tuyến đường, hẻm trên địa bàn khu phố 5,6,7,8 phường Định Hòa (cũ)		78.000	2026-2028	-	100	130	230	
<b>33</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Chánh Phú Hòa</b>		<b>6.363</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>6.363</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo nhà bia tường niêm liệt sĩ tượng đài Đoàn Thị Liên và sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng phường Chánh Phú Hòa		6.363	2026-2028	-	-	300	300	
<b>34</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng</b>		<b>143.506</b>		-	<b>2.500</b>	<b>78.300</b>	<b>80.800</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>143.506</b>		-	<b>2.500</b>	<b>78.300</b>	<b>80.800</b>	
1	Xây dựng công Ông Tôn đường Định An 63 ấp An Thọ và cống hẻm 03 đường 13/3	841/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	7.321	2026-2028	-	500	5.300	5.800	
2	Chỉnh trang vỉa hè, đan hồ ga các tuyến đường yết kiêu, đồng khởi, giải phóng, Nguyễn Bình Khiêm và các tuyến đường còn lại trung tâm hành chính xã	837/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	17.043	2026-2028	-	500	15.000	15.500	
3	Nâng cấp các tuyến hẻm 349, 361, 377 đường Hùng Vương và hẻm 290 đường 13/3	877/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	7.444	2026-2028	-	500	5.500	6.000	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước đường ĐH 701 (đoạn qua khu dân cư ấp Định Lộc và ấp Chiến Thắng); Đường ĐH 704 (đoạn qua khu dân cư ấp Định Thới); Đường Định Hiệp 12	892/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	24.766	2026-2028	-	500	19.000	19.500	
5	Xây dựng đường Đông Tây ấp Sân Bay	893/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	86.932	2026-2028	-	500	33.500	34.000	
<b>35</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Long Hòa</b>		<b>226.481</b>		-	<b>400</b>	<b>144.715</b>	<b>145.115</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>226.481</b>		-	<b>400</b>	<b>144.715</b>	<b>145.115</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo các trụ sở : Đảng ủy, HĐND- UBND, các trung tâm học tập cộng đồng xã Long Hòa	138/QĐ-UBND ngày 05/2/2026	9.959	2026-2028	-	100	8.100	8.200	
2	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thuộc các ấp Long Nguyên, Long Thọ, Long Điền, Thị Tính, Tiên Phong (các tuyến khu vực trung tâm xã Long Hòa cũ) và các tuyến đường thuộc các ấp Tân Định, Cầm xe, cần Đôn	194/QĐ-UBND ngày 05/2/2026	94.601	2026-2028	-	100	51.815	51.915	
3	Đầu tư hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Long Hòa (giai đoạn 1)	196/QĐ-UBND ngày 05/2/2026	42.565	2026-2028	-	100	34.900	35.000	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thuộc các ấp Long Chiêu, Vũng Tây, Hóc Măng, Cống Queo, Đòn Gánh, Hố Đá (các tuyến khu vực trung tâm xã Long Tân cũ)	195/QĐ-UBND ngày 05/2/2026	79.356	2026-2028	-	100	49.900	50.000	
<b>36</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Long Nguyên</b>		<b>149.982</b>		-	<b>600</b>	<b>1.450</b>	<b>2.050</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>149.982</b>		-	<b>600</b>	<b>1.450</b>	<b>2.050</b>	
1	Xây dựng mới Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Nguyên		20.000	2026-2028	-	100	300	400	
2	Nâng cấp các tuyến đường An Điền 064, An Điền 037, nhánh rẽ An Điền 134; Long Nguyên – 44		30.000	2026-2028	-	200	200	400	
3	Xây dựng trung tâm Văn hoá thể thao học tập cộng đồng phường Long Nguyên		39.986	2026-2028	-	100	350	450	
4	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã Long Nguyên cũ Giai đoạn 1		19.998	2026-2028	-	-	400	400	
5	Nâng cấp các tuyến đường: An Điền 076, An Điền 161, An Điền 081, An Điền 084, An Điền 088, An Điền 121		39.998	2026-2028	-	200	200	400	
<b>37</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh</b>		<b>375.594</b>		-	<b>1.000</b>	<b>214.083</b>	<b>215.083</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>375.594</b>		-	<b>1.000</b>	<b>214.083</b>	<b>215.083</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.749b đến giáp ấp Hoà Phú	335/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	28.051	2026-2028	-	100	26.548	26.648	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.704 đến đường ĐT.749b	336/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	165.028	2026-2028	-	100	15.847	15.947	
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Hòa Cường, Hòa Thành, Hòa Lộc xã Minh Thạnh	337/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	32.730	2026-2028	-	100	30.994	31.094	
4	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Hòa Hiệp xã Minh Thạnh	338/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	28.278	2026-2028	-	100	26.764	26.864	
5	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Tân Phú xã Minh Thạnh	339/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	9.657	2026-2028	-	100	9.074	9.174	
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Tân Bình, Tân Tiến, Tân Đức xã Minh Thạnh	340/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	28.411	2026-2028	-	100	25.989	26.089	
7	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Đồng Sơn, Tân Minh xã Minh Thạnh	341/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	42.060	2026-2028	-	100	39.857	39.957	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Nâng cấp các tuyến đường giao thông ấp Cây Liễu, Lò Gạch xã Minh Thạnh	342/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	23.175	2026-2028	-	100	21.916	22.016	
10	Nâng cấp, mở rộng các Trung tâm văn hóa xã Minh Thạnh	344/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	8.207	2026-2027	-	100	7.697	7.797	
11	Nâng cấp chợ Minh Hòa	345/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	9.997	2026-2027	-	100	9.397	9.497	
<b>38</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú An</b>		<b>7.299</b>		<b>1.626</b>	<b>610</b>	<b>3.844</b>	<b>4.454</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>2.688</b>		<b>1.352</b>	<b>310</b>	<b>22</b>	<b>332</b>	
1	Nâng cấp tuyến đường từ Viện mía đến ông Thiện - ông 3 Hải đến ông 5 Há - ông Trương đến ông Chín	1584/QĐ-UBND 26/5/2025	2.688	2025-2026	1.352	310	22	332	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>4.611</b>		<b>274</b>	<b>300</b>	<b>3.822</b>	<b>4.122</b>	
1	Nâng cấp BTNN, cống thoát nước đường tổ 24, Khu phố 3	1132/QĐ-UBND 25/12/2025	1.599	2025-2026	91	100	1.332	1.432	
2	Xây cống thoát nước Đx 113, khu phố 7	1131/QĐ-UBND 25/12/2025	1.994	2025-2026	109	100	1.690	1.790	
3	Nâng cấp BTXM, cống thoát nước hẻm từ ông Tùng đến nhà ông Tám (tổ 16,17) ĐX 135, khu phố 2.	1133/QĐ-UBND 25/12/2025	1.018	2025-2026	74	100	800	900	
<b>39</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa</b>		<b>38.671</b>		<b>-</b>	<b>600</b>	<b>36.480</b>	<b>37.080</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>38.671</b>			<b>600</b>	<b>36.480</b>	<b>37.080</b>	
1	Nâng cấp BTNN các tuyến đường trên địa bàn xã Phước Hòa (giai đoạn 1)	111/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	33.500	2026	-	500	31.680	32.180	
2	Đầu tư xây dựng công chào, thay thế các biển báo, bản tên đường trên địa bàn xã Phước Hòa	109/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	5.171	2026	-	100	4.800	4.900	
<b>40</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp</b>		<b>597.975</b>		<b>90.741</b>	<b>-</b>	<b>8.919</b>	<b>8.919</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>99.369</b>		<b>90.741</b>	<b>-</b>	<b>419</b>	<b>419</b>	
1	Nhà tang lễ thị xã Tân Uyên	2824/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	16.532	2020 - 2022	15.730	-	30	30	
2	Nâng cấp bê tông nhựa nóng, xây dựng hệ thống thoát nước đường Khánh Bình 64 và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Khánh Bình 03, phường Khánh Bình	6875/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	8.000	2022-2024	7.019		19	19	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
3	Nâng cấp bê tông nhựa và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Khánh Bình 26 nối dài (Đoạn từ đường DT 747B đến đường Trịnh Hoài Đức), phường Khánh Bình	6876/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	5.445	2022-2024	5.234		15	15	
4	Nâng cấp bê tông nhựa xây dựng hệ thống thoát nước đường Khánh Bình 11 Khu phố Khánh Vân, phường Khánh Bình	4290/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	5.067	2023-2025	4.416		60	60	
5	Nâng cấp bê tông nhựa xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Khánh Bình 73, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình	6525/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	5.689	2022-2024	5.072		16	16	
6	Xây dựng hàng rào các khu đất công trên địa bàn phường Khánh Bình	1161/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	1.049	2023-2025	923		5	5	
7	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 44, phường Tân Hiệp	198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022	6.240	2023-2025	5.854		16	16	
8	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 49, 51, phường Tân Hiệp	6488/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	5.739	2022-2024	5.375		16	16	
9	Xây dựng hệ thống thoát nước và BTNN đường Tân Hiệp 47, phường Tân Hiệp	4964/QĐ-UBND ngày 05/08/2022	4.763	2022-2024	4.517		14	14	
10	Xây dựng hệ thống thoát nước và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 48, phường Tân Hiệp	280/NQ HĐND ngày 02/11/2021	5.849	2022-2024	5.556		16	16	
11	Xây dựng hoa viên liên khu phố Bình Chánh Đông và Khánh Lộc	2533/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	7.762	2022-2024	6.751		85	85	
12	Xây dựng HTTN và BTNN đường Tân Hiệp 08, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp	958/QĐ-UBND ngày 05/06/2023	14.983	2023 - 2025	14.005		30	30	
13	Xây dựng mới nhà bia ghi danh liệt sĩ phường Khánh Bình	3065/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	3.740	2022-2024	3.482		12	12	
14	Nâng cấp bê tông nhựa, xây dựng hệ thống thoát nước đường Khánh Bình 11, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình	4288/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	8.511	2024-2026	6.807		85	85	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>498.606</b>		-	-	<b>8.500</b>	<b>8.500</b>	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm cung ứng dịch vụ công	575/QĐ-UBND ngày 07/4/2026	13.986	2026-2028	-		800	800	
2	Xây dựng HTTN, thảm BTNN đường Khánh Bình 45 và đường Trịnh Hoài Đức (đoạn từ giáp đường ĐT 747 đến giáp đường Lê Quang Định) và duy tu, sửa chữa đường Khánh Bình 51	576/QĐ-UBND ngày 07/4/2026	45.595	2027-2029	-		800	800	
3	Sửa chữa và xây dựng thêm mới phòng khám trạm y tế phường Tân Hiệp	577/QĐ-UBND ngày 07/4/2026	15.000	2026-2028	-		800	800	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Nâng cấp BTNN đường Khánh Bình 49, Xây dựng HTTN tuyến đường Khánh Bình 44 và duy tu, dặm và đường Khánh Bình 44 và đường Lê Thị Trung	578/QĐ-UBND ngày 07/4/2026	18.558	2026-2028	-		500	500	
5	Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 15, Tân Hiệp 27	583/QĐ-UBND ngày 07/04/2026	20.387	2027-2029	-		500	500	
6	Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 08 (đoạn từ KM 1 + 400 đến Km 2 + 225), Tân Hiệp 21, Tân Hiệp 22, Hẻm đường Nguyễn Khuyến, Hẻm Nguyễn Khuyến Nối Dài đến nhà ông Hoàng	584/QĐ-UBND ngày 07/04/2026	42.517	2029-2031	-		1.500	1.500	
7	Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1 + 040 đến đoạn Km 1 + 270)	585/QĐ-UBND ngày 07/04/2026	27.051	2027-2029	-		800	800	
8	Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 42, Tân Hiệp 45, Hẻm Tân Hiệp 45, đường nối Tân Hiệp 46 đến Tân Hiệp 48	586/QĐ-UBND ngày 07/04/2026	28.942	2027-2029	-		800	800	
9	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng HTTN đường Nguyễn Khuyến (đoạn giáp đường ĐT 746 đến giáp đường Vĩnh Lợi) giai đoạn 1	581/QĐ-UBND ngày 07/04/2026	286.570	2028 - 2031	-		2.000	2.000	
<b>41</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Khánh</b>		<b>131.090</b>		<b>115.684</b>	-	<b>2.201</b>	<b>2.201</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>131.090</b>		<b>115.684</b>	-	<b>2.201</b>	<b>2.201</b>	
1	Nâng cấp BTNN và Xây dựng HTTN tuyến đường từ ngã ba nhà ông ba Cư đến Cầu Bà Thảo (Giáp địa bàn phường Thạnh Phước), Khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa	7610/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	6.190	2023-2025	5.963		150	150	
2	Nâng cấp BTNN và Xây dựng HTTN tuyến đường từ ngã ba nhà ông ba Cư đến khu vực mã Tàu và có nhánh rẽ xuống nhà ông Tài Khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa	7760/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	5.252	2023-2025	4.917		200	200	
3	Xây dựng hàng rào các khu đất công, đất công ích trên địa bàn phường Thái Hòa	198/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.352	2023-2025	4.466		50	50	
4	Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường từ Ngã ba Công ty Trung Quý đến Đình Thái Hòa và nhánh rẽ đến nhà ông Năm Tùng, Khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa	147/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	6.596	2023-2025	6.007		200	200	
5	Nâng cấp BTNN tuyến đường Tân Phước Khánh 31 (từ giáp Tô Vĩnh Diện đến giáp ranh Khánh Bình), phường Tân Phước Khánh	1876/Đ-UBND ngày 12/01/2022	9.930	2023-2025	9.299		50	50	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
6	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 32 (từ giáp ĐT 747B đến khu Tái định cư Gò sò), phường Tân Phước Khánh	7085/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	9.914	2023-2025	8.312		200	200	
7	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 42 (từ cây xanh Bình Hòa đến công ty River Door), phường Tân Phước Khánh	3268/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.176	2023-2025	4.474		50	50	
8	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 34 (từ nhà ông 7 Oai đến Đình Bùng Cù), phường Tân Phước Khánh	5476/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.527	2023-2025	3.291		50	50	
9	Nâng cấp vỉa hè và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 22	725/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	4.326	2023-2025	3.838		50	50	
10	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 08 (từ giáp TPK 09 đến TPK10), phường Tân Phước Khánh	1784/QĐ-UBND ngày 12/4/2022	4.587	2023-2025	3.941		90	90	
11	Xây dựng mới văn phòng khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh	5789/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	1.926	2023-2025	1.801		91	91	
12	Xây dựng hàng rào các khu đất công trên địa bàn phường Tân Phước Khánh	687/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	1.376	2023-2025	1.180		100	100	
13	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường Tân Phước Khánh 38 (từ giáp ĐH 402 đến TPK 09), phường Tân Phước Khánh	5079/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.808	2023-2025	6.130		50	50	
14	Xây dựng hoa viên Văn phòng các khu phố (Dư Khánh, Cây Chàm), phường Thạnh Phước	2776/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.432	2023-2025	1.343		50	50	
15	Xây dựng công viên khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước	5113/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.436	2023-2025	11.522		200	200	
16	Xây dựng hàng rào các khu đất công trên địa bàn phường Thạnh Phước	371/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	997	2023-2025	872		30	30	
17	Đầu tư hệ thống thoát nước và Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ ĐT 746 (Bà Hân) đến giáp ranh UBND phường Tân Vinh Hiệp,, phường Tân Vinh Hiệp	1767/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	3.033	2023-2025	2.725		20	20	
18	Xây dựng hệ thống thoát nước và Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ đất bà Cồ Kim Tuyên đến giáp ranh đường ĐX 10, khu phố Hóa Nhựt	913/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	9.085	2023-2025	7.879		20	20	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
19	Đầu tư hệ thống thoát nước và Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ ĐT 746 (Nhà ông Hiệp) đến nhà ông Tám Lùi, phường Tân Vĩnh Hiệp	7886/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	3.432	2023-2025	2.654		100	100	
20	Xây dựng kho lưu trữ phường Tân Vĩnh Hiệp	6427/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	3.192	2023-2025	2.822		20	20	
21	Nâng cấp BTXM và xây dựng hàng rào Nghĩa trang nhân dân phường Tân Vĩnh Hiệp	1005/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	1.885	2023-2025	1.768		10	10	
22	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường TPK 07 (từ ngã ba nhà ông Bậm đến khu Tái định cư Gò Sờ), phường Tân Phước Khánh	5085/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.895	2023-2025	5.047		30	30	
23	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường TPK 24 (từ nhà ông Đỗ Văn Lợi đến nhà ông Trần Văn Út), phường Tân Phước Khánh	5080/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	4.506	2023-2025	4.000		90	90	
24	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường TPK 06 (từ giáp đường Võ Thị Sáu đến giáp đường Lý Tự Trọng), phường Tân Phước Khánh	5088/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.647	2023-2025	2.480		100	100	
25	Nâng cấp BTNN và lắp đặt cống thoát nước tuyến đường TPK 36 (từ giáp ĐH 402 đến giáp ranh Thái Hòa), phường Tân Phước Khánh	4098/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.879	2023-2025	4.854		100	100	
26	Xây dựng hệ thống thoát nước đoạn đường TPK 10 và TPK 13, phường Tân Phước Khánh	5078/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	4.711	2023-2025	4.099		100	100	
<b>42</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tây Nam</b>		<b>22.439</b>		-	<b>100</b>	<b>12.688</b>	<b>12.788</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>22.439</b>		-	<b>100</b>	<b>12.688</b>	<b>12.788</b>	
1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn phường Tây Nam	1105/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	13.557	2026-2028		50	8.007	8.057	
2	Nâng cấp, sửa chữa điểm trạm y tế phường Tây Nam	1447/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	8.882	2026-2028		-	4.681	4.731	
<b>43</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Thanh An</b>		<b>290.234</b>		-	<b>500</b>	<b>4.354</b>	<b>4.854</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>290.234</b>		-	<b>500</b>	<b>4.354</b>	<b>4.854</b>	
1	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng tuyến đường An Lập 20A; Nhánh 1 An Lập 20A ấp Chót Đồng		50.711	2027-2029		-	812	812	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng các tuyến đường GTNT ấp Bà Cây Cám, ấp Đồng Trai, ấp Dáng Hương, ấp Chót Đồng		58.513	2027-2029	-	-	708	708	
3	Nâng cấp, cải tạo Bia tường niệm và Đèn Thanh niên xung phong (Thanh An, An Lập)		6.320	2026-2028	-	100	200	300	
4	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng các tuyến đường Khung giao thông ấp Cà Tong, ấp Đường Long		41.833	2026-2028	-	100	699	799	
5	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng đường Thanh An 14;15;17 ấp Bến Tranh		46.313	2026-2028	-	100	640	740	
6	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng Khung giao thông ấp Hàng Nù, ấp Dáng Hương		39.112	2026-2028	-	100	535	635	
7	Nâng cấp Bê tông nhựa nóng các tuyến đường Khung giao thông ấp Đất Đỏ, ấp Định Thọ		47.432	2026-2028	-	100	760	860	
<b>44</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa</b>		<b>114.400</b>		-	<b>700</b>	<b>3.259</b>	<b>3.959</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>114.400</b>		-	<b>700</b>	<b>3.259</b>	<b>3.959</b>	
1	Xây dựng, sửa chữa văn phòng các khu phố; cổng hàng rào, trụ sở quân sự, các phòng chuyên môn của phường Thới Hòa		14.000	2026-2028	-	100	427	527	
2	Nâng cấp BTNN và lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng tuyến đường Thới Hòa 003; Thới Hòa 001; MP1 (bà Chiêm) - ông Trân; MP1 (ông Môn) - bà Phượng; MP1 (ông Tuấn) - ông Tuyết; MP1 (ông Đáng) - ông Long; ông Mới - 6 cây kiềng KP6 Phường Thới Hòa		19.000	2026-2028	-	100	516	616	
3	Nâng cấp BTNN và lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng tuyến đường Thới Hòa 045- (Miếu Bà-Cô giáo Bích) và tuyến đường Miếu Bà - Cô Giáo Bích; ông Dũng - ĐH Việt Đức; đường Thới Hòa 051; đường Thới Hòa 018 nhánh rẽ ông Hồ Huyền; nhánh rẽ 6 Bé - Miếu Bà( ông Sao)- KDC Thới Hòa; nhánh rẽ 6 Bé- Miếu Bà (bà Trưa) - KDC Thới Hòa khu phố 4 phường Thới Hòa		13.500	2026-2028	-	100	333	433	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Nâng cấp BTNN và lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng tuyến đường Thới Hòa 027; Hai Hùng - Ba Chương; Bà Tiền - ông 5 Trung nhánh rẽ ông 5 Mai; ông Thành - bà Vỹ; Hồ Le - ông 5 Ngon; Hồ Le - ông 8 Uá; tuyến đường Hồ Le- bà Yêm; Hồ LeBa Chương; ông 3 Phước- ông Hưng; bà Hạnh- bà Oanh; Ông Sơn - bà Quyên; ông Tiến- bà Vu; Hồ Le- bà Đèo- nhánh rẽ nhà cũ ông Phạm Thanh Hứa, khu phố 3A; Thới Hòa 044; đường Thới Hòa 059 và đường Thới Hòa 033; đường Thới Hòa 031 rẽ bà Hiếu; đường Thới Hòa 081, khu phố 2, phường Thới Hòa		19.900	2026-2028	-	100	560	660	
5	Nâng cấp BTNN và lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng tuyến (đường Thới Hòa 040) - ông Trí; đường Thới Hòa 034 - đất Hạnh; ông Định - Mỹ Phước 3( bà Chính) - KDC MP3; nhánh rẽ đường bà Kiêm - 5 Lắm - Cô Chất - bà Tâm khu phố 3A; tuyến đường Thới Hòa 073; đường Thới Hòa 071; đường Thới Hòa 069; đường Thới Hòa 067; đường Thới Hòa 055; đường Thới Hòa 053, Khu phố 2, phường Thới Hòa		15.000	2026-2028	-	100	463	563	
6	Nâng cấp BTNN và lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng tuyến đường Bà Hương - Út Vàng; Đường Thới Hòa 024 nhánh rẽ ông Thanh Sơn - trường Tiểu học Thới Hòa; Xưởng đũa Lai Hưng - ông Ba Lon; ông Khánh - bà Sệt; ông QL13( Phan Văn Tiền) - KDC MP3; bà Lo - chùa Long Hòa; bà Lo- ông Bình; ông 3 Tiền- ông Lộc khu phố 3B; tuyến nhánh rẽ đường Thới Hòa 077 - Bà Khuê; đường Thới Hòa 035- bà Nui; nhánh rẽ đường Thới Hòa 077 - ông Lục Văn Lùm; đường Thới Hòa 075- ông Xay- bà Út; đường Thới Hòa 039- ông Sơn; Ba lãng xi (ông Phương)- bưu cục Thới Hòa, khu phố 2, phường Thới Hòa.		13.500	2026-2028	-	100	438	538	
7	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Thới Hòa 006; Thới Hòa 038; Thới Hòa 056; Thới Hòa 035		19.500	2026-2028	-	100	522	622	
<b>45</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Thuận An</b>		<b>303.966</b>		-	<b>400</b>	<b>136.342</b>	<b>136.742</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>303.966</b>		-	<b>400</b>	<b>136.342</b>	<b>136.742</b>	
1	Đầu tư mới hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường trên địa bàn phường	247/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	36.472	2026-2028	-	50	20.879	20.929	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường trên địa bàn phường	248/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	39.954	2026-2028	-	50	18.667	18.717	
3	Chỉnh trang đường Cầu Tàu	204/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	8.997	2026-2028	-	50	4.287	4.337	
4	Chỉnh trang đường Nguyễn Hữu Cảnh	205/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	7.150	2026-2028	-	50	3.416	3.466	
5	Cải tạo, nâng cấp các kênh, mương trên địa bàn phường	366/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	19.474	2026-2028	-	50	10.187	10.237	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Khối Đảng, UB Mặt trận Tổ Quốc VN phường.	367/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	54.940	2026-2028	-	50	24.832	24.882	
7	Cải tạo, nâng cấp rạch Búng (hung định 01)	365/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	129.996	2026-2028	-	50	50.537	50.587	
8	Chỉnh trang đường An Thạnh 37	206/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	6.983	2026-2028	-	50	3.537	3.587	
<b>46</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao</b>		<b>112.896</b>	<b>-</b>		<b>700</b>	<b>109.189</b>	<b>109.889</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>112.896</b>			<b>700</b>	<b>109.189</b>	<b>109.889</b>	
1	Chỉnh trang đường D14 Khu dân cư Thuận Giao	967/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	20.000	2026-2028		100	19.700	19.800	
2	Chỉnh trang đường D5, N7 Khu dân cư Thuận Giao	962/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	13.787	2026-2028		100	13.002	13.102	
3	Chỉnh trang đường D3A, D3B Khu dân cư Thuận Giao	963/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	11.999	2026-2028		100	11.427	11.527	
4	Chỉnh trang đường D7A, D7B, D7C Khu dân cư Thuận Giao	961/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	10.183	2026-2028		100	9.726	9.826	
5	Chỉnh trang đường D9 Khu dân cư Thuận Giao	969/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	16.999	2026-2028		100	16.676	16.776	
6	Chỉnh trang đường N10 Khu dân cư Thuận Giao	968/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	19.999	2026-2028		100	19.687	19.787	
7	Chỉnh trang, thâm nhựa đường Thủ Khoa Huân (đoạn từ đường Lê Thị Trung đến ngã tư Hòa Lân)	878/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	19.929	2026-2028		100	18.971	19.071	
<b>47</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Thường Tân</b>		<b>52.800</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>52.800</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 05, Lạc An 08, Lạc An 23, Lạc An 42, Lạc An 43 - Nhánh 1 và Lạc An 60	500/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	14.900	2027-2028			100	100	
2	Nâng cấp, mở rộng BTN Đường Hiếu Liêm 13 (giai đoạn 1)	500/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	19.900	2027-2028			100	100	
3	Nâng cấp, mở rộng BTN Đường Thường Tân 21	500/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	18.000	2027-2028			100	100	
<b>48</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Trừ Văn Thố</b>		<b>112.147</b>		-	<b>2.000</b>	<b>78.000</b>	<b>80.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>112.147</b>		-	<b>2.000</b>	<b>78.000</b>	<b>80.000</b>	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước dọc các tuyến đường trên địa bàn xã (đường Đông QL13, đường 16A, Cây trường II-02 và một số điểm ngập úng trên địa bàn xã)	258/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	19.989	2026-2028	-	500	18.000	18.500	
2	Nâng cấp bê tông nhựa nóng các tuyến đường giao thông nông thôn xã (gồm các tuyến: Trừ Văn Thố - 06, 08, 22, 71, 143, 144, 146; Cây Trường II - 01, 02, 03, 04, 06, 40 và các tuyến nhánh	256/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	24.467	2026-2028	-	500	20.000	20.500	
3	Nâng cấp bê tông nhựa nóng các tuyến đường giao thông nông thôn xã gồm tuyến tuyến Cây Trường II - 08, 12, 42, 43, 46, 50, 54, 60, 100 và các tuyến nhánh	255/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	39.913	2026-2028	-	500	20.000	20.500	
4	Nâng cấp bê tông nhựa nóng các tuyến đường giao thông nông thôn xã gồm các tuyến: Trừ Văn Thố - 75, 83, 84, 85, 88, 89, 90, 99, 106, 131 và các tuyến ấp Bàu Hai	257/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	27.778	2026-2028	-	500	20.000	20.500	
<b>49</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân</b>		<b>24.176</b>		<b>20.399</b>	<b>300</b>	<b>462</b>	<b>762</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>24.176</b>		<b>20.399</b>	<b>300</b>	<b>462</b>	<b>762</b>	
1	Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Vĩnh Tân 30, phường Vĩnh Tân	2532/QĐ-UBND, ngày 03/5/2024	7.595	2024-2026	6.084	300	200	500	
2	Xây dựng mới hàng rào bao quanh nghĩa địa, nghĩa trang nhân dân phường Vĩnh Tân	1092/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023	7.711	2023-2025	6.561	-	85	85	
3	Nâng cấp BTNN và xây dựng hệ thống thoát nước đường Vĩnh Tân 21 từ ĐT742 đến Cây Gõ, khu phố 4, phường Vĩnh Tân	5091/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	6.355	2021-2023	5.644	-	80	80	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Nâng cấp BTNN đường Vĩnh Tân 01 từ ĐT 742 đến Đình Thần khu phố 5, phường Vĩnh Tân	5059/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	2.515	2021-2023	2.110	-	97	97	
<b>50</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã An Nhơn Tây</b>		<b>300.189</b>		-	<b>210</b>	<b>1.850</b>	<b>2.060</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>300.189</b>		-	<b>210</b>	<b>1.850</b>	<b>2.060</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường 787 (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 15, điểm cuối giáp đường Bến Súc)	228/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	67.250	2026-2028	-	50	200	250	
2	Sửa chữa, nâng cấp đường 781 (điểm đầu giáp đường Cây Gõ, điểm cuối giáp đê bao sông Sài Gòn)	273/QĐ-UBND ngày 09/03/2026	101.504	2026-2028	-	50	200	250	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Hồ Bò và các tuyến nhánh đầu nối thoát nước từ đường Nguyễn Thị Rành, đường Phú Thuận xuống suối Hồ Bò (đầu tuyến Tỉnh lộ 15, cuối tuyến Nguyễn Thị Rành)	274/QĐ-UBND ngày 09/03/2026	72.347	2026-2028	-	50	200	250	
4	Trang thiết bị các Văn phòng ấp và xây dựng các hạng mục phụ trợ	227/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	5.500	2026-2028	-	10	1.000	1.010	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường Trần Thị Thuận (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 15, điểm cuối giáp Tỉnh lộ 7)	887/QĐ-UBND ngày 05/05/2026	53.588	2026-2028		50	250	300	
<b>51</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông</b>		<b>480.000</b>		-	<b>100</b>	<b>210.400</b>	<b>210.500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>480.000</b>		-	<b>100</b>	<b>210.400</b>	<b>210.500</b>	
1	Nâng cấp, chỉnh trang đô thị trên địa bàn phường An Phú Đông	923/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND	30.000	2026-2028	-	100	7.900	8.000	
2	Nạo vét, kiên cố hóa tuyến rạch Ván Chùa, Sáu Thứ.	924/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	72.000	2026-2028	-		32.400	32.400	
3	Nạo vét, kiên cố hóa tuyến rạch Chín Bụi, Rạch Gia (Đoạn 1)	925/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	78.000	2026-2028	-		35.100	35.100	
4	Nạo vét, kiên cố hóa tuyến rạch Cầu Móng, Tám Quỳnh Bà Ngâu	926/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	72.000	2026-2028	-		32.400	32.400	
5	Nạo vét, kiên cố hóa tuyến rạch Ông Trực Ông Mô, Ba Chai Dương Hà	927/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	63.100	2026-2028	-		28.395	28.395	
6	Nạo vét, kiên cố hóa tuyến rạch Ghe Máy, Sáu Quờn (Tám Bộ)	928/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	64.900	2026-2028	-		29.205	29.205	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
7	Đầu tư sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường An Phú Đông.	929/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	50.000	2026-2028	-		22.500	22.500	
8	Bê tông hóa các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường An Phú Đông.	930/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	50.000	2026-2028	-		22.500	22.500	
					-				
<b>52</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm</b>		<b>499.468</b>			<b>500</b>	<b>80.600</b>	<b>81.100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>254.778</b>		-	<b>500</b>	<b>79.500</b>	<b>80.000</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Đảng ủy - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Bà Điểm	522/QĐ-UBND-KT 11/02/2026	19.500	11/2026- 11/2029	-	100	6.900	7.000	
2	Nâng cấp, mở rộng trụ sở UBND xã Bà Điểm	523/QĐ-UBND-KT 11/02/2026	18.000	11/2026- 11/2029	-	100	3.900	4.000	
3	Cải tạo kênh tiêu liên xã (giai đoạn 2) (đoạn qua địa bàn xã Bà Điểm)	524/QĐ-UBND-KT 11/02/2026	180.000	12/2026- 12/2030	-	100	39.900	40.000	
4	Nâng cấp cải tạo HTTN Bà Điểm 2	485/QĐ-UBND-KT 06/02/2026	18.370	2026-2028	-	100	13.900	14.000	
5	Nâng cấp cải tạo HTTN Bà Điểm 3	486/QĐ-UBND-KT 06/02/2026	18.908	2026-2028	-	100	14.900	15.000	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>244.690</b>			<b>-</b>	<b>1.100</b>	<b>1.100</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo đường Xuân Thới Thượng 3		60.000	11/2027- 11/2030	-	-	350	350	
2	Xây dựng Công viên Bà Điểm (Công viên I.5 - II. 10 XTT)		73.500	11/2027- 11/2030	-	-	250	250	
3	Nâng cấp, cải tạo kênh Trung Ương (gồm nhánh)		111.190	11/2027- 11/2030	-	-	500	500	
<b>53</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Đông</b>		<b>46.000</b>		-	<b>350</b>	<b>7.950</b>	<b>8.300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>46.000</b>		-	<b>350</b>	<b>7.950</b>	<b>8.300</b>	
1	Nâng cấp, chống ngập cụm hẻm 3441 - 3466 kết nối đường Phạm Thế Hiển	1301/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	7.000	2026-2028		50	1.150	1.200	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Nâng cấp cụm hẻm 1929 - 1951 - 1989 kết nối đường Phạm Thế Hiển	1302/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	5.000	2026-2028		50	950	1.000	
3	Nâng cấp cụm hẻm 2009 - 2067 kết nối đường Phạm Thế Hiển	1303/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	5.000	2026-2028		50	950	1.000	
4	Nâng cấp đường vào Trường mầm non Thỏ Ngọc	1305/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	6.000	2026-2028		50	1.150	1.200	
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy phường Bình Đông	1306/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	5.000	2026-2028		50	950	1.000	
6	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Bình Đông	1307/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	10.000	2026-2028		50	1.350	1.400	
7	Đầu tư hệ thống trang thiết bị thông tin - truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông kết nối với hệ thống thông tin nguồn thành phố	1304/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	8.000	2026-2027		50	1.450	1.500	
<b>54</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ</b>		<b>82.140</b>		<b>6.160</b>	<b>400</b>	<b>1.616</b>	<b>2.016</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>7.040</b>		<b>6.160</b>	<b>-</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	
1	Thiết lập mới đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, xã Bình Mỹ	679/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	2.240	2025	1.775	-	9	9	
2	Bê tông xi măng hẻm 276, ấp 15, Xã Bình Mỹ (Điểm đầu đường Võ Văn Bích – điểm cuối đê bao Rạch Dừa)	9419/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	961	-	6	6	
3	Thi công, lắp đặt mới các bộ dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời, xã Bình Mỹ	9515/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.800	2024-2025	2.541	-	15	15	
4	Nâng cấp, sửa chữa Hẻm 2002 (điểm đầu: đường Tỉnh Lộ 8 và điểm cuối: Thửa 67, tờ số 10)	9401/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	882	-	6	6	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>29.700</b>			<b>100</b>	<b>1.030</b>	<b>1.130</b>	
1	Đường Lê Thị Lon (180) điểm đầu đường Hà Duy Phiến đến cuối tuyến đê bao sông Sài Gòn xã Bình Mỹ (quy mô: dài 920m)	1589/QĐ-UBND, ngày 12/5/2026	29.700	2026-2028		100	1.030	1.130	
<b>c</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>45.400</b>			<b>300</b>	<b>550</b>	<b>850</b>	
1	Cầu Hai Thanh (đường 181) xã Bình Mỹ		18.400	2026-2028		100	320	420	
2	Xây dựng và phát triển không gian đôi mới sáng tạo cộng đồng		15.000	2026-2028		100	50	150	
3	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế và các Điểm y tế xã Bình Mỹ		12.000	2026-2028		100	180	280	
<b>55</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Phú</b>		<b>247.600</b>		<b>-</b>	<b>1.800</b>	<b>101.200</b>	<b>103.000</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>187.600</b>		-	<b>1.800</b>	<b>100.200</b>	<b>102.000</b>	
1	Sửa chữa cải tạo chợ An Dương Vương phường Bình Phú	871/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	19.000	2026 - 2028	-	200	17.000	17.200	
2	Nâng cấp cải tạo Hoa viên gốc đường Võ Văn Kiệt và đường An Dương Vương, Phường Bình Phú	672/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	15.000	2026 - 2028	-	200	14.000	14.200	
3	Nâng cấp cải tạo hạ tầng hoa viên khu phố Chợ An Dương Vương, Phường Bình Phú	673/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	20.000	2026 - 2028	-	200	15.000	15.200	
4	Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường An Dương Vương và Lý Chiêu Hoàng, Phường Bình Phú	674/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	15.700	2026 - 2028	-	200	14.200	14.400	
5	Xây dựng mới Trạm y tế phường Bình Phú	1296/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	70.000	2026 - 2028	-	500	20.000	20.500	
6	Nâng cấp cải tạo các tuyến hẻm đường An Dương Vương, Nguyễn Văn Luông, Cư xá Phú Lâm D, Phường Bình Phú	1295/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	47.900	2026 - 2028	-	500	20.000	20.500	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>60.000</b>			-	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	
1	Sửa chữa cải tạo Trung tâm điều hành đô thị thông minh và Trung tâm phục vụ hành chính công phường Bình Phú		20.000	2026 - 2028	-	-	500	500	
2	Nâng cấp cải tạo đường và vỉa hè đường 30, 32, An Dương Vương, phường Bình Phú		40.000	2026 - 2028	-	-	500	500	
<b>56</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Quới</b>		<b>97.074</b>		-	<b>300</b>	<b>4.800</b>	<b>5.100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>12.024</b>		-	<b>300</b>	<b>4.700</b>	<b>5.000</b>	
1	Nâng cấp các tuyến hẻm đường Thanh Đa (Hẻm 17 và 18)	813/QĐ-UBND-KTHTĐT ngày 26/5/2026	2.952	2.026		100	1.900	2.000	
2	Nâng cấp các tuyến đường KV lô chữ CXTĐ (Lô L, chẵn lô N, đường trước CVTĐ từ Lô A-Lô B và Lô B đến Lô G, Đường mặt chẵn Lô A (chợ TĐ), đường mặt chẵn lô E (chợ TĐ), đường quanh CVTĐ, đường mặt chẵn G và hẻm mặt lẻ lô S, CXTĐ	814/QĐ-UBND-KTHTĐT ngày 26/5/2026	7.008	2.026		150	2.350	2.500	
3	Nâng cấp các tuyến hẻm đường Bình Quới (Hẻm 158, 307, 353 và 434).	815/QĐ-UBND-KTHTĐT ngày 26/5/2026	2.064	2.026		50	450	500	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>85.050</b>		-	-	<b>100</b>	<b>100</b>	
1	Sửa chữa Xây dựng Trung Tâm hành chính Phường Bình Quới	-	59.750	2026-2028		-	50	50	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Xây dựng mới Trạm y tế phường Bình Quới	-	25.300	2026-2028		-	50	50	
<b>57</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Tân</b>		<b>311.500</b>		-	<b>1.100</b>	<b>94.251</b>	<b>95.351</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>311.500</b>		-	<b>1.100</b>	<b>94.251</b>	<b>95.351</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường Bình Tân (đợt 1)	1608/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	66.500	2026-2028	-	100	17.000	17.100	
1	Xây dựng mới Trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể - Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Bình Tân	1766/QĐ-UBND ngày 02/6/2026	245.000	2026-2029		1.000	77.251	78.251	
<b>58</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Tây</b>		<b>242.641</b>		-	<b>400</b>	<b>1.100</b>	<b>1.500</b>	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>242.641</b>		-	<b>400</b>	<b>1.100</b>	<b>1.500</b>	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố Đình Bình Tiên		45.000	2026-2028	-	100	300	400	
2	Xây dựng Hồ bơi Bình Tây		34.986	2027-2030	-	100	300	400	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Bình Tây		89.922	2027-2030	-	100	200	300	
4	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Bình Tây		34.300	2027-2030	-	100	200	300	
5	Xây dựng Trạm Y tế phường Bình Tây		38.433	2027-2030	-	-	100	100	
<b>59</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh</b>		<b>481.690</b>		-	<b>700</b>	<b>7.600</b>	<b>8.300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>481.690</b>		-	<b>700</b>	<b>7.600</b>	<b>8.300</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo các tuyến hẻm Chu Văn An, Phường Bình Thạnh	211/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	12.690	2026-2027		100	1.000	1.100	
2	Nâng cấp, cải tạo các tuyến hẻm Phan Chu Trinh, Bùi Đình Túy, Bạch Đằng, Phường Bình Thạnh	212/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	24.500	2026-2027		100	1.000	1.100	
3	Nâng cấp, cải tạo hẻm 334, 346, 352, 328, 340, 363, 368, 378, 408 Chu Văn An, phường Bình Thạnh (Cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước)	213/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	54.000	2026-2028		-	600	600	
4	Nâng cấp, cải tạo hẻm 245, 251, 273, 365, 393, 401, 419 Chu Văn An (Cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước)	214/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	6.500	2026-2027		100	250	350	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
5	Nâng cấp, cải tạo các tuyến hẻm thuộc khu cư xá Cogido, P. Bình Thạnh - Hẻm 8, 20 Đinh Bộ Lĩnh nối thông 405 Xô Viết Nghệ Tĩnh. - Hẻm 87 nối thông hẻm 97 Phan Văn Trị. - Hẻm 356 Bạch Đằng (từ Bạch Đằng đến Huỳnh Đình Hai)	215/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	19.000	2026-2027		100	600	700	
6	Nâng cấp, cải tạo cụm hẻm 217 Bùi Đình Túy kết nối hẻm 125 Bùi Đình Túy, Phường Bình Thạnh (cải tạo mặt đường và hệ thống thoát nước).	216/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	19.900	2026-2027		100	600	700	
7	Sửa chữa Hội trường B tại số 6 Phan Đăng Lưu, phường Bình Thạnh	217/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	15.000	2026-2027		100	450	550	
8	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non 14 phường Bình Thạnh	218/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	12.000	2026-2027		100	700	800	
9	Xây dựng cầu nối hẻm 118 Bạch Đằng và hẻm 47 Bùi Đình Túy, Phường Bình Thạnh	219/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	19.998	2026-2027		-	600	600	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Quốc gia Đình Bình Hòa, phường Bình Thạnh	220/QĐ-UBND ngày 27/02/2027	44.000	2026-2028		-	800	800	
11	Xây dựng mới trường Tiểu học Tầm Vu (giai đoạn 2)	221/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	254.102	2026-2029		-	1.000	1.000	
<b>60</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng</b>		<b>193.500</b>		-	-	<b>350</b>	<b>350</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>193.500</b>		-	-	<b>350</b>	<b>350</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn phường Bình Trưng (phường Bình Trưng Tây cũ)		8.000	2026-2028	-		50	50	
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn phường Bình Trưng (phường An Phú cũ)		6.000	2026-2028	-		50	50	
3	Nạo vét các tuyến rạch trên địa bàn phường Bình Trưng		11.500	2026-2028	-		50	50	
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường số trên địa bàn phường Bình Trưng (phường Bình Trưng Đông cũ)		48.000	2026-2028	-		50	50	
5	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn phường Bình Trưng (phường Bình Trưng Đông cũ)		20.000	2026-2028	-		50	50	
6	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường số phường Bình Trưng (phường Bình Trưng Tây cũ)		55.000	2026-2028	-		50	50	
7	Nâng cấp, cải tạo các tuyến hẻm trên địa bàn phường Bình Trưng		45.000	2026-2028	-		50	50	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>61</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Cát Lái</b>		<b>7.540</b>		<b>6.813</b>	-	<b>58</b>	<b>58</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>7.540</b>		<b>6.813</b>	-	<b>58</b>	<b>58</b>	
1	Nâng cấp cải tạo mặt đường, lắp đặt hệ thống thoát nước hẻm 922 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi	14665/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	1.846	2024-2025	1.749		1	1	
2	Nâng cấp mặt đường, lắp đặt hệ thống thoát nước tuyến hẻm 417 đường Nguyễn Thị Định, khu phố 1, phường Cát Lái.	14884/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	2.216	2024-2025	1.851		1	1	
3	Nâng cấp mặt đường, lắp đặt hệ thống thoát nước tuyến hẻm 649 đường Nguyễn Thị Định, khu phố 2, phường Cát Lái.	14666/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	1.069	2024-2025	961		1	1	
4	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm phường Cát Lái	15607/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	966	2024-2025	893		1	1	
5	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm phường Thạnh Mỹ Lợi	15608/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.443	2024-2025	1.358		54	54	
<b>62</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh</b>		<b>100.719</b>		-	<b>400</b>	<b>17.050</b>	<b>17.450</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>100.719</b>		-	<b>400</b>	<b>17.050</b>	<b>17.450</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở UBND phường Cô Giang (nay là Trụ sở Đảng ủy phường Cầu Ông Lãnh) 59 Hồ Hảo Hớn	727/QĐ-UBND ngày 9/4/2026	3.475	2026	-	50	2.950	3.000	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Cô Giang (nay là Trụ sở BCH QS phường Cầu Ông Lãnh) 84T/15 Trần Đình Xu	729/QĐ-UBND ngày 9/4/2026	1.935	2026	-	50	1.850	1.900	
3	Sửa chữa, cải tạo 25 hẻm phường Nguyễn Cư Trinh giai đoạn 2026-2030 cũ ( nay là Sửa chữa, cải tạo 25 hẻm phường Cầu Ông Lãnh)	901/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	34.865	2026-2028	-	50	950	1.000	
4	Sửa chữa, nâng cấp hẻm 95 Nguyễn Thái Học	763/QĐ-UBND ngày 13/4/2026	1.402	2026	-	50	1.150	1.200	
5	Sửa chữa, cải tạo 45 hẻm phường Cô Giang giai đoạn 2026-2030 ( nay là Sửa chữa, cải tạo 45 hẻm phường Cầu Ông Lãnh)	1131/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	31.545	2026-2028	-	50	950	1.000	
6	Via hè đường Võ Văn Kiệt (01 bên phía nhà dân): từ Nguyễn Thái Học đến Nguyễn Văn Cừ	801/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	17.003	2026-2027	-	50	600	650	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
7	Via hè Công Quỳnh: từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Trần Hưng Đạo (tuyến phải)	796/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	5.350	2026	-	50	4.550	4.600	
8	Via hè đường Hồ Hào Hớn	797/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	5.144	2026	-	50	4.050	4.100	
<b>63</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng</b>		<b>112.338</b>		-	-	<b>600</b>	<b>600</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>112.338</b>		-	-	<b>600</b>	<b>600</b>	
1	Lắp đặt camera trên địa bàn phường Chánh Hưng		4.000	2026 - 2028	-	-	100	100	
2	Xây dựng Trạm y tế phường Chánh Hưng		24.000	2026-2028	-	-	100	100	
3	Cải tạo Trung tâm Y tế khu vực Bình Đông (trụ sở 2 tại số 7-9 Dương Bạch Mai) thành Trụ sở cơ quan hành chính phường Chánh Hưng, Trung tâm Phục vụ hành chính công Phường Chánh Hưng và Tô địa bàn thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố		15.000	2026-2028	-	-	100	100	
4	Sửa chữa 04 điểm Trạm y tế Phường Chánh Hưng		7.000	2026-2028	-	-	100	100	
5	Nâng cấp đường Đặng Chát phường Chánh Hưng		20.000	2026-2027	-	-	100	100	
6	Nâng cấp đường Bùi Điền phường Chánh Hưng		42.338	2026-2027	-	-	100	100	
<b>64</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Củ Chi</b>		<b>152.929</b>		-	<b>500</b>	<b>4.500</b>	<b>5.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>152.929</b>		-	<b>500</b>	<b>4.500</b>	<b>5.000</b>	
1	Sửa chữa nâng cấp đường Trần Thị Cẩm (Áp Chợ, Xóm Đồng, Xóm Đồng A)	884/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	25.385	2026-2028	-	100	900	1.000	
2	Xây dựng hệ thống thoát nước Đường Mai Thị Buội (điểm đầu đường tỉnh lộ 8 - điểm cuối đường 417), ấp 5, xã Phước Vĩnh An	885/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	25.003	2026-2028	-	100	900	1.000	
3	Xây dựng hệ thống thoát nước Đường 417 - 547 (điểm đầu đường TL8 - điểm cuối đường Cây Bài), ấp 5, xã Phước Vĩnh An	886/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	22.418	2026-2028	-	100	900	1.000	
4	Sửa chữa nâng cấp đường số 65 (Đường Hồ Văn Tăng - hết tuyến); ấp Xóm Đồng A - Giồng Sao	887/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	44.523	2026-2028	-	100	900	1.000	
5	Nâng cấp Kênh T31A-21	888/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	35.600	2026-2028	-	100	900	1.000	
<b>65</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh</b>		<b>648.437</b>		-	<b>1.500</b>	<b>229.300</b>	<b>230.800</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>648.437</b>		-	<b>1.500</b>	<b>229.300</b>	<b>230.800</b>	
1	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND và Mặt trận Tô quốc Việt Nam xã Đông Thạnh	1079/QĐ-UBND ngày 30/3/2026	85.000	2026-2030	-	100	13.000	13.100	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Nhị Bình 7 và đường Nhị Bình 18	750/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	47.500	2026-2028	-	100	14.200	14.300	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 8- 1	747/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	17.000	2026-2027	-	100	15.300	15.400	
4	Cải tạo, kiên cố hóa rạch Cà Bản (đoạn còn lại, từ rạch Bà Mễn đến đường Nhị Bình 4)	753/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	52.000	2026-2028	-	100	15.600	15.700	
5	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Trung Đông 7, xã Thới Tam Thôn (nay là xã Đông Thạnh)	745/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	10.075	2026-2027	-	100	9.000	9.100	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 2-3-1 và đường Đông Thạnh 1 -5	752/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	16.000	2026-2027	-	100	14.400	14.500	
7	Đầu tư hệ thống thoát nước đường ĐT 7-1, ĐT 7-2 + Nhánh	995/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	21.000	2026-2027	-	100	18.900	19.000	
8	Xây dựng công viên cạnh trường THCS Thới Tam Thôn 1 (III-5)	1078/QĐ-UBND ngày 30/3/2026	75.000	2026-2030	-	100	40.000	40.100	
9	Kiên cố hóa rạch Nhà Lầu và rạch Mười Đòn	748/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	47.000	2026-2028	-	100	14.000	14.100	
10	Kiên cố hóa rạch Cầu Kinh, kết hợp xây dựng đường dọc kênh	757/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	40.000	2026-2028	-	100	12.000	12.100	
11	Đầu tư hệ thống thoát nước đường Thới Tứ 2 và đường Tam Đông 1	746/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	8.862	2026-2027	-	100	8.000	8.100	
12	Kiên cố hóa rạch Bến Trại đoạn còn lại	744/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	79.000	2026-2028	-	100	25.000	25.100	
13	Kiên cố hóa rạch Bảy Nhị	749/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	50.000	2026-2028	-	100	15.000	15.100	
14	Kiên cố hóa rạch Cầu Bà Năm	751/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	40.000	2026-2028	-	100	12.000	12.100	
15	Xây dựng công viên CX-4 xã Thới Tam Thôn (cũ)	1524/QĐ-UBND ngày 14/5/2026	60.000	2026-2030	-	100	2.900	3.000	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>66</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Gia Định</b>		<b>39.954</b>		-	<b>100</b>	<b>19.900</b>	<b>20.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>39.954</b>		-	<b>100</b>	<b>19.900</b>	<b>20.000</b>	
1	Nâng cấp cải tạo đường Lê Trục và cụm hẻm đường Lê Trục, đường Hoàng Hoa Thám, đường Nơ Trang Long, đường Lê Quang Định, phường Gia Định	3523/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	19.954	2026-2028		50	9.950	10.000	
2	Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Vạn Kiếp và đường Nguyễn Lâm, phường Gia Định	3524/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	20.000	2026-2028		50	9.950	10.000	
<b>67</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình</b>		<b>131.679</b>		<b>27.994</b>	<b>840</b>	<b>1.540</b>	<b>2.380</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>33.771</b>		<b>27.994</b>	<b>840</b>	<b>1.040</b>	<b>1.880</b>	
1	Nâng cấp hẻm 384 Kha Vạn Cân (cũ), phường Hiệp Bình Chánh	13100/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	6.258	2024-2025	5.292	89	11	100	
2	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa mặt đường số 17 khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh	13174/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	4.704	2024-2025	4.236	74	18	92	
3	Nâng cấp hẻm 153 đường Linh Đông, phường Linh Đông	13170/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	2.059	2024-2025	1.724	31	9	40	
4	Nâng cấp Hẻm 472 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh	15675/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	2.813	2024-2025	1.499	140	740	880	
5	Nâng cấp hẻm 25/63/12 đường số 6, phường Hiệp Bình Phước	15915/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.206	2024-2025	2.890	186	17	203	
6	Nâng cấp Hẻm 22, phường Hiệp Bình Phước	15917/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.253	2024-2025	2.841	51	12	63	
7	Nâng cấp hẻm 64 Đường số 8, phường Linh Đông	2248/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.443	2024-2025	1.272	60	29	89	
8	Nâng cấp hẻm 283 đường Linh Đông, phường Linh Đông	2629/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	1.618	2024-2025	1.216	82	13	95	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
9	Nâng cấp Đường số 4, phường Linh Đông	963/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	3.290	2024-2025	2.830	50	15	65	
10	Nâng cấp hẻm 6 Đường số 22, phường Linh Đông	964/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	1.277	2024-2025	1.059	20	5	25	
11	Nâng cấp mặt đường và lắp đặt hệ thống thoát nước hẻm 27 và hẻm 27/1 đường Lý Tế Xuyên, phường Linh Đông	17041/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	3.850	2024-2025	3.137	57	171	228	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>97.908</b>		-	-	<b>500</b>	<b>500</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân, Nhà Văn hóa, Thể thao phường Hiệp Bình		19.000	2026-2027	-	-	100	100	
2	Nâng cấp bờ bao nhánh rạch Lùng, rạch Đĩa và rạch Bảy Chiêu, phường Hiệp Bình		20.000	2026-2027	-	-	100	100	
3	Nâng cấp bờ bao rạch Đĩa (đoạn từ nhà tôn đến đất dự án) và nâng cấp bờ bao rạch Ông Hương (đoạn từ cuối đường số 8 đến nhà tôn), phường Hiệp Bình		19.550	2026-2027	-	-	100	100	
4	Nâng cấp bờ bao, thay mới 03 tuyến cống thoát nước BTCT D1000mm tại cống Tư Nền, cống Tư Lễ rạch Đĩa và cống cuối đường số 6 rạch Ông Hương, phường Hiệp Bình		19.790	2026-2027	-	-	100	100	
5	Nâng cấp bờ bao, thay mới 03 tuyến cống thoát nước BTCT D1000mm tại cống Bảy Thiên rạch Bà Mụ, cống cuối hẻm 39 đường 22 rạch Lùng và cống Sáu Hột rạch Đĩa, phường Hiệp Bình		19.568	2026-2027	-	-	100	100	
<b>68</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước</b>		<b>299.032</b>		<b>1.144</b>	<b>668</b>	<b>57.775</b>	<b>58.443</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>1.508</b>		<b>1.144</b>	<b>268</b>	<b>25</b>	<b>293</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo Hẻm 1528 đường Lê Văn Lương, xã Nhơn Đức	2699/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	1.508	2024-2026	1.144	268	25	293	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>297.524</b>		-	<b>400</b>	<b>57.750</b>	<b>58.150</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo cầu Giồng Chồn	409/QĐ-UBND ngày 25/02/2026.	11.954	2026-2028	-	50	6.250	6.300	
2	Sửa chữa, cải tạo cầu Trạm Xá	410/QĐ-UBND ngày 25/02/2026.	16.151	2026-2028	-	50	6.350	6.400	
3	Dự án nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn các ấp (thuộc xã Nhơn Đức cũ)	414/QĐ-UBND ngày 26/02/2026.	19.161	2026-2028	-	50	6.250	6.300	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Dự án nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn các ấp (thuộc xã Long Thới cũ)	415/QĐ-UBND ngày 26/02/2026.	19.318	2026-2028	-	50	6.250	6.300	
5	Dự án nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn các ấp (thuộc xã Hiệp Phước cũ)	408/QĐ-UBND ngày 25/02/2026.	18.959	2026-2028	-	50	6.250	6.300	
6	Nạo vét, gia cố rạch Bằng Ôi	506/QĐ-UBND ngày 17/3/2026.	18.246	2026-2028	-	50	6.250	6.300	
7	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Rạch Giồng (cách hạ lưu ngã 3 rạch Giồng sông Kinh Lộ - đoạn nối từ sông Kinh Lộ qua sông kênh Hàn Long An khoảng 500m)	966/QĐ-UBND ngày 23/4/2026.	120.000	2026-2028	-	50	11.250	11.300	
8	Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái rạch Dơi (đoạn từ kè chống sạt lở bờ trái rạch Dơi đến hạ lưu cầu rạch Dơi)	965/QĐ-UBND ngày 23/4/2026.	73.735	2026-2028	-	50	8.900	8.950	
<b>69</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Hòa Hưng</b>		<b>31.314</b>		-	<b>100</b>	<b>900</b>	<b>1.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>31.314</b>		-	<b>100</b>	<b>900</b>	<b>1.000</b>	
1	Sửa chữa các cụm hẻm, lòng hẻm, vỉa hè trên địa bàn phường,		31.314	2026-2027		100	900	1.000	
<b>70</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn</b>		<b>18.144</b>		-	<b>100</b>	<b>16.000</b>	<b>16.100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>18.144</b>		-	<b>100</b>	<b>16.000</b>	<b>16.100</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 4	1741/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	18.144	2026-2027	-	100	16.000	16.100	
					-				
<b>71</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân</b>		<b>135.925</b>		-	-	<b>200</b>	<b>200</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>135.925</b>		-	-	<b>200</b>	<b>200</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đường số 11 và đường số 9, phường Linh Xuân		119.925	2026-2028	-		100	100	
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đường số 18 (đoạn từ Quốc lộ 1A đến hẻm 75 đường số 18), hẻm 75 đường số 18 và gia cố mương suối Cái đoạn dọc hẻm 75 đường số 18, phường Linh Xuân		16.000	2026-2028	-		100	100	
<b>72</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Long Bình</b>		<b>40.876</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>40.876</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Dự án dự án Nâng cấp mặt đường, lắp đặt hệ thống thoát nước các tuyến hẻm đường số 17 và hẻm 335, hẻm 335/14 đường Phước Thiện, phường Long Bình		14.051	2026-2028	-	-	100	100	
2	Gia cố chống sạt lở các đoạn bờ bao rạch Cây Quý, phường Long Bình		17.999	2026-2028	-	-	100	100	
3	Nạo vét rạch Cầu Hầm (đoạn từ hẻm 15 đến rạch Gò Công), phường Long Bình		8.826	2026-2028	-	-	100	100	
<b>73</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Long Trường</b>		<b>20.106</b>		<b>15.299</b>	<b>100</b>	<b>2.809</b>	<b>2.909</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>17.146</b>		<b>15.199</b>	<b>-</b>	<b>49</b>	<b>49</b>	
1	Nâng cấp đường số 6, phường Long Trường	13918/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	2.407	2024-2025	2.278	-	7	7	
2	Nâng cấp đường số 8, khu phố Phước Lai, phường Long Trường	13919/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	3.680	2024-2025	3.389	-	10	10	
3	Xây dựng công viên Phú Hữu	15601/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.350	2024-2025	1.323	-	4	4	
4	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm phường Long Trường	15600/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.495	2024-2025	1.471	-	5	5	
5	Nâng cấp đường 46, khu phố 1, phường Phú Hữu	15326/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	3.177	2024-2025	2.373	-	9	9	
6	Nâng cấp hẻm 9B, đường 898, tổ 3-4, khu phố 4, phường Phú Hữu	15582/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	3.667	2024-2025	3.147	-	10	10	
7	Nâng cấp đường 898 (đoạn từ nhà số 11 đến nhà số 31), phường Phú Hữu	16939/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1.370	2024-2025	1.218	-	4	4	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>2.960</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	<b>2.760</b>	<b>2.860</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu	1652/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.960	2024-2026	100	100	2.760	2.860	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>74</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè</b>		<b>228.788</b>		-	<b>250</b>	<b>128.250</b>	<b>128.500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>228.788</b>	-	-	<b>250</b>	<b>128.250</b>	<b>128.500</b>	
1	Xây dựng mới đường vào trường Trung học cơ sở thị trấn Nhà Bè	978/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	76.000	2026 - 2028	-	50	52.950	53.000	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn xã Nhà Bè	979/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	60.000	2026 - 2028	-	50	41.950	42.000	
3	Nạo vét, gia cố Rạch kho B	980/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	35.788	2026 - 2028	-	50	10.950	11.000	
4	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Đình	981/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	45.000	2026 - 2028	-	50	13.450	13.500	
5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Ban Chi huy Quân sự xã Nhà Bè	375/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	12.000	2026 - 2028	-	50	8.950	9.000	
<b>75</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức</b>		<b>131.544</b>		-	<b>500</b>	<b>4.190</b>	<b>4.690</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>131.544</b>		-	<b>500</b>	<b>4.190</b>	<b>4.690</b>	
1	Nâng cấp đường kênh: Đường Kênh N25-7B (Điểm đầu đường 525, điểm cuối đường Bàu Lách); Đường Kênh Bàu Lách (Điểm đầu: Kênh N25-7B - Điểm cuối: Đường Võ Thị Hót)		17.000	2026-2028	-	50	700	750	
2	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến kết nối đường Tỉnh lộ 7: Đường 560, Đường 593		5.000	2026-2028	-	50	160	210	
3	Đường 532 (điểm đầu kênh N25, điểm cuối kênh Đức Lập)		8.000	2026-2028	-	50	370	420	
4	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến giao thông nông thôn trên địa bàn xã Trung Lập Hạ cũ		17.498	2026-2028	-	50	630	680	
6	Xây mới khu công viên cây xanh ấp Lò Táo Trung, xã Nhuận Đức		6.000	2026-2028	-	50	430	480	
7	Xây mới cống qua kênh TCC1-2		6.888	2026-2028	-	50	250	300	
8	Xây dựng, nâng cấp kênh và các công trình trên kênh tiêu Ngã Tư		20.000	2026-2028	-	50	350	400	
9	Xây dựng, nâng cấp kênh và các công trình trên kênh tiêu Canh Lý		20.000	2026-2028	-	50	350	400	
10	Sửa chữa, nâng cấp các trụ sở Trạm Y tế xã Nhuận Đức		13.000	2026-2028	-	50	450	500	
11	Sửa chữa, nâng cấp các hẻm của đường Bùi Thị Diệt		18.158	2026-2028	-	50	500	550	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>76</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm</b>		<b>129.987</b>		-	<b>2.100</b>	<b>119.300</b>	<b>121.400</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>129.987</b>		-	<b>2.100</b>	<b>119.300</b>	<b>121.400</b>	
1	Cải tạo khu vực sân phía trước và mặt đường số 1, 2, 3 xung quanh chợ Phú Lâm Phường Phú Lâm	794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	18.987	2025-2026	-	300	17.450	17.750	
2	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 1 đến Khu phố 5.	604/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
3	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 6 đến Khu phố 10.	603/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
4	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 11 đến Khu phố 15.	650/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
5	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 16 đến Khu phố 20.	649/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
6	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 21 đến Khu phố 25.	793/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
7	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường, cụm hẻm trên địa bàn phường từ Khu phố 26 đến Khu phố 29.	779/QĐ-UBND ngày 08/4/2026	18.500	2025-2026	-	300	16.975	17.275	
<b>77</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú Nhuận</b>		<b>15.000</b>		-	-	<b>100</b>	<b>100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>15.000</b>		-	-	<b>100</b>	<b>100</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm cung ứng dịch vụ Văn hóa - Thể thao phường Phú Nhuận		15.000	2026-2028	-	-	100	100	
<b>78</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh</b>		<b>29.000</b>		-	-	<b>10</b>	<b>10</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>29.000</b>		-	-	<b>10</b>	<b>10</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo các trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường Phú Thạnh		29.000	2026-2028			10	10	
<b>79</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa</b>		<b>204.740</b>		-	-	<b>250</b>	<b>250</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>204.740</b>		-	-	<b>250</b>	<b>250</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Cụm hẻm: 1/19 Lê Thúc Hoạch và Hẻm 33, 53 Phan Thị Hành, Hẻm 4, 170, 234, 235 (235/37), Hẻm 323 Vườn Lài; Cải tạo sửa chữa đường Võ Hoành, Hẻm 48 Phạm Văn Xảo nối Võ Hoành; hẻm 6, 6/23,14/9 Lê Thúc Hoạch; Hẻm 711 (711/5, 711/5/1, 711/5/3, 711/2, 711/24) Lũy Bán Bích; Hẻm 11 Đỗ Thừa Luông; 188 Nguyễn Súy		16.460	2026-2030	-		50	50	
2	Cụm hẻm: 12 (12/4), 38 (38/9), 92 (92/6, 92/8), 128 (128/4); Hẻm 186, 260, 264, 282 Nguyễn Sơn; Hẻm 22 (22/6), 32 (32/29) Lê Cảnh Tuân; Hẻm 76/28, 76/28/8, 76/55/7 Lê Văn Phan; Hẻm 107 Lê Lư và hẻm 129 Lê Lư; Hẻm 156, 192, 192/34, 192/52, 192/64/11, 114/59, 456, 476 Phú Thọ Hòa;		28.410	2026-2030	-		50	50	
3	Sửa chữa cụm hẻm: 24 Đàm Thận Huy (51 Tân Hương) và Hẻm 403 Tân Hương; hẻm 43, 47 Nguyễn Hảo Vĩnh, hẻm 02 Phạm Quý Thích và hẻm 73/25 Đô Đốc Long; hẻm 102 Dương Văn Dương; Hẻm 93-95, 295 Gò đầu; Hẻm 612 Bình Long và 14 Đỗ Thừa Luông; Đường Trịnh Lỗi; Hẻm 20 (20/20, 20/24, 20/26) Phạm Ngọc; Đường Tây Sơn từ số 80 đến 172		19.870	2026-2030	-		50	50	
4	Cụm Công viên: Công viên góc giao lộ Lê Thúc Hoạch - Bình Long, phường Tân Quý diện tích 1.473 m2, Công viên chung cư Tân Hương, số 9 đường Lê Sát, phường Tân Quý diện tích 418,4 m2, Công viên hẻm 38 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa diện tích 442,6 m2 Sửa chữa công viên 43 Vườn Lài		10.000	2026-2030	-		50	50	
5	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Trạng Nguyên và sửa chữa, cải tạo, mở rộng Trường Mầm Non Nhiều Lộc và xây dựng Trường Mầm Non Hoa Anh Đào		130.000	2026-2030	-		50	50	
<b>80</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Sài Gòn</b>		<b>4.611</b>		-		<b>2.972</b>	<b>3.122</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>4.611</b>		-		<b>2.972</b>	<b>3.122</b>	
1	Sửa chữa nhà công sản do Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn quản lý tại các địa chỉ 70C Nguyễn Huệ, 12 – 14 Pasteur, 60 – 62 Hồ Tùng Mậu	705/QĐ-UBND ngày 25/5/2026	937	2026-2027	-	50	700	750	
2	Sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường tại các địa chỉ 87 Hai Bà Trưng và 68 Hồ Tùng Mậu	704/QĐ-UBND ngày 25/5/2026	3.189	2026-2027	-	50	1.900	1.950	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
3	Sửa chữa trụ sở làm việc do Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn quản lý tại địa chỉ 29 Nguyễn Trung Ngạn	703/QĐ-UBND ngày 25/5/2026	485	2026-2027	-	50	372	422	
<b>81</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tam Bình</b>		<b>127.826</b>		<b>37.776</b>	<b>100</b>	<b>8.107</b>	<b>8.207</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>53.035</b>		<b>37.776</b>	<b>-</b>	<b>6.357</b>	<b>6.357</b>	
1	Nâng cấp hẻm 198 đường Gò Dưa, phường Tam Bình	15732/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	981	2024-2025	731	-	17	17	
2	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm phường Bình Chiểu	15078/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1.598	2024-2025	1.447	-	25	25	
3	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm phường Tam Bình	15602/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND Tp. Thủ Đức	1.416	2024-2025	1.180	-	27	27	
4	Nâng cấp Hẻm 29, đường Cây Keo, phường Tam Phú	15731/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	890	2024-2025	696	-	13	13	
5	Gia cố bờ bao, thay mới tuyến cống thoát nước Sáu Trai tại rạch Gò Dưa, phường Tam Phú	16933/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	6.761	2024-2025	4.803	-	103	103	
6	Gia cố bờ bao, thay mới tuyến cống thoát nước gần giáp ranh phường Hiệp Bình Chánh tại rạch Đĩa, phường Tam Phú	16936/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	6.937	2024-2025	5.091	-	105	105	
7	Gia cố bờ bao rạch Ông Bông (đoạn đầu vàm rạch Gò Dưa đến thửa đất số 117 tờ bản đồ số 103), phường Tam Phú	16949/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	3.947	2024-2025	3.270	-	60	60	
8	Nâng cấp Hẻm 6 đường Ụ Ghe, phường Tam Phú	13171/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	3.850	2024-2025	3.464	-	85	85	
9	Nâng cấp, sửa chữa điểm học tập cộng đồng phường Tam Phú	16958/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.100	2024-2025	967	-	18	18	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
10	Nâng cấp Hẻm 83 đường Tam Bình, phường Tam Phú (đoạn từ đường Tam Bình đến số nhà 83/1G)	16941/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	909	2024-2025	532	-	46	46	
11	Nâng cấp Hẻm 619 đường Tô Ngọc Vân, phường Tam Bình	2249/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	3.295	2024-2025	2.683	-	194	194	
12	Nâng cấp Hẻm 5 đường số 4, phường Tam Phú	17339/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	905	2024-2025	758	-	52	52	
13	Hẻm 188 đường Tam Bình, phường Tam Phú	17338/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.801	2024-2025	1.332	-	100	100	
14	Hẻm 61 đường số 6, phường Tam Phú	2232/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	1.060	2024-2025	877	-	64	64	
15	Nâng cấp hẻm 952, Tỉnh lộ 43, khu phố 1, phường Bình Chiểu	15733/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	4.221	2024-2025	3.148	-	322	322	
16	Nâng cấp Hẻm 78, đường Cây Keo, phường Tam Phú	16938/QĐ-UBND ngày 20/12 /2024	1.192	2024-2025	834	-	44	44	
17	Nâng cấp Hẻm 56 đường Bình Phú, phường Tam Phú	16940/QĐ-UBND ngày 20/12 /2024	1.500	2024-2025	1.076	-	120	120	
18	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Đảng ủy-UBND phường Tam Phú	3501/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	1.590	2.025	1.313	-	167	167	
19	Nâng cấp chống ngập bờ bao rạch Ông Bông (đoạn từ cống Ut Duyên hướng về cầu Ông Bông), phường Tam Phú	7340/QĐ-UBND ngày 27/05/2025	4.979	2.025	1.959	-	2.629	2.629	
20	Gia cố chống sạt lở bờ bao rạch Cây Trâm (đoạn từ đầu vàm rạch Đĩa hướng về cống chữ U rạch Cây Trâm), phường Tam Bình	7341/QĐ-UBND ngày 27/05/2025	4.103	2.025	1.614	-	2.166	2.166	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>74.791</b>		<b>-</b>	<b>100</b>	<b>1.750</b>	<b>1.850</b>	
1	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm trên địa bàn (các Hẻm: 111 và 204 Tam Bình; 78A Cây Keo; 57 Bình Phú; 131 Đường 24; 20/34 và 22/33 Bình Chiểu; 92 Lê Thị Hoa; 2 Đường 4; 14 Đường 9; 44 Đường 10; 81 Gò Dưa), phường Tam Bình		19.999	2026-2028	-		450	450	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm trên địa bàn (Các Hẻm: 728, 1056, 1077 Tỉnh Lộ 43; 9, 39, 91 Đường 12; 29 Đường 22; 18 Đường 13; 52 Bình Phú; 16 và 20C Ụ Ghe; 676/18 Tô Ngọc Vân), phường Tam Bình		18.006	2026-2028	-		450	450	
3	Nâng cấp một số tuyến đường và hẻm trên địa bàn (Các Hẻm: 107, 233, 157 Ngô Chí Quốc; 22/31 Bình Chiểu; 1287, 1127/16 Tỉnh lộ 43; 69 Đường 44; 12 cũ, 80, 109 Đường 12), phường Tam Bình		16.806	2026-2028	-		450	450	
4	Xây dựng mới khu công viên – cây xanh tập trung – thể dục thể thao cấp đơn vị ở khu dân cư Tam Bình, phường Tam Bình		19.980	2026-2028	-	100	400	500	
<b>82</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội</b>		<b>156.935</b>		<b>133.671</b>	-	<b>1.317</b>	<b>1.317</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>156.935</b>		<b>133.671</b>	-	<b>1.317</b>	<b>1.317</b>	
1	Sửa chữa nâng cấp đường Lê Thị Xấu (Điểm đầu đường 355, điểm cuối giáp đường 358 ấp Xóm Huế)	9357/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	3.011	2024-2025	2.676		31	31	
2	Sửa chữa nâng cấp hẻm 27A, đường Đào Văn Thử (điểm đầu đường Đào Văn Thử, điểm cuối đường 361)	9358/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	659	2024-2025	543		22	22	
3	Xây dựng Công viên cây xanh tại Khu vui chơi văn hoá, thể dục thể thao ở khu đất công Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	9365/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.800	2024-2025	1.710		21	21	
4	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tân An Hội	9429/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.140	2024-2025	1.768		21	21	
5	Nâng cấp đường 386	9397/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	943		18	18	
6	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đường 615, ấp Mũi Côn Tiểu	13488/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.000	2024-2025	966		6	6	
7	Hẻm 594	9398/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	786		5	5	
8	Xây dựng mảng xanh tại khu phố 01, thị trấn Củ Chi	9425/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	939		4	4	
9	Đầu tư hệ thống mạng Wifi ở các điểm công cộng	9195/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	500	2024-2025	483		3	3	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
10	Hệ thống thoát nước đường Tô Thị Mừng(đường Ba Sa - Hẻm số 2 - đường Nguyễn Thị Nị) Ấp Cây Trôm	2080/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.463	2024-2025	1.078		4	4	
11	Hệ thống thoát nước Đường Phan Thị Dur(Đường CTMK - Hẻm 30) Ấp Phước Hòa	2081/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.501	2024-2025	1.093		9	9	
12	Hệ thống thoát nước đường Hẻm 40 (Đường Phan Thị Dur - đường Phạm Thị Thung) Ấp Phước Hòa	2082/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.303	2024-2025	973		8	8	
13	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Nhia, Hẻm 548(Hẻm 548 - Quốc Lộ 22) ấp Cây Trôm	2083/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.384	2024-2025	1.312		8	8	
14	Hẻm số 18 (đường Nguyễn Thị Rành - đường Trung Việt) ấp Trung Việt	2176/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.673	2024-2025	1.543		10	10	
15	Đường 613 (đường 625 - đường 616) ấp Mũi Côn Tiểu	2084/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.651	2024-2025	1.547		10	10	
16	Đường Tô Thị Mừng(đường Ba Sa - đường Nguyễn Thị Nị) ấp Cây Trôm	2085/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.272	2024-2025	1.136		4	4	
17	Hẻm 32 (đường 613 - đường 614) ấp Mũi Côn Tiểu	2086/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	1.269	2024-2025	1.213		8	8	
18	Xây dựng khu vui chơi, thể dục thể thao ngoài trời khu phố 8	9367/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.500	2024-2025	2.115		102	102	
19	Đường số 42	9368/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	3.220	2024-2025	2.698		16	16	
20	Đường Nguyễn Phong Sắc	9369/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	4.700	2024-2025	4.381		24	24	
21	Đường Lưu Khai Hồng	9370/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	5.308	2024-2025	4.595		46	46	
22	Đường Đỗ Cơ Quang	9371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	3.892	2024-2025	3.413		15	15	
23	Đường 10A	9372/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	5.846	2024-2025	5.319		30	30	
24	Đường Đỗ Đình Nhân	9373/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	6.890	2024-2025	6.337		33	33	
25	Đường số 41	9374/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	7.676	2024-2025	6.709		39	39	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
26	Đường số 40	9375/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	16.477	2024-2025	14.566		187	187	
27	Đường Đinh Kiến	9376/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	4.984	2024-2025	4.359		42	42	
28	Đường Ông Ích Đường	9377/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	13.334	2024-2025	11.892		55	55	
29	Đường 12A	9378/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.968	2024-2025	1.758		10	10	
30	Đường Nhựa Khu phố 4	9379/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.381	2024-2025	2.001		12	12	
31	Đường Lê Vĩnh Huy	9380/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	11.115	2024-2025	10.079		48	48	
32	Đường số 35	9381/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	7.796	2024-2025	6.909		36	36	
33	Đường Nguyễn Viết Xuân	9382/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	20.396	2024-2025	15.924		77	77	
34	Đường 14A	9383/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	3.496	2024-2025	3.115		18	18	
35	Đường Ninh Tôn	9384/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	4.742	2024-2025	1.103		24	24	
36	Đường 11A	9385/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.475	2024-2025	1.205		116	116	
37	Sửa chữa nâng cấp đường Đường Lê Thị Lức + mương thoát nước ( Điểm đầu Đường Tinh lộ 8_Điểm cuối Đường Hà Văn Lao, ấp Tây).	2113/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	1.476	2024-2025	1.334		15	15	
38	Sửa chữa nâng cấp Hẻm 124, Đường Đào Văn Thử, Điểm đầu Đào Văn Thử _Điểm cuối Tiếp giáp với Đường Hà Văn Lao, ấp Xóm Chùa.	2115/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	892	2024-2025	806		8	8	
39	Hẻm số 25/2_tổ 2, ấp Mũi Lớn 2 ( điểm đầu đường Trần Thị Dư, điểm cuối Tinh Lộ 8).	2116/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	1.354	2024-2025	1.064		158	158	
40	Hẻm số 75, Ấp Xóm Chùa ( Điểm đầu đường Đào Văn Thử, điểm cuối kênh N46 ấp Tây)	2117/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	1.393	2024-2025	1.282		14	14	
<b>83</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Định</b>		<b>28.801</b>		<b>-</b>	<b>100</b>	<b>850</b>	<b>950</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>28.801</b>		-	<b>100</b>	<b>850</b>	<b>950</b>	
1	Dự án sửa chữa, cải tạo 14 hẻm tại Khu phố 10 đến Khu phố 14 phường Tân Định (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Trần Quang Khải, Bà Lê Chân, Đặng Dung, Lý Văn Phúc, Nguyễn Phi Khanh, Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Mã Lộ, Đinh Công Tráng)		9.123	2026	-	50	400	450	
2	Dự án sửa chữa, cải tạo 15 hẻm tại Khu phố 1 đến Khu phố 9 phường Tân Định (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Trần Quang Khải, Trần Khắc Chân, Trần Khánh Dư, Nguyễn Văn Nguyễn)		19.678	2026-2027	-	50	450	500	
<b>84</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Mỹ</b>		<b>22.985</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>22.985</b>		-	-	<b>300</b>	<b>300</b>	
1	Sửa chữa trụ sở của UBND phường Tân Mỹ (Địa chỉ số N230 Hoàng Quốc Việt, phường Tân Mỹ do UBND phường Phú Thuận tạm sử dụng làm trụ sở Đảng ủy - Mặt trận Tổ quốc phường)		1.000	2026-2027	-		100	100	
2	Sửa chữa, nâng cấp đường số 6A, 9A, 9B		2.760	2026-2027	-		100	100	
3	Nâng cấp chống ngập các tuyến đường tại khu vực cụm trường Tiểu học, THCS Phạm Hữu Lầu		19.225	2026-2027	-		100	100	
<b>85</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt</b>		<b>53.999</b>		-	-	<b>450</b>	<b>450</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>53.999</b>		-	-	<b>450</b>	<b>450</b>	
1	Nâng cấp đường Tân Long		37.599	2026-2027	-	-	350	350	
2	Nâng cấp đường Bàu Gốc		16.400	2026-2027	-	-	100	100	
<b>86</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Phú</b>		<b>59.380</b>		-	<b>200</b>	<b>900</b>	<b>1.100</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>59.380</b>		-	<b>200</b>	<b>900</b>	<b>1.100</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm: 36 Huỳnh Thiện Lộc; 36 Trịnh Đình Thảo; 1 và 40 Tân Thành; 44 và 60 Đoàn Hồng Phước và cụm hẻm đường Thoại Ngọc Hầu		20.000	2026-2028	-	50	250	300	
2	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm đường Lũy Bán Bích (hẻm 98, 120, 142, 450, 644, 710/53)		5.000	2026-2028	-	50	150	200	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Đoàn Hồng Phước		10.000	2026-2028	-	50	150	200	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
4	Sửa chữa, nâng cấp đường và cụm hẻm phường Tân Thới Hòa cũ: đường Lê Quát, hẻm 45, 47, 51, 96 Hòa Bình, cụm hẻm Bùi Cầm Hồ		19.900	2026-2028	-	50	250	300	
5	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Tân Phú		4.480	2026 - 2028	-	-	100	100	
					-				
<b>87</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn</b>		<b>225.000</b>		-	<b>50</b>	<b>2.200</b>	<b>2.250</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>225.000</b>		-	<b>50</b>	<b>2.200</b>	<b>2.250</b>	
1	Xây dựng mới Trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Tân Sơn		121.000	2026-2029	-	50	800	850	
2	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Tân Sơn		45.000	2026-2028	-	-	500	500	
3	Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 02, 48, 66, 49, 161 Phạm Văn Bạch; hẻm 103 Trần Thái Tông; hẻm chợ Tân Trụ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn		19.500	2026-2028	-	-	300	300	
4	Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 294, 306, 324, 340, 356, 370, 384, 390, 400, 408, 416, 424 Phạm Văn Bạch và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn		19.800	2026-2028	-	-	300	300	
5	Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 15, 143 Phan Huy Ích; 45, 45/7, 45/25 Trần Thái Tông và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn		19.700	2026-2028	-	-	300	300	
<b>88</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì</b>		<b>122.500</b>		-	<b>550</b>	<b>6.700</b>	<b>7.250</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>122.500</b>		-	<b>550</b>	<b>6.700</b>	<b>7.250</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường và các hẻm nhánh đường Hà Thị Đát		18.000	2026-2028	-	50	1.000	1.050	
2	Sửa chữa, nâng cấp đường Hoa Bằng		20.000	2026-2028	-	50	1.000	1.050	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường và các hẻm nhánh đường Lê Đình Thám; hẻm 87 Tân Thắng		28.000	2026-2028	-	50	1.000	1.050	
4	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 188/29, 304/15, 304/25, 382/12 (từ nhà số 382/12 vòng ra hẻm 382 TKTQ), 304/14, 304/14/7, 304/14/9, 304/14/21 Tân Kỳ Tân Quý		10.000	2026-2028	-	50	500	550	
5	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 16, 16/5, 16/9, 16/17, 16/8, 63 Trần Văn Ôn		6.100	2026-2028	-	50	300	350	
6	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 22 Nguyễn Văn Săng và các hẻm nhánh		7.500	2026-2028	-	50	500	550	
7	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 26, 137 Nguyễn Quý Anh		3.000	2026-2028	-	50	200	250	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
8	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 73, 389 Lê Trọng Tấn; cụm hẻm 18 Đỗ Nhuận (đoạn từ hẻm 37/33 BBTT đến hẻm 193 Lê Trọng Tấn) và hẻm 37/2 Bờ Bao		7.300	2026-2028	-	50	500	550	
9	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 353 Tân Sơn Nhì và hẻm 20, 20/5 Gò Dầu		4.200	2026-2028	-	50	300	350	
10	Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 103 Nguyễn Thế Truyền		3.500	2026-2028	-	50	400	450	
11	Sửa chữa, nâng cấp đường và các hẻm nhánh đường Dương Văn Dương		14.900	2026-2028	-	50	1.000	1.050	
<b>89</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo</b>		<b>525.996</b>		-	<b>300</b>	<b>223.700</b>	<b>224.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>525.996</b>		-	<b>300</b>	<b>223.700</b>	<b>224.000</b>	
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc của Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Tân Tạo	742/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	276.000	2026-2029	-	100	104.900	105.000	
2	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường Tân Tạo	740/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	64.000	2026-2028	-	100	29.900	30.000	
3	Đầu tư Xây dựng mới Đường D10 (đoạn từ đầu đường Trần Văn Giàu đến Sông Kinh)	741/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	185.996	2026-2029	-	100	88.900	89.000	
<b>90</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp</b>		<b>5.000</b>		-	-	<b>200</b>	<b>200</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>5.000</b>		-	-	<b>200</b>	<b>200</b>	
1	Sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Thới Hiệp		2.576	2026-2028	-		100	100	
2	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng và cải tạo công viên (khu đất 7.368,4 m <sup>2</sup> )		2.424	2026-2028	-		100	100	
<b>91</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận</b>		<b>8.789</b>		-	<b>100</b>	<b>500</b>	<b>600</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>8.789</b>		-	<b>100</b>	<b>500</b>	<b>600</b>	
1	Cải tạo hẻm 502 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận	1904/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	8.789	2026-2027		100	500	600	
<b>92</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú</b>		<b>48.930</b>		<b>11.879</b>	<b>800</b>	<b>27.850</b>	<b>28.650</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyên tiếp</b>		<b>13.732</b>		11.879	-	<b>492</b>	<b>492</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Nâng cấp hệ thống thoát nước đường 179, phường Tân Phú	14925/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	4.006	2025	3.304	-	15	15	
2	Nâng cấp hẻm 3/25/11 đường 182, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A	14743/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	2.013	2025	1.712	-	164	164	
3	Nâng cấp Hẻm 207, đường Nam Cao, đoạn từ Cầu gỗ đến hết tuyến	15598/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	3.204	2025	2.852	-	130	130	
4	Nâng cấp đường số 2, phường Tăng Nhơn Phú B	1167/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	4.509	2025	4.011	-	183	183	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>35.198</b>		<b>-</b>	<b>800</b>	<b>27.358</b>	<b>28.158</b>	
1	Nâng cấp hẻm 20 đường số 160 và các hẻm nhánh	747/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	6.300	2026-2027	-	100	4.940	5.040	
2	Nâng cấp hẻm 138, hẻm 144, hẻm 192 và hẻm 198 đường Man Thiện, phường Tăng Nhơn Phú	748/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	7.138	2026-2027	-	100	5.610	5.710	
3	Nâng cấp Hẻm 135 (gồm 2 nhánh) và lắp đặt mới Hệ thống thoát nước Đường 14 - khu phố 65	749/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	4.889	2026-2027	-	100	3.811	3.911	
4	Hẻm 140 đường Cầu Xây 2, khu phố 23	750/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	3.900	2026-2027	-	100	3.020	3.120	
5	Nâng cấp hẻm 39 và hẻm 82 đường 10, phường Tăng Nhơn Phú	751/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	3.300	2026-2027	-	100	2.540	2.640	
6	Nâng cấp hẻm 3, hẻm 7 và hẻm 83 đường 385, phường Tăng Nhơn Phú	752/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	7.461	2026-2027	-	100	5.869	5.969	
7	Nâng cấp hẻm 157 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú	753/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	1.044	2026-2027	-	100	735	835	
8	Nâng cấp hẻm 24 Tú Xương, phường Tăng Nhơn Phú	754/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	1.166	2026-2027	-	100	833	933	
<b>93</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ</b>		<b>431.851</b>		<b>2.419</b>	<b>550</b>	<b>37.699</b>	<b>38.249</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>310.530</b>		<b>-</b>	<b>300</b>	<b>2.650</b>	<b>2.950</b>	
1	Xây dựng, sửa chữa hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Thái Mỹ		149.766		-	-	850	850	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Sửa chữa nâng cấp trụ sở hành chính UBND xã Thái Mỹ		25.000		-	50	350	400	
3	Sửa chữa nâng cấp trụ sở Đảng ủy xã Thái Mỹ		19.711		-	50	750	800	
4	Sửa chữa nâng cấp đường + Xây mới hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Quá (Điểm đầu QL 22 - Điểm cuối đường 656) ấp Phước Hưng		27.138		-	50	200	250	
5	Sửa chữa nâng cấp đường + Xây mới hệ thống thoát nước đường Trương Thị Khét (Điểm đầu Tỉnh lộ 7 - Điểm cuối đường 648)		34.999		-	50	200	250	
6	Tiêu thoát nước cạp đường 715 (Điểm đầu hộ ông Lý Kim Phương - Điểm cuối hộ ông Trương Văn Luông)		14.995		-	50	100	150	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường Trương Thị Kiện		38.921		-	50	200	250	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>109.851</b>		<b>-</b>	<b>250</b>	<b>34.900</b>	<b>35.150</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường Đoàn Triết Minh	1312/QĐ-UBND ngày 08/5/2026	30.000	2026-2028	-	50	9.200	9.250	
2	Xây dựng mới mương thoát nước 02 bên đường Lê Thị Kịa	1309/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	25.000	2026-2028	-	50	7.700	7.750	
3	Tiêu thoát nước đường Phú Thuận	1308/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	25.000	2026-2028	-	50	7.700	7.750	
4	Xây dựng mương thoát nước 2 bên đường 691 (Tỉnh lộ 7 - Kênh N387)	1313/QĐ-UBND ngày 08/5/2026	19.998	2026-2028	-	50	6.200	6.250	
5	Sửa chữa, nâng cấp hẻm 37, đường Phạm Thị Điệp (điểm đầu đường Phạm Thị Điệp - Điểm cuối tiếp giáp kênh Quyết Thắng)	1273/QĐ-UBND ngày 05/5/2026	9.852	2026-2027	-	50	4.100	4.150	
<b>c</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>11.470</b>		<b>2.419</b>	<b>-</b>	<b>149</b>	<b>149</b>	
1	Nâng cấp hẻm số 90 đường Đoàn Triết Minh	9364/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	400	2024-2025	59		4	4	
2	Xây mới khu thể thao đa năng của xã	9403/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	192		10	10	
3	Sửa chữa nâng cấp đường 719 (điểm đầu tiếp giáp đường Trung Lập, điểm cuối tiếp giáp đường hẻm 96)	9408/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	995	2024-2025	105		6	6	
4	Lắp đặt mới các bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, xã Phước Thạnh	9521/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	3.000	2024-2025	140		85	85	
5	Nâng cấp, Sửa chữa đường 737 (Điểm đầu tiếp giáp đường Trung Lập - điểm cuối kênh N23A - 14).	9412/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	501	2024-2025	105		3	3	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
6	Nâng cấp hẻm số 72 (Đoạn: điểm đầu: Hộ ông Ngô Văn Tình - điểm cuối: Hộ ông Trần Văn Tấn)	9413/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	600	2024-2025	80		6	6	
7	Đầu tư đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và hệ thống loa đến các ấp	9192/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	1.962	2024-2025	50		8	8	
8	Đầu tư hệ thống phát wifi miễn phí tại văn phòng 08 ấp, nhà truyền thống, trạm y tế, Công an xã, UBND xã	9196/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	312	2024-2025	17		2	2	
9	Xây dựng mới văn phòng ấp và phòng truyền thống ấp Mỹ Khánh B	2137/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	1.700	2024-2025	1.479		24	24	
10	Nâng cấp sửa chữa đường liên ấp Chợ - Phước An	9417/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1.000	2024-2025	192		1	1	
<b>94</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Thạnh An</b>		<b>532.570</b>		<b>45.583</b>	<b>436</b>	<b>6.535</b>	<b>6.971</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>54.820</b>		<b>45.583</b>	<b>436</b>	<b>4.935</b>	<b>5.371</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường khu dân cư ấp Thạnh Hòa (đoạn từ Tổ 11 đến Tổ 29)	479/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	5.000	2024 - 2025	4.155	28	72	100	
2	Cải tạo, nâng cấp đường khu dân cư ấp Thạnh Hòa (đoạn từ Tổ 1 đến Tổ 3)	478/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.000	2024 - 2025	3.594	18	51	69	
3	Nâng cấp, mở rộng đường khu dân cư Tổ 39 ấp Thiềng Liềng	481/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.610	2024-2026	1.493	10	31	41	
4	Nâng cấp, mở rộng đường khu dân cư Tổ 38 ấp Thiềng Liềng	480/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.210	2024-2026	1.119	7	27	34	
5	Cải tạo, nâng cấp đường dọc biển (đoạn từ Ban ấp Thạnh Bình đến Trường Trung học phổ thông Thạnh An)	477/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	12.000	2024-2026	11.217	47	246	293	
6	Nâng cấp đê bao và hệ thống thủy lợi đồng muối Thiềng Liềng	482/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	15.050	2024-2026	13.406	100	560	660	
7	Nâng cấp, mở rộng đường dẫn cầu Đá Ngà	54/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	7.000	2024-2026	2.815	98	3.512	3.610	
8	Đầu tư san lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước khu vực phía trong kè đá tại khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão	56/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	7.500	2024-2026	6.922	106	35	141	
9	Cải tạo, nâng cấp cảnh quang khuôn viên, phòng trưng niệm Bác Hồ và pano tuyên truyền	683/QĐ-UBND ngày 11/06/2025	1.450	2024-2026	862	22	401	423	
<b>b</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>477.750</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.600</b>	<b>1.600</b>	
1	Xây dựng mới Trụ sở các cơ quan Đảng, chính quyền xã Thạnh An		89.000	2027-2029	-		200	200	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
2	Xây dựng Trụ sở chủ quyền biển đảo kết hợp không gian văn hóa Hồ Chí Minh xã đảo Thạnh An		7.500	2027-2029	-		100	100	
3	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông và hệ thống loa trên địa bàn xã đảo Thạnh An		5.000	2027-2029	-		100	100	
4	Đầu tư hệ thống wifi miễn phí tại các điểm công cộng xã Thạnh An		5.500	2027 - 2029	-		100	100	
5	Xây dựng tuyến kè kết hợp đường giao thông từ bến cầu tàu trước Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Biên phòng		180.000	2027-2029	-		200	200	
6	Chỉnh trang trục đường chính từ bến đò cầu Đá Ngâm đến Miếu Bà		100.000	2027-2029	-		200	200	
7	Nâng cấp, mở rộng cầu tàu và nạo vét luồng trước bến đò ấp Thiềng Liềng, xã đảo Thạnh An		8.750	2027-2029	-		100	100	
8	Nâng cấp, mở rộng đường khu dân cư ấp Thiềng Liềng, xã đảo Thạnh An		7.500	2027-2029	-		100	100	
9	Nâng cấp đường nhánh khu dân cư các ấp trên địa bàn xã Thạnh An		20.000	2027-2029	-		100	100	
10	Nâng cấp Ban Chỉ huy quân sự xã Thạnh An		8.000	2027-2029	-		100	100	
11	Nạo vét các luồng rạch, kết hợp điểm neo đậu tàu thuyền kết hợp điểm tập kết rác xã Thạnh An		7.000	2027-2029	-		100	100	
12	Xây dựng nhà trưng bày sản phẩm OCOP kết hợp văn phòng làm việc		19.500	2027-2029	-		100	100	
13	Cải tạo đoạn kênh khu dân cư ấp Thiềng Liềng, xã Thạnh An		20.000	2027-2029	-		100	100	
<b>95</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Tây</b>		<b>279.357</b>		-	<b>450</b>	<b>2.750</b>	<b>3.200</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>279.357</b>		-	<b>450</b>	<b>2.750</b>	<b>3.200</b>	
1	Nâng cấp cụm hẻm đường Phan Văn Hân - Phan Huy Ôn - Huỳnh Tịnh Của - Huỳnh Mẫn Đạt - Nguyễn Công Trứ - Ngô Tất Tố, phường Thạnh Mỹ Tây		19.900	2026-2028	-	50	300	350	
2	Nâng cấp cụm hẻm đường Võ Duy Ninh - Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thạnh Mỹ Tây		19.990	2026-2028	-	50	300	350	
3	Nâng cấp cụm hẻm đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây		15.000	2026-2028	-	50	300	350	
4	Nâng cấp cụm hẻm đường Nguyễn Gia Trí, phường Thạnh Mỹ Tây		42.000	2026-2028	-	50	500	550	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
5	Lắp đặt hệ thống thoát nước đường Huỳnh Mẫn Đạt, phường Thanh Mỹ Tây		7.500	2026-2028	-	50	100	150	
6	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Thương, phường Thanh Mỹ Tây		5.000	2026-2028	-	50	100	150	
7	Nâng cấp, cải tạo cụm hẻm 356, 328 (306 cũ), 886 Xô Viết Nghệ Tĩnh và hẻm 441 Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây		18.000	2026-2028	-	50	300	350	
8	Nâng cấp, cải tạo cụm hẻm thuộc Khu dân cư Lô ABC và hẻm 117 Nguyễn Hữu Cảnh (từ Nguyễn Hữu Cảnh đến cầu hiện hữu), phường Thanh Mỹ Tây		25.000	2026-2028	-	50	300	350	
9	Cải tạo hẻm 602 Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây		19.967	2026-2028	-	50	300	350	
10	Nâng cấp đường Mê Linh, phường Thanh Mỹ Tây		10.000	2026-2028	-	-	200	200	
11	Xây dựng nâng cấp đường D5 (từ đường Nguyễn Gia Trí nối thông ra đường Võ Oanh), phường Thanh Mỹ Tây		97.000	2026-2030	-	-	50	50	
					-				
<b>96</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Thới An</b>		<b>411.800</b>		-	<b>250</b>	<b>10.106</b>	<b>10.356</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>411.800</b>		-	<b>250</b>	<b>10.106</b>	<b>10.356</b>	
1	Xây dựng đường vào Trường Tiểu học tại ô phố II/6 - Đồ án khu 1 phường Thới An (đường ký hiệu D2B từ đường Đỗ Mười đến đường dọc kênh Tham Lương)		78.000	2026-2029	-	50	500	550	
2	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Quán, phường Thới An		152.000	2026-2029	-	50	2.950	3.000	
3	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Cầu số 1 (đoạn từ rạch Cầu Vồng đến đường TX52), phường Thới An		19.900	2026-2028	-	50	911	961	
4	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Thầy Quyền, phường Thới An		19.900	2026-2028	-	50	940	990	
5	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Lê Thị Riêng, phường Thới An		42.000	2026-2028	-	50	629	679	
6	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường, hẻm trên địa bàn phường		18.880	2026-2028	-	-	940	940	
7	Nạo vét, gia cố rạch Cầu Móng		24.960	2026-2028	-	-	630	630	
8	Nạo vét, gia cố rạch Hai Long		9.360	2026-2028	-	-	637	637	
9	Nạo vét, gia cố rạch Tám Trung		26.520	2026-2028	-	-	650	650	
10	Nạo vét, gia cố rạch Rỗng Bùng		12.480	2026-2028	-	-	742	742	
11	Nạo vét, gia cố rạch Cơ Khí		7.800	2026-2028	-	-	577	577	
<b>97</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc</b>		<b>573.283</b>		-	<b>2.600</b>	<b>4.700</b>	<b>7.300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>573.283</b>		-	<b>2.600</b>	<b>4.700</b>	<b>7.300</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
1	Nạo vét rạch Cầu Suối (từ đường Vĩnh Lộc đến đường Dân Công Hòa Tuyến)		48.500	2026-2028	-	100	500	600	
2	Nâng cấp đường Liên Ấp 2-3-4 (từ đường Lê Thị Ngay đến ranh xã Bà Điểm)		85.410	2026-2028	-	500	200	700	
3	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Trọn ranh ấp 9 tiếp giáp Ấp 16 đến Lê Thị Ngay		47.050	2026-2028	-	100	300	400	
4	Nâng cấp đường Ấp 1 (từ đường Ấp 1A đến đường Vĩnh Lộc)		19.620	2026-2028	-	100	500	600	
5	Nâng cấp đường các Ấp 30-31-32-33		37.950	2026-2028	-	100	300	400	
6	Nâng cấp đường các Ấp 31-32-33		19.998	2026-2028	-	100	400	500	
7	Nâng cấp đường các Ấp 35-37-38-39-40		23.810	2026-2028	-	100	200	300	
8	Nâng cấp đường Ấp 8 (liên tổ 8-9 Ấp 1B cũ) (từ đường Kênh Trung Ương đến đường Nguyễn Thị Trọn)		7.910	2026-2028	-	100	200	300	
9	Nâng cấp đường các Ấp 71, Ấp 22-23-24-25		23.255	2026-2028	-	100	300	400	
10	Nâng cấp đường Ấp 57 (tổ 11 Ấp 5 cũ) (từ đường Thới Hòa đến cuối tuyến)		6.420	2026-2028	-	100	200	300	
11	Nâng cấp đường các Ấp 55, Ấp 64		8.960	2026-2028	-	100	300	400	
12	Nâng cấp đường Bờ Đội An Điền (từ đường kênh Trung Ương đến kênh Liên Vùng)		77.000	2026-2028	-	500	300	800	
13	Nạo vét kênh N2 (từ Kênh Trung ương đến rạch Cầu Suối)		23.000	2026-2028	-	100	300	400	
14	Đường Liên Ấp 1-1B-2A (đường vào trường Đồng Đen, đoạn từ đường Lê Thị Ngay đến đường Liên Ấp 6-2)		131.000	2026-2028	-	500	300	800	
15	Nâng cấp đường lô B Kênh 5, Kênh 6 ấp 75		13.400	2026-2028	-	-	400	400	
<b>98</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Vườn Lài</b>		<b>211.613</b>		-	<b>5.500</b>	<b>29.800</b>	<b>35.300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>211.613</b>		-	<b>5.500</b>	<b>29.800</b>	<b>35.300</b>	
1	Xây dựng mới Trung tâm Hội nghị phường Vườn Lài (tại 63 đường Lý Thái Tổ)	Số 1778/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026	74.495	2026-2028		1.000	10.400	11.400	
2	Xây dựng mới Trụ sở hành chính phường Vườn Lài (tại số 350B đường Trần Bình Trọng)	Số 1779/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026	81.585	2026-2028		1.000	9.000	10.000	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định điều chỉnh lần cuối)			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết niên độ kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026	Tổng kế hoạch năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số ngày	TMDT	Thời gian (KC - HT)					
3	Chỉnh trang vỉa hè đường Lê Hồng Phong, phường Vườn Lài (từ Vòng xoay Ngã Bảy đến đường Hùng Vương)	Số 1774/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026	12.938	2026-2027		1.000	2.200	3.200	
4	Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư xây dựng hệ thống phòng cháy, chữa cháy trên 30 tuyến hẻm	Số 1775/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026	24.361	2026-2027		500	5.600	6.100	
5	Chỉnh trang vỉa hè đường Nguyễn Tri Phương, phường Vườn Lài (từ Vòng xoay Ngã Sáu đến đường Ba Tháng Hai)	Số 1776/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026	13.472	2026-2027		1.000	2.400	3.400	
6	Chỉnh trang vỉa hè đường Hùng Vương, phường Vườn Lài (từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Chí Thanh)	Số 1777/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026	4.762	2026-2027		1.000	200	1.200	
<b>99</b>	<b>Ủy ban nhân dân phường Đức Nhuận</b>		<b>19.037</b>			<b>100</b>	<b>17.688</b>	<b>17.788</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>19.037</b>			<b>100</b>	<b>17.688</b>	<b>17.788</b>	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp các hẻm trên địa bàn phường Đức Nhuận (đợt 1)	1483/QĐ-UBND ngày 14/05/2026	19.037	2026-2027		100	17.688	17.788	
<b>100</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn</b>		<b>98.196</b>		-	<b>200</b>	<b>300</b>	<b>500</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>98.196</b>		-	<b>200</b>	<b>300</b>	<b>500</b>	
1	Đầu tư hệ thống thoát nước đường XTS17 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Bứa đến đường Trương Thị Như)		19.734	2026-2028	-	100	200	300	
2	Cải tạo, kết hợp nâng cấp đường dọc kênh tiêu liên xã (giai đoạn 2)		78.462	2026-2028	-	100	100	200	